

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

**VẬN KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG GIẢNG
DẠY MÔN LÝ LUẬN DẠY HỌC THEO
CHƯƠNG TRÌNH 150TC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

MÃ SỐ: T2015-58TĐ



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 01/2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO
ĐỀ TÀI KH & CN CẤP TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM**

***VẬN KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG GIẢNG
DẠY MÔN LÝ LUẬN DẠY HỌC THEO
CHƯƠNG TRÌNH 150TC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH***

Mã số: T2015-58TĐ

Chủ nhiệm đề tài: PGS. TS. Võ Thị Ngọc Lan

TP. HCM, tháng 01 năm 2016

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	v
THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	vi
PHẦN MỞ ĐẦU	1
PHẦN NỘI DUNG	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ THUẬT DẠY HỌC	4
1.1. Sơ lược về kỹ thuật dạy học và tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực	4
1.1.1. <i>Trên thế giới</i>	4
1.1.2. <i>Việt Nam</i>	5
1.2. Khái lược về kỹ thuật dạy học	7
1.2.1. <i>Khái niệm</i>	7
1.2.1.1. <i>Kỹ thuật dạy học</i>	7
1.2.1.2. <i>Tính tích cực học tập</i>	7
1.2.1.3. <i>Kỹ thuật dạy học tích cực</i>	8
1.2.2. <i>Khái quát về 10 kỹ thuật dạy học tích cực</i>	8
1.2.2.1. <i>Kỹ thuật mô phỏng từ các tình huống dạy và học</i>	8
1.2.2.2. <i>Kỹ thuật tia chớp</i>	9
1.2.2.3. <i>Kỹ thuật bào chữa thân kỳ</i>	10
1.2.2.4. <i>Kỹ thuật cấu trúc hóa hoạt động</i>	11
1.2.2.5. <i>Kỹ thuật ngừng (dừng) thuyết trình</i>	12
1.2.2.6. <i>Kỹ thuật “ô bi”</i>	13
1.2.2.7. <i>Kỹ thuật tam giác</i>	14
1.2.2.8. <i>Kỹ thuật trò chơi quyết định</i>	15
1.2.2.9. <i>Kỹ thuật trò chơi đóng vai</i>	16
1.2.2.10. <i>Sơ đồ khái niệm</i>	17
TÓM TẮT CHƯƠNG 1	19
CHƯƠNG 2: VẬN DỤNG DẠY HỌC THEO KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC MÔN LÝ LUẬN DẠY HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	20
2.1. Cơ sở để vận dụng dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực.....	20
2.2. Tổ chức vận dụng dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực.....	22
2.2.1. <i>Quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực</i>	22
2.2.2. <i>Tiến hành tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực</i>	22

2.2.2.1. <i>Giai đoạn 1: Lựa chọn kỹ thuật dạy học tích cực</i>	22
2.2.2.2. <i>Giai đoạn 2: Lập kế hoạch giảng dạy</i>	26
2.2.2.3. <i>Giai đoạn 3: Thực hiện bài dạy theo kỹ thuật dạy học tích cực</i>	43
2.2.2.4. <i>Giai đoạn 4: Đánh giá bài dạy</i>	43
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	47
CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	48
3.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm	48
3.2. Nhiệm vụ của thực nghiệm sư phạm	48
3.3. Đối tượng thực nghiệm sư phạm	48
3.4. Tiến trình thực nghiệm sư phạm.....	48
3.5. Kết quả	49
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	69
PHẦN KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	71
TÀI LIỆU THAM KHẢO	74
PHỤ LỤC	76
PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC	76
PHỤ LỤC 2: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN LÝ LUẬN DẠY HỌC.....	79
PHỤ LỤC 3: MINH CHỨNG VỀ ĐÁNH GIÁ BÀI DẠY CỦA TRỢ GIẢNG	92
PHỤ LỤC 4: MINH CHỨNG VỀ KHẢO SÁT VÀ QUAN SÁT CỦA SV	122
PHỤ LỤC 5: BẢN SAO THUYẾT MINH ĐỀ TÀI	132
PHỤ LỤC 6: BẢN SAO BÀI BÁO KHOA HỌC.....	142

DANH MỤC HÌNH

<i>Hình 2.1: Quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực</i>	22
<i>Hình 3.1: Biểu đồ về sự tập trung của SV nhóm 01</i>	63
<i>Hình 3.2: Biểu đồ về tính tích cực của SV trong nhóm 01</i>	63
<i>Hình 3.3: Biểu đồ về sự tập trung của SV nhóm 02</i>	64
<i>Hình 3.4: Biểu đồ về tính tích cực của SV trong nhóm 02</i>	64
<i>Hình 3.5: Biểu đồ về sự tập trung của SV nhóm 03</i>	66
<i>Hình 3.6: Biểu đồ về tính tích cực của SV trong nhóm 03</i>	66
<i>Hình 3.7: Biểu đồ về sự tập trung của SV nhóm 04</i>	67
<i>Hình 3.8: Biểu đồ về tính tích cực của SV trong nhóm 04</i>	67

DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng 2. 1. Tổng hợp và hệ thống các chương, nội dung trọng tâm, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực môn Lí luận dạy học.....</i>	<i>24</i>
<i>Bảng 2. 2. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ nhất (tuần đầu)</i>	<i>26</i>
<i>Bảng 2. 3. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ hai (tuần 2)</i>	<i>29</i>
<i>Bảng 2. 4. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ ba (tuần 3)</i>	<i>32</i>
<i>Bảng 2.5. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ tư (tuần 4)</i>	<i>35</i>
<i>Bảng 2.6. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ mười (tuần 10)</i>	<i>40</i>
<i>Bảng 2.7. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ mười một (tuần 11)</i>	<i>41</i>
<i>Bảng 3.1. Động cơ học tập của sinh viên học môn LLDH ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM</i>	<i>49</i>
<i>Bảng 3.2. Đánh giá về mức độ ảnh hưởng tích cực học tập của SV đến việc vận dụng KTDHTC.....</i>	<i>51</i>
<i>Bảng 3.3. Mô tả, so sánh kết quả điểm thi quá trình và thi cuối kỳ ở lớp đối chứng.....</i>	<i>53</i>
<i>Bảng 3.4. Mô tả, so sánh kết quả điểm thi quá trình và thi cuối kỳ ở lớp thực nghiệm....</i>	<i>55</i>
<i>Bảng 3. 5. Những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 01 qua 4 buổi (lần) học thực nghiệm</i>	<i>62</i>
<i>Bảng 3.6. Những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 02 qua 4 buổi (lần) học thực nghiệm</i>	<i>63</i>
<i>Bảng 3.7. Những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 03 qua 4 buổi (lần) học thực nghiệm</i>	<i>65</i>
<i>Bảng 3. 8. Những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 04 qua 4 buổi (lần) học thực nghiệm</i>	<i>66</i>

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CDIO	Conceive Design Implement Operate
B	Bước
BC	Bản chất
BĐTĐ	Bản đồ tư duy
DH	Dạy học
ĐTB	Điểm trung bình
GĐ	Giai đoạn
GV	Giảng viên
HTTCDH	Hình thức tổ chức dạy học
HS	Học sinh
KT, KTDH, KTDHTC	Kỹ thuật, kỹ thuật dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực
KT-XH-VH-KH	Kinh tế - Xã hội - Văn hóa - Khoa học
LLDH	Lí luận dạy học
MT, MTDH	Mục tiêu, mục tiêu dạy học
ND, NDDH	Nội dung, nội dung dạy học
NT	Nguyên tắc
NV	Nhiệm vụ
PP, PPDH	Phương pháp, phương pháp dạy học
QTDH	Quá trình dạy học
QTSP	Quá trình sư phạm
SL	Số lượng
SV	Sinh viên
TC	Tín chỉ
TP	Thành phố
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
ThS.	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông
TS	Tần số
TS.	Tiến sĩ
TT	Thứ tự
XH	Xã hội

THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VIỆN SƯ PHẠM KỸ THUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, Ngày 21 tháng 1 năm 2016

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung

- Tên đề tài: *Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Lí luận dạy học theo chương trình 150TC ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh*

- Mã số: T2015-58 TĐ

- Chủ nhiệm: PGS. TS. Võ Thị Ngọc Lan

- Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2015

2. Mục tiêu

Vận dụng 10 kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Lí luận dạy học theo chương trình 150TC ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

3. Tính mới và sáng tạo

Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực thông qua quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Lí luận dạy học được tiến hành lần đầu ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM. Để triển khai công việc vận dụng này, người nghiên cứu đã dịch 10 kỹ thuật dạy học tích cực từ tiếng Đức và kết hợp với 9 kỹ thuật dạy học được hệ thống trong đề tài cấp trường năm 2013 của mình nhằm xác định 10 kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với nội dung của môn này. Đồng thời, các phiếu đánh giá bài dạy và phiếu quan sát cũng được soạn thảo chi tiết, đây là 1 công cụ giúp giáo viên dự giờ và sinh viên có sở sở khoa học đánh giá bài dạy của giảng viên trong khi thực nghiệm sư phạm.

4. Kết quả nghiên cứu

- *Thứ nhất*, hệ thống cơ sở lí luận về kỹ thuật dạy học tích cực như khái quát các nghiên cứu về kỹ thuật dạy học trong và ngoài nước; dịch từ tài liệu Tiếng Đức 10 kỹ thuật dạy học tích cực: Kỹ thuật mô phỏng từ các tình huống dạy và học, kỹ thuật tia chớp, kỹ thuật bảo chữa thần kỳ, kỹ thuật cấu trúc hóa hoạt động, kỹ thuật ngừng thuyết trình, kỹ thuật “ồ bi”, kỹ thuật tam giác, kỹ thuật trò chơi quyết định, kỹ thuật trò chơi đóng vai, kỹ thuật sơ đồ khái niệm; Xác định việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực môn Lí luận dạy học qua phối hợp của 10 kỹ thuật dạy học tích cực và quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực.

- **Thứ hai**, tổ chức dạy học môn Lí luận dạy học theo kĩ thuật dạy học tích cực với trình tự quy trình gồm 4 giai đoạn, giai đoạn 1: Lựa chọn kĩ thuật dạy học, trên cơ sở phân tích chương trình môn học theo trình tự: xuất phát từ mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, phương tiện dạy học. Kế tiếp là tìm hiểu GV và SV, sau cùng đã xác định được 10 kĩ thuật dạy học tích cực: **Kĩ thuật động não, kĩ thuật tia chớp, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật sơ đồ khái niệm, sơ đồ tư duy, kĩ thuật “ô bi”, kĩ thuật “bể cá”, kĩ thuật dùng thuyết trình, kĩ thuật đặt câu hỏi và kĩ thuật trò chơi đóng vai**. Ở giai đoạn 2: Lập kế hoạch giảng dạy, trong bước 4, người nghiên cứu đã soạn 6 phần “Tiến trình bài dạy” dùng cho 6 lần lên lớp nhằm định hướng kế hoạch giảng dạy của giảng viên theo 10 kĩ thuật dạy học tích cực đã xác định. Riêng trong giai đoạn 3: Thực hiện bài dạy theo kĩ thuật dạy học tích cực, gồm bước 6: Giảng dạy. Giai đoạn 4: Đánh giá bài dạy với bước cuối cùng là: Lấy ý kiến của giáo viên dự giờ và sinh viên tham gia chỉ mới chuẩn bị về lí thuyết, phần thực hiện thể hiện sau trong thực nghiệm sư phạm.

- **Thứ ba**, thực nghiệm sư phạm, dựa trên cơ sở đã tiến hành trong 2 giai đoạn 1 và 2, khi tiến hành thực nghiệm, người nghiên cứu đã giảng dạy thực sự theo đúng kế hoạch đã soạn trong 4 lần lên lớp. Bên cạnh đó, có sự chuẩn bị các công cụ đánh giá cho trợ giảng và SV thực hiện bước 7 trong quy trình tổ chức. Với cách làm này đã thu được kết quả đáng khích lệ qua kết quả điểm thi quá trình và điểm thi cuối kỳ cao hơn nhóm đối chứng.

5. Sản phẩm

- Báo cáo kết quả nghiên cứu
- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Tâm lý học xã hội.

6. Hiệu quả, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và khả năng áp dụng

- **Hiệu quả:**
 - + Phục vụ thiết thực nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tự giác, tích cực, độc lập và sáng tạo của sinh viên trong học tập môn Lí luận dạy học nói riêng và các môn học khác nói chung.
 - + Giúp giảng viên có cơ sở lí luận để áp dụng những kĩ thuật dạy học tích cực và từ đó tự mình tìm hiểu và áp dụng trong giảng dạy.
 - + Sinh viên vận dụng được những kĩ thuật dạy học tích cực trong học tập để tự chiếm lĩnh kiến thức.
- **Phương thức chuyển giao:** Vận dụng trong giảng dạy tại Viện Sư phạm Kỹ thuật – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM

Trưởng Đơn vị
(ký, họ và tên)

Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ và tên)

Võ Thị Ngọc Lan

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: Applying active teaching techniques in teaching didactic subject by program 150TC at the HCMC University of Technology and Education.

Code number: T2015-58TĐ

Coordinator: Assor. Prof. Dr. Vo Thi Ngoc Lan

Implementing institution: HCMC University of Technology and Education

Duration: From January to November 2015

2. Objective(s)

Applying active teaching techniques in teaching didactic subject by program 150TC at the HCMC University of Technology and Education.

3. Creativeness and innovativeness

Applying active teaching techniques through the teaching process under active teaching techniques in teaching didactic subject was conducted for the first time at the HCMC University of Technology and Education. To deploy this application, the researcher translated 10 active teaching techniques from German and combined with 9 teaching techniques systemized in the university-level research project in 2013. At the same time, the evaluation forms and the lesson observation forms were composed in detail. They are useful tools for teachers and students to evaluate the teaching delivery scientifically and accurately during the pedagogic practice.

4. Research results

Firstly, systemizing the rationale of active teaching techniques, such as generalizing on teaching techniques in Vietnam and abroad; translating from German 10 active teaching techniques: simulation bases on teaching and learning situations, lightning, devil's advocate, activities structuring, pausing in a speech, circle in group discussion, triangular technique, decision game, role-playing, conceptual mapping; defining the application of active teaching techniques in teaching didactic subject by using 10 active teaching and learning techniques and the teaching process basing on active teaching techniques.

Secondly, implementing teaching didactic subject with 4-stage process: Stage 1: selecting teaching and learning technique based on curriculum (objective, content,

method and media) analysis and analyzing teacher and students who identified 10 active teaching techniques: brainstorming, lightning, devil's advocate, conceptual mapping, mind mapping, circle in group discussion, fishbowl, pausing in a speech, asking question, role-playing. Stage 2: planning teaching. In step 4, the researcher designed 6 parts of "teaching process" for 6 teaching deliveries in class to orient teaching plans according to 10 active teaching techniques identified. Stage 3: implementing teaching under active teaching techniques including 6 steps. Stage 4: evaluating the teaching delivery with the final step: getting feedbacks from observations of teachers and students who were theoretically prepared, the following implementation shown in the pedagogic practice.

Thirdly, pedagogical practicing, basing on the implementation of stage 1 and 2, the researchers delivered teaching according to teaching plans for 4 times in class. Besides, there was the preparation of the assessment tools for teaching assistants and students in step 7 in the implementation processes. This approach has obtained encouraging results through higher process results and final scores in the control group.

5. Products

- Report findings
- A paper published in the VASP Journal of Social Psychology

6. Effects, transfer alternatives of research results and applicability

- *Effects:*
 - + Meeting practical needs of innovating teaching methods to promote self-discipline, activeness, independence and creativeness of students in learning didactic subject in particular and other subjects in general.
 - + Providing rationale for teachers to apply active teaching techniques and thereby they can study on their own and apply in their teaching practice.
 - + Students can apply the active teaching techniques in learning for acquiring knowledge.
- *Method of delivery:* Applied in teaching at Technical Pedagogical Institute at the HCMC University of Technology and Education.

Head of the research institute

Head of the research

Võ Thị Ngọc Lan

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài (tính cấp thiết của đề tài)

Quá trình nhận thức của sinh viên đại học là tiếp thu những tri thức mới một cách sáng tạo và có phê phán ở trình độ cao những hiểu biết và kỹ năng cơ bản về nghề trong tương lai. Với xu thế học hiện nay là: “học để biết, học để làm, học để làm người và học để cùng chung sống”. Do vậy, phương pháp dạy học ở đại học càng có ý nghĩa quyết định đến trình độ của mỗi sinh viên khi tốt nghiệp. Điều này đã được Luật Giáo dục Việt Nam đề cập trong mục 2 điều 40. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục đại học: “2. Phương pháp đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng...” [7, tr.32-33]

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục ở mọi cấp và trình độ đào tạo đang được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Trong các Văn kiện Đại hội X năm 2006 và duy trì ở Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI năm 2011, về nội dung đã vạch ra: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X)” [4, tr.148] ở mục “V- Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức; bảo vệ môi trường” đã xác định: “Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội. Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.” [4, tr.216]

Nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, cũng như quán triệt và cụ thể hoá các chủ trương, định hướng đổi mới giáo dục và đào tạo, ngày 13 tháng 6 năm 2012, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã ký quyết định phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020" số 711/QĐ-TTg. Chiến lược phát triển giáo dục này, đã quán triệt bốn quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục, trong đó, đáng chú ý đến quan điểm 3 như là những định đề làm nền tảng cho sự đổi mới, sự hội nhập, sự phát triển giáo dục... Nội dung của quan điểm này là: “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển giáo dục gắn với phát triển khoa học và công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng, đặc biệt chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành để một mặt đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng; mặt khác phải chú trọng thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi người học,

những người có năng khiếu được phát triển tài năng.” [11, tr.8] Chiến lược này đưa ra 8 giải pháp, trong đó giải pháp 1 “**Đổi mới quản lý giáo dục**” là giải pháp đột phá và giải pháp 2 “**Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**” là giải pháp then chốt. Một trong những nội dung được quan tâm nhất của trường chúng tôi trong giải pháp 2 là: “a) củng cố, hoàn thiện hệ thống đào tạo giáo viên, đổi mới căn bản và toàn diện nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ sức thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015. Tập trung đầu tư xây dựng các trường sư phạm và các khoa sư phạm tại các trường đại học để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.” [11, tr.10]

Nhận thức được tầm quan trọng của phạm trù phương pháp dạy học trong quá trình dạy học ở đại học. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM từ khóa tuyển sinh 2012- 2013 đã áp dụng chương trình đào tạo 150 tín chỉ theo hướng tiếp cận CDIO càng đòi hỏi cán bộ giảng dạy và sinh viên tiếp cận và tổ chức dạy học có sự đan xen và thống nhất với nhau trong hành động dạy và học. Trong đó, giảng viên đóng vai trò là người điều khiển, người tổ chức và sinh viên là người tự chiếm lĩnh kiến thức và kỹ năng, kỹ xảo. Trong vòng 10 năm gần đây Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về phương pháp dạy học tích cực cho cán bộ giảng dạy, đặc biệt là các giáo viên trẻ. Xong việc áp dụng những động tác, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học vẫn còn hạn chế, chưa phổ biến và chưa đem lại kết quả thiết thực.

Mặt khác, môn Lí luận dạy học (LLDH) là một trong số các môn học cơ bản thuộc khối kiến thức sư phạm. Nó có ý nghĩa quyết định đến năng lực sư phạm của sinh viên khối ngành sư phạm kỹ thuật sau khi tốt nghiệp. Nhưng hoạt động giảng dạy môn này nói còn gặp không ít trở ngại như sinh viên (SV) chưa phát huy tính tích cực, tự giác, tự lực. Số SV học lại sau mỗi học kỳ vẫn tiếp diễn. Nhằm góp phần cải thiện tình hình trên, việc thực hiện đề tài: “Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM” càng trở nên cấp bách và cần thiết. Đề tài này được hoàn thành sẽ góp thêm minh chứng về tính khoa học, tính hiệu quả, tính khả thi của các kỹ thuật dạy học tích cực. Đồng thời, với những ví dụ minh họa điển hình về vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực góp phần thuận lợi cho giảng viên (GV) khi vận dụng trong giảng dạy của mình. Bên cạnh đó, giúp SV là những giáo viên trong tương lai cũng có cơ hội tích lũy kinh nghiệm về vận dụng các kỹ thuật dạy học này cả lí thuyết lẫn thực tiễn để tìm tòi mở rộng và áp dụng chúng trong giảng dạy sau này.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Vận dụng 10 kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Lí luận dạy học theo chương trình đào tạo 150TC ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

3. Cách tiếp cận

Theo hệ thống - cấu trúc, logic, phân tích- tổng hợp và thực tiễn.

4. Giới hạn đề tài

✓ Cơ sở lí luận chỉ khái quát 10 kĩ thuật dạy học tích cực chưa được trình bày ở đề tài cấp trường năm 2013.

✓ Có rất nhiều kĩ thuật dạy học tích cực như: sơ đồ tư duy, sơ đồ khái niệm, động não, “ô bi”, “bê cá”, tranh luận đồng ý – phản đối, hãn phủ bàn, kĩ thuật 635... trong đề tài chỉ vận dụng 10 kĩ thuật dạy học tích cực trong tổ chức dạy học môn Lí luận dạy học và theo qui trình tổ chức đã xây dựng trong đề tài 2013 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

✓ Thực nghiệm sư phạm trong 4 lần/tuần ở 4 nhóm lớp vào học kỳ II năm 2014 - 2015 do người nghiên cứu giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

5. Đối tượng nghiên cứu

Kĩ thuật dạy học tích cực môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

6. Giả thuyết nghiên cứu

Nếu vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực theo qui trình 4 giai đoạn thì sinh viên tích cực học tập và kết quả học tập của sinh viên ở môn Lí luận dạy học cao hơn.

7. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm thực hiện mục tiêu nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu dưới đây được sử dụng để thu thập thông tin và xử lí dữ liệu:

✓ Phương pháp nghiên cứu tài liệu: qua các bài báo khoa học, luận văn thạc sĩ giáo dục, các tài liệu về lí luận dạy học đại học, lí luận dạy học hiện đại nhằm thực hiện nhiệm vụ hệ thống cơ sở lí luận về kĩ thuật dạy học tích cực.

✓ Phương pháp điều tra: Khảo sát sinh viên học môn Lí luận dạy học và phiếu đánh giá bài dạy từ trợ giảng nhằm xác định tình hình vận dụng kĩ thuật dạy học cũng như tính tích cực của sinh viên học môn này.

✓ Phương pháp quan sát: Qua phiếu quan sát do người nghiên cứu soạn và được SV tham gia trong buổi học quan sát và ghi nhận nhằm xác định tình hình vận dụng kĩ thuật dạy học và tính tích cực học tập của các em.

✓ Phương pháp thực nghiệm sư phạm: tiến hành ở 4 nhóm sinh viên học môn Lí luận dạy học vào học II năm học 2014-2015 nhằm đánh giá tính khả thi, tính khoa học, tính thực tiễn và tính hiệu quả của việc vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực và xác định tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy và học môn Lí luận dạy học.

✓ Phương pháp toán thống kê: xử lí số liệu qua điều tra và số liệu về kết quả học của sinh viên trong 4 nhóm học môn Lí luận dạy học vào học II năm học 2014-2015 và xử lí số liệu qua đánh giá bài dạy của trợ giảng.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.1. Sơ lược về kỹ thuật dạy học và tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực

1.1.1. Trên thế giới

Nhiều tác giả đề cập đến dạy học tích cực, mặc dù không có tên gọi là kỹ thuật dạy học như ở Việt Nam, song về nội dung chi tiết của các phương pháp này, theo cách nhìn nhận của các tác giả Việt Nam là tương đồng với nghĩa kỹ thuật dạy học. Chẳng hạn, tài liệu tiếng Đức với tựa đề “Besser Lehren – Praxisorientierte Anregungen und Hilfen für Lehrende in Hochschule und Weiterbildung” ở Heft 2 Methodensammlung theo đúng nghĩa tiếng Việt là dạy học tốt hơn – Kích thích định hướng thực hành và giúp đỡ giảng viên trong trường đại học và trong bồi dưỡng, tập 2 **Tổng hợp các phương pháp** của nhóm tác giả Trường Đại học Albert- Ludwigs Freiburg. Nhưng nếu đọc và hiểu về nội dung của tài liệu và dựa trên những tài liệu của tác giả Việt Nam thì tên gọi của tập này được dịch là **Tổng hợp các kỹ thuật dạy học**. Trong tài liệu [14], các tác giả đã mô tả 38 hình thức cơ bản của kỹ thuật dạy học, 135 kiểu biến thể của các hình thức cơ bản và phối hợp nhiều kỹ thuật dạy học. Mỗi kỹ thuật được trình bày theo cấu trúc: Bắt đầu từ mô tả khái quát, tiếp theo là cho biết tiến trình thực hiện, kế đến là chức năng lý luận dạy học, mục tiêu dạy học, khả năng áp dụng, điều kiện thực hiện, những hướng dẫn cho giáo viên, các kiểu biến thể, các kỹ thuật dạy học có thể thay thế, phối hợp kỹ thuật dạy học này với các kỹ thuật khác, tài liệu tham khảo và cuối cùng là chú ý. Do đó, tài liệu này thực sự cung cấp cho giảng viên những cơ sở lý luận để thực hiện các kỹ thuật dạy học nhằm đạt được kết quả học tập tốt.

Ngoài các kỹ thuật này, chúng ta còn tìm thấy các kỹ thuật dạy học như, sơ đồ tư duy, kỹ thuật XYZ hay 653, kỹ thuật mảnh ghép (Jigsaw), kỹ thuật KWL ... Diễn hình như tác giả Tony Buzan đã trình bày cơ sở lý luận về sơ đồ tư duy và thiết kế phần mềm Imindmap giúp những ai muốn vận dụng kỹ thuật này trong dạy học hay quản lý hay trong các lĩnh vực khác một cách thuận tiện và dễ dàng. Theo Rohrbach [15] kỹ thuật XYZ có nghĩa là công não/kích não (Brainstorming) thông qua viết, nó nhằm đạt mục tiêu kích thích sự đối lập của những người tham gia để sản sinh ý tưởng như công não. Kỹ thuật này có nhiều dạng khác nhau, nhưng nổi tiếng nhất là kỹ thuật 635 (Methode 635). Sở dĩ có tên gọi như vậy là khi thực hiện kỹ thuật này cần có sự tham gia của 6 người, họ mô tả 3 ý tưởng trong thời gian 5 phút. Kỹ thuật mảnh ghép hay kỹ thuật ghép hình lần đầu tiên được phát triển vào đầu năm 1970 bởi Elliot Aronson và sinh viên của mình tại Trường Đại học Texas và Đại học California. Kể từ đó, hàng trăm trường học đã sử dụng các lớp ghép hình với thành công lớn. Kỹ thuật KWL (K- know, W – want to know, L – learned) được Ogle xây dựng vào năm 1986, kỹ thuật này sử dụng trong dạy học theo dự án. Nó là

sơ đồ liên hệ những kiến thức đã biết liên quan đến bài học, các kiến thức muốn biết và các kiến thức học được sau bài học.

1.1.2. Việt Nam

Ở nước ta trong những năm đầu của thế kỷ 21, Giáo dục Phổ thông đã triển khai nhiều dự án. Đặc biệt, Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông, trong đó với chủ đề “Đổi mới phương pháp dạy học trung học phổ thông” vào năm 2006... đã quan tâm nhiều về các kỹ thuật dạy học tích cực. Có các lớp tập huấn cho giáo viên về các Kỹ thuật dạy học tích cực, tập trung vào các kỹ thuật dạy học hợp tác. Dự án Việt Bỉ “Nâng cao chất lượng bồi dưỡng giáo viên tiểu học và trung học cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam” (VIE 04 019 11) vào tháng 5. 2006 - Tập huấn giảng viên Trung ương về dạy và học tích cực. Từ năm học: 2007-2008, dự án hợp tác Việt-Bỉ đã tập huấn cho giảng viên, giáo viên cốt cán của một số tỉnh miền núi phía Bắc. Cùng với “phương pháp dạy học theo dự án”, phương pháp “học theo góc”, “học theo hợp đồng” đã chính thức được đưa vào dạy học các bộ môn. Bên cạnh các phương pháp dạy học này, các giảng viên và giáo viên còn được trang bị về kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật các mảnh ghép, làm phong phú thêm về mặt khái niệm và sự ứng dụng hiệu quả hơn các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học trong quá trình dạy học ở trường sư phạm và trường phổ thông. Đến năm 2010 dự án này đã ra mắt tài liệu: Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Cũng trong giáo dục phổ thông, còn xuất hiện tài liệu Lý luận dạy học hiện đại - Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học - của tác giả Nguyễn Văn Cường và Bernd Meier. Trong tài liệu này, các khái niệm quan điểm dạy học, phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học được phân biệt [3, tr. 50-52]:

* **Quan điểm dạy học** là những định hướng tổng thể cho các hành động phương pháp, trong đó có sự kết hợp giữa các nguyên tắc dạy học làm nền tảng, những cơ sở lý thuyết của lý luận dạy học đại cương hay chuyên ngành, những điều kiện học tập và tổ chức cũng như những định hướng về vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học. Quá trình dạy học là những định hướng mang tính chiến lược, có tính cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của phương pháp dạy học. Tuy nhiên, các quan điểm dạy học chưa đưa ra những mô hình hành động cũng như những hình thức xã hội cụ thể cho hành động phương pháp, do đó, chưa phải là các phương pháp dạy học cụ thể. Quan điểm dạy học như là: dạy học giải thích - minh họa, dạy học định hướng hành động, dạy học định hướng mục tiêu.

* Khái niệm **phương pháp dạy học** được hiểu với nghĩa hẹp, đó là các phương pháp dạy học cụ thể, các mô hình hành động. Phương pháp dạy học là những hình thức, cách thức hành động của giáo viên và học sinh nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học xác định, phù hợp với những nội dung và những điều kiện dạy học cụ thể. Phương pháp

dạy học cụ thể quy định những mô hình hành động của giáo viên và học sinh. Các phương pháp dạy học là phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại, phương pháp thảo luận, phương pháp nghiên cứu trường hợp...

* **Kỹ thuật dạy học** là những tác động, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kỹ thuật dạy học chưa phải là phương pháp dạy học độc lập.

Hai tác giả này đã trình bày rõ và chi tiết về các kỹ thuật dạy học tích cực như: động não, động não viết, kỹ thuật XYZ, kỹ thuật “bể cá”, kỹ thuật “ô bi”...

Trong các luận văn thạc sĩ Giáo dục và luận văn thạc sĩ Lí luận và Phương pháp dạy học kỹ thuật ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM từ khóa 1 đến khóa 22 đã công bố thì chưa có đề tài nghiên cứu về kỹ thuật dạy học tích cực. Các công trình nghiên cứu có đề cập đến kỹ thuật dạy học, song chỉ lồng ghép để minh họa các phương pháp dạy học tích cực ở một số môn. Như trong đề tài luận văn thạc sĩ khóa 2010 - 2012 (B) của tác giả Bò Thị Hồng Thắm với tên các đề tài: “Tổ chức dạy học theo hướng tích cực hóa môn công nghệ 11 tại Trường THPT Bến Cát”. Trong luận văn này, tác giả đã đề cập đến 7 kỹ thuật dạy học và ứng dụng kỹ thuật mảnh ghép trong tổ chức dạy học môn Công nghệ 11 tại Trường THPT Bến Cát [9]. Đề tài luận văn Thạc sĩ Giáo dục năm 2014 “Dạy học tích cực môn Công nghệ may trang phục 2 tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh” của Nguyễn Mai Thanh Thảo ở mục 1.5.4. đã miêu tả 5 kỹ thuật dạy học tích cực là: Động não, kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật 3 lần 3, kỹ thuật học tập hợp tác và sơ đồ tư duy. Từ sự miêu tả này tác giả đã vận dụng 5 kỹ thuật dạy học trong dạy học môn Công nghệ may Trang phục 2, qua thực nghiệm sư phạm bước đầu đem lại kết quả đáng khích lệ. [10]

Từ năm 2013, đã có các đề tài cấp trường về kỹ năng dạy học như: “*Dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực môn Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh*” do chính người nghiên cứu thực hiện. Trong đề tài này đã hệ thống được khá đầy đủ về kỹ thuật dạy học tích cực. Trên cơ sở lí luận và thực tiễn ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, tôi đã đề xuất quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực gồm 4 giai đoạn và 7 bước hợp lí. Qua đánh giá bước đầu trong giảng dạy môn Phương pháp nghiên cứu khoa học đã khẳng định tính khả thi và tính khoa học cũng như giá trị khoa học của quy trình tổ chức dạy học này. [5] Đây chính là nền tảng để người nghiên cứu thực hiện đề tài.

Đề tài của ThS. Diệp Phương Chi “*Xây dựng giải pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học cho môn Lý luận dạy học, khoa Sư phạm kỹ thuật*”, đề tài cấp trường năm 2013, Trường Đại học sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh” cũng đề cập đến 10 kỹ thuật dạy học tích cực: Động não, động não viết, động não không công khai, kỹ thuật XYZ, sơ đồ tư duy, đóng vai, kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật “các mảnh ghép” (nhóm lắp ghép) và kỹ thuật “chia sẻ cặp đôi”. Trong đề tài này, tác giả đã trình bày các nội dung

chính của 5 chương và xác định các nội dung tiêu biểu trong môn Lí luận dạy học. [1] Đây là những nội cần tham khảo để người nghiên cứu vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực nào đem lại kết quả học tập tốt hơn cho sinh viên. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đã đăng tải trên Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. HCM số 8(74) năm 2015 với bài viết “Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học trong môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM”. Tác giả đã chỉ ra rằng: “Nhóm các kĩ thuật dạy học khác như não công (brainstorming), sơ đồ tư duy (mind map), tìm từ khóa (kim tự tháp)... chủ yếu được áp dụng ở mức độ thỉnh thoảng (49,1%), thậm chí không áp dụng (36,7%), nhưng vẫn có tỉ lệ nhỏ SV cho rằng giảng viên có áp dụng thường xuyên (11,7%) và rất thường xuyên (2,5%) các kĩ thuật này.” [2, tr.192-193]

Ở lĩnh vực tâm lí học cũng được các nhà nghiên cứu quan tâm trong việc vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực, chẳng hạn trong bài báo khoa học đăng tải trên Tạp chí Khoa học của Trường Đại học Sư phạm TP. HCM số 3(68) năm 2015 của Nguyễn Thị Diễm My và Lý Minh Tiên “Ứng dụng bản đồ tư duy trong dạy học học phần Tâm lí học đại cương cho sinh viên các khoa không chuyên ở Trường Đại học Sư phạm TP. HCM”. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng: “Những bản đồ này được thiết kế bằng phần mềm chuyên dụng (phần mềm I-mind map) với mục đích nâng cao khả năng nhận thức bài học cho sinh viên (SV) các khoa không chuyên ngành Tâm lí học. Kết quả bước đầu ứng dụng các BĐTD vào dạy học khá khả quan. Khả năng nhận thức bài học của SV tăng lên đáng kể.” [8, tr. 92]

Như vậy, chúng ta có thể nhận định rằng, kĩ thuật dạy học tích cực đã được sự quan tâm và áp dụng trong giáo dục phổ thông, đồng thời khởi sắc trong giáo dục đại học ở Việt Nam. Vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật chưa được tiến hành.

1.2. Khái lược về kĩ thuật dạy học

1.2.1. Khái niệm

1.2.1.1. Kĩ thuật dạy học

“Kĩ thuật dạy học là những tác động, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.” [3, tr. 52]

1.2.1.2. Tính tích cực học tập

Tính tích cực học tập - về thực chất là tính tích cực nhận thức, được PGS. TS. Vũ Hồng Tiến nhận biết qua đặc trưng ở khát vọng hiểu biết, cố gắng trí lực và có nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Theo ông, tính tích cực nhận thức trong hoạt động học tập liên quan trước hết với *động cơ* học tập. Động cơ đúng tạo ra *hứng thú*. Hứng thú là tiền đề của *tự giác*. Hứng thú và tự giác là hai yếu tố tạo nên tính tích cực. Tính tích cực sản sinh nếp tư duy độc lập. Suy nghĩ độc lập là mầm mống của sáng tạo. Ngược lại,

phong cách học tập tích cực độc lập sáng tạo sẽ phát triển tự giác, hứng thú, bồi dưỡng động cơ học tập. Tính tích cực học tập biểu hiện ở những dấu hiệu như: hăng hái trả lời các câu hỏi của giáo viên, bổ sung các câu trả lời của bạn, thích phát biểu ý kiến của mình trước vấn đề nêu ra; hay nêu thắc mắc, đòi hỏi giải thích cặn kẽ những vấn đề chưa đủ rõ; chủ động vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để nhận thức vấn đề mới; tập trung chú ý vào vấn đề đang học; kiên trì hoàn thành các bài tập, không nản trước những tình huống khó khăn...

Tính tích cực học tập thể hiện qua các cấp độ từ thấp lên cao như:

- **Bắt chước**: gắng sức làm theo mẫu hành động của thầy, của bạn...
- **Tìm tòi**: độc lập giải quyết vấn đề nêu ra, tìm kiếm cách giải quyết khác nhau về một số vấn đề...
- **Sáng tạo**: tìm ra cách giải quyết mới, độc đáo, hữu hiệu. [12]

1.2.1.3. Kỹ thuật dạy học tích cực

“Kỹ thuật dạy học tích cực là kỹ thuật dạy học tạo hứng thú và phát huy tính tự giác, độc lập cho học sinh trong quá trình dạy học nhằm kích thích tìm tòi sự sáng tạo và chủ động cộng tác làm việc của người học.” [5, tr.13]

1.2.2. Khái quát về 10 kỹ thuật dạy học tích cực

Trong các luận văn thạc sĩ và đề tài cấp trường cũng như trong các tài liệu tập huấn giáo viên phổ thông đã trình bày nhiều kỹ thuật dạy học tích cực. Cho nên, ở mục này, người nghiên cứu chỉ trình bày khái quát về 10 kỹ thuật dạy học tích cực tự dịch từ tài liệu tiếng Đức của Josef và những người khác biên soạn.

1.2.2.1. Kỹ thuật mô phỏng từ các tình huống dạy và học

Mô tả khái quát

Trước tiên một tình huống dạy và học đã trải nghiệm như là một vấn đề, một tình huống đã thành công đặc biệt tốt hay một tình huống đã tìm thấy mới được miêu tả chính xác và sau đó được mô phỏng từ hoặc với người tham gia thảo luận.

Tiến trình

➤ **Giai đoạn chuẩn bị** (lập kế hoạch)

Mô tả nhiều tình huống dạy học hơn được giao cho người học làm ở nhà, học sinh nên thực hiện từ 1 hay 2 tình huống. Hoặc là lựa chọn một tình huống dạy và học đạt kết quả trong nhóm để giao cho người học nhiệm vụ làm việc tiếp theo:

- Xây dựng kế hoạch cho mô phỏng trong thảo luận và kế hoạch này dựa trên cơ sở từ các thành tố lý luận dạy học quan trọng (mục tiêu dạy học, nội dung, phương pháp, phương tiện...).
- Tìm kiếm những khả năng trình bày khác.
- Xác định vai trò của các thành viên trong nhóm để mô phỏng.

➤ **Giai đoạn mô phỏng** (thực hiện kế hoạch)

Các thành viên trong nhóm đóng vai hay tình huống dạy và học đã lựa chọn trong thời gian ấn định (có thể quay Video).

➤ **Giai đoạn đánh giá**

Mô phỏng nên được hội ý tiếp nối với thảo luận chung.

➤ **Tóm tắt**

Kết quả quan trọng nhất liên quan đến nội dung dạy và học mô phỏng được lưu giữ qua nói và viết.

Khả năng vận dụng

Kỹ thuật này được vận dụng như là:

- Phương pháp học khi người học tập dợt kỹ năng, kỹ xảo nghề mới hay phương cách trong tình huống mô phỏng.
- Phương pháp kiểm tra lại khi kiến thức lí luận hay tiếp nhận nên được kiểm tra thực nghiệm lại trong tình huống mô phỏng.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Thảo luận, khóa học
- Số lượng tham gia: Tối thiểu 20, mỗi nhóm nhỏ từ 5 đến 7 thành viên
- Phòng học: Chỗ ngồi thay đổi, vị trí ngồi thay đổi theo mỗi tình huống dạy và học mô phỏng
- Thời gian: 90 phút
- Phương tiện: Theo mỗi nhu cầu đề nghị thiết kế (có thể có máy quay Video)
[14, tr. 90-91]

1.2.2.2. Kỹ thuật tia chớp

Mô tả khái quát

Sự tiếp thu nhanh về trạng thái tức thời, sự hiện hữu, ý kiến trong một nhóm học tập nên được nâng cao bằng “Tia chớp”. Mỗi phương diện để tỏa sáng như là phương diện cá nhân, chẳng hạn: sự tìm thấy hiện tại, mong đợi, ước muốn; phương diện nội dung như câu hỏi mở, sự thấu hiểu, sự quan trọng; phương diện hoạt động nhóm như xung đột, bầu không khí nhóm được diễn đạt qua câu hỏi hay báo cáo. Mỗi một thành viên của nhóm tự trình bày hay bày tỏ tự nhiên qua câu trả lời ngắn hay bày tỏ quan điểm.

Tiến trình

Bước 1: Giải thích nguyên tắc tia chớp

Nguyên tắc tia chớp như sau:

- Mỗi nội dung diễn thuyết/ trình bày chỉ một người
- Không được bình luận hay thảo luận về phần trình bày
- Tất cả các thành viên tự tham gia theo khả năng trong khi thực hiện kỹ thuật tia chớp
- Người dẫn chương trình cũng nên tham gia
- Nếu rơi vào khoảng khắc không thích hợp, thì tự rút lui (ví dụ: “Tôi không muốn trình bày bây giờ”)
- Mỗi người nên tự trình bày trong phạm vi có thể nhanh nhất trong khuôn mẫu của chính mình.

Bước 2: Gây ấn tượng đến phương diện ước muốn bằng các vấn đề hay báo cáo

Bước 3: Trình bày

- Thành viên của nhóm (người tham gia, giáo viên hay người dẫn chương trình) trình bày trình tự theo khả năng tự nhiên, trôi chảy và chính xác.

- Trình bày không được thảo luận và bình luận.

Bước 4: Kết thúc

Khi kết thúc có thể hay nên được liên hệ với kết luận đối với công việc tiếp theo từ kết quả của tia chớp. Lúc này những trình bày không rõ ràng có thể thảo luận ngay.

Khả năng vận dụng

Kỹ thuật này phù hợp trong các trường hợp:

- Trước, trong quá trình và kết thúc một bài học hay buổi học/giảng dạy.
- Tổng kết tạm thời hay đánh giá hàng ngày ở giảng dạy thêm/ mở rộng.
- Làm rõ sự nhất trí hay ấn tượng trong chớp mắt ở nhóm.
- Xung đột, làm phiền trong hoạt động nhóm.
- Đánh giá vắn tắt một ca làm việc, một cuộc họp hay một buổi học.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: bất kỳ
- Số lượng tham gia: bất kỳ
- Phòng học: bất kỳ
- Thời gian: từ 10 đến 15 tùy theo số lượng tham gia
- Phương tiện: thay đổi cho phù hợp với đối tượng. [14, tr.22-23]

1.2.2.3. Kỹ thuật bào chữa thần kỳ

Josef và những người khác [14, tr.16 - 17], miêu tả kỹ thuật này như sau:

Mô tả khái quát

Ít nhất có 2 người thực hiện hỏi và đáp, trao đổi luận điểm và chống lại luận điểm, trong khi trao đổi một người đảm nhận vai trò “bào chữa thần kỳ”. Người bào chữa thần kỳ phản bác có ý thức với quan điểm của người khác. Phương thức này có thể liên hệ với quan điểm nội dung, với phương diện chủ đề, với chủ đích của giảng dạy hay với ước muốn và mong đợi của người tham gia.

Tiến trình

Giai đoạn 1: Trước khi giảng dạy

Bước 1: Hoàn thành trao đổi trong từ khóa (thỏa thuận, từ khóa, kế hoạch lãnh đạo hay quản lí, bài khóa của trao đổi...)

Bước 2: Thử trao đổi ngay

Giai đoạn 2: Trong khi giảng dạy

Bước 3: Giới thiệu quan điểm đại diện

Bước 4: Phản bác của người bào chữa thần kỳ

Bước 5: Bảo vệ quan điểm đại diện

Bước 6: Phản đối

Bước 7: Kết thúc: Chủ đề nên được ghi nhớ sâu bằng cách thảo luận hay làm việc nhóm đối diện các phương diện khác của phản đối.

Khả năng áp dụng

- Khi quan điểm quen thuộc cần đặt lại bình luận/chỉ trích.
- Lúc bắt đầu bài học để tạo ra những quan điểm khác nhau đối với chủ đề và để làm sáng tỏ bình luận hay chỉ trích.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Bất kỳ
- Số lượng tham gia: Bất kỳ
- Phòng học: Bất kỳ
- Thời gian: Tối đa 20 phút.
- Phương tiện: + Phiếu thông tin về bài khóa
+ Kế hoạch lãnh đạo hay quản lí.

Hướng dẫn cho giáo viên

- Các vai trò của 2 người trò chuyện phải nhận biết rõ ràng như là “đã đóng kịch”.
- Tạo hài hước như người học thỉnh thoảng cười và mối quan hệ nội dung của trao đổi nên liên hệ với nhau.
- Các cá nhân bất kỳ có thể tranh luận với người bào chữa thân kỳ cũng như với các thành viên khác trong cuộc trao đổi.
- Kỹ thuật này không thích hợp để tiếp tục qua giai đoạn làm việc chuyên sâu và không để tạo điều kiện nhận biết trong khoảng thời gian dài.

1.2.2.4. Kỹ thuật cấu trúc hóa hoạt động

Mô tả khái quát

Cấu trúc hóa hoạt động được hiểu là cấu trúc hóa khái niệm về lãnh vực chuyên môn hay chủ đề. Điều này có thể tiếp diễn trong những hình thức xã hội khác nhau và với những hình thức khác nhau của trực quan hóa của cấu trúc hóa nhận được.

Tiến trình

Bước 1: Giải thích nhiệm vụ và diễn biến trong thảo luận

Bước 2: Phát phiếu đã chuẩn bị với các khái niệm (tối đa 30 phiếu) của lãnh vực chủ đề đã biên soạn sẵn trong thảo luận.

Bước 3: Phác họa cấu trúc hóa (có thể giúp đỡ từ giáo viên, người dẫn chương trình)

Bước 4: Giải thích và thảo luận kết thúc cấu trúc hóa đã phác họa

Bước 5: Kết thúc

Có thể thực hiện ở một trong các trường hợp sau: Tưởng tượng khả năng cấu trúc hóa khác; đánh giá hay tóm tắt từ giáo viên; đánh giá hay tóm tắt từ người dẫn chương trình.

Khả năng vận dụng

Kỹ thuật này được áp dụng để:

- Cấu trúc hóa từ nhận thức khái niệm;
- Giúp đỡ định hướng trong môi trường học tập.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Hội thảo, khóa học
- Số lượng tham gia: Từ 6 người
- Phòng học: Ghế di chuyển tự do theo mục đích hình thành nhóm nhỏ
- Thời gian: Ít nhất 50 phút cho 4 nhóm (15 phút dành cho giai đoạn cấu trúc hóa, 5 phút để giải thích cho mỗi nhóm, 15 phút dành cho thảo luận kết thúc)
- Phương tiện: Thẻ kỹ năng với khái niệm đã chuẩn bị hay không có khái niệm khổ A₄ ngang, bảng ghim hay bảng viết và băng keo, bút lông, nam châm, ghim....

Hướng dẫn cho giáo viên

- Quá trình cấu trúc hóa được đặt trước, không cho trước kết quả
- Lĩnh hội thông tin là quá trình cá nhân, do đó không đưa trước mẫu đã viết. [14. tr.18-19]

1.2.2.5. Kỹ thuật ngừng (dừng) thuyết trình

Mô tả khái quát

Người thuyết trình ngắt quãng ở sự ngừng học tại một vị trí phù hợp bài thuyết trình của họ chẳng hạn như ở cuối những nội dung riêng biệt để cho người nghe có cơ hội lĩnh hội những gì đã nghe trong khoảng 3 -5 phút.

Tiến trình

Giai đoạn thuyết trình I: Giảng viên ngừng một phần bài thuyết trình của mình.

- Dừng thuyết trình I: Giảng viên ngắt quãng ở vị trí phù hợp và bày tỏ, đặt nhiệm vụ cho dừng thuyết trình.
- Kết quả của dừng thuyết trình được bàn luận và cho những giải thích bổ sung từ giảng viên

Giai đoạn thuyết trình II: Bài thuyết trình được tiếp tục.

Nếu cần có thể tự tiếp tục dừng thuyết trình tiếp theo cho bài thuyết trình dài.

Khả năng vận dụng

- Đặc biệt phù hợp khi phải trình bày bài thuyết trình, những kiến thức mới.
- Để tích cực hóa trong giai đoạn học chủ yếu là tiếp nhận/tiếp thu thông tin mới.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Hội thảo, khóa học với thuyết trình của giảng viên hay sinh viên báo cáo
- Số lượng tham gia: Bất kỳ
- Phòng học: Bất kỳ
- Thời gian: 3- 5 phút trung bình một lần dừng thuyết trình; 3-5 phút cho ví dụ kết thúc.
- Phương tiện: Giấy và viết

Hướng dẫn cho giáo viên

- Các chiến lược học tập phù hợp cho mỗi chiến lược tư duy có thể trở thành hiện thực ở dừng thuyết trình.
- Trước tiên công bố rằng bài thuyết trình bị gián đoạn qua dừng thuyết trình, sự ghi chép có thể tự giới hạn theo cách đặt mục tiêu trên điểm dừng.
- Những kết quả của dừng thuyết trình nên được bàn luận thông qua bổ sung và chỉnh sửa từ giảng viên.
- Xác định nhiệm vụ của dừng thuyết trình nên được hình ảnh hóa theo khả năng. Ví dụ, giảng viên sắp xếp những tóm tắt tư duy của sự lắng nghe. Giảng viên tự làm rõ ràng mối quan hệ giữa sinh viên. Giảng viên tìm kiếm để khám phá “sợi chỉ đỏ” của sự lắng nghe. Giảng viên tự suy nghĩ những câu hỏi đối với việc lắng nghe ...
- Các kết quả của dừng thuyết trình có thể được thực hiện để khởi đầu của một cuộc thảo luận chung về những gì đã thuyết trình.
- Dừng thuyết trình cũng có thể được dùng một cách tự nhiên, nếu dừng thuyết trình này xuất hiện cần thiết cho giảng viên, ví dụ để gây động cơ mới hay để hướng sự chú ý vào điểm quan trọng. [14, tr. 62-63]

1.2.2.6. Kỹ thuật “ô bi”

Mô tả khái quát

Kỹ thuật “ô bi” tạo điều kiện cho người học để điều khiển thảo luận có giới hạn về thời gian về chủ đề giống nhau thích hợp hay đặt vấn đề giống nhau căn cứ theo sự sắp xếp chỗ ngồi trong hai vòng tròn đồng tâm và căn cứ theo sự thay đổi vị trí với bạn đồng hành khác nhau. Theo phương cách này có thể được thảo luận nhiều ý kiến khác nhau trong trao đổi suy nghĩ cá nhân rất nhanh và tập trung cái gì không có thể trong cuộc họp.

Tiến trình

- Bước 1: Sắp thành hai vòng tròn đồng tâm
 - Người học tự chia thành vòng trong và vòng ngoài để hai người học tương thích ngồi đối diện nhau và có thể liên hệ lẫn nhau trong giao tiếp bằng mắt.
- Bước 2: Thảo luận
 - + Các cặp bắt đầu thảo luận sau khi trưởng nhóm giải thích về chủ đề, câu hỏi, vấn đề thảo luận ...
 - + Sau thời gian thống nhất (ví dụ sau 5 phút), tất cả người học ở vòng tròn ngoài di chuyển theo chiều kim đồng hồ đến vị trí kế tiếp. Theo cách này xuất hiện hai nhóm mới và trao đổi suy nghĩ mới có thể bắt đầu.
 - + Thay đổi bạn đồng hành thảo luận có thể xảy ra thường xuyên như giảng viên xét thấy cần thiết.

Khả năng vận dụng

- Bắt đầu buổi học, như là mở đầu một chủ đề để gây động cơ, để chuẩn bị cho giai đoạn thực hiện tiếp theo.
- Trong kết thúc giai đoạn thực hiện để trao đổi ý kiến hay lập luận với bạn đồng hành tương thích (củng cố; nhắc lại; tóm tắt).
- Bắt đầu buổi học để có thể làm quen lẫn nhau ở người học.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Hội thảo, khóa học
- Số lượng tham gia: Tối đa 30 người
- Phòng học: Ghế di chuyển tự do
- Thời gian: 5- 30 phút (thích hợp từ 5 đến 10 phút trung bình mỗi đối thoại)
- Phương tiện: Nhiệm vụ công việc đã chuẩn bị hay bảng lật, bảng viết... để trực quan hóa vấn đề.

Hướng dẫn cho giáo viên

- Trực quan hóa chủ đề hay vấn đề.
- Thống nhất quy tắc và thời gian.
- Giáo viên nên tự phân chia số lẻ của người học ở “ô bi”.
- Có thể gặp những khó khăn để điều khiển đồng bộ cuộc thảo luận cặp trong cùng một thời gian trong quá trình diễn ra. Người học nên được chú ý sự chuyển đổi sắp xảy ra để đối thoại không phải bị gián đoạn.
- Chuyển đổi bạn đồng hành sắp xảy ra có thể được thông báo qua tiếng nhạc từ từ to dần. [14, tr. 58-59]

1.2.2.7. Kỹ thuật tam giác

Mô tả khái quát

Trọng tâm của phương pháp này là trực quan hóa vấn đề, vấn đề được chứa đựng trong chủ đề (trực quan qua tam giác ngược) ở nguyên nhân đối với vấn đề (trực quan qua sự giúp đỡ đặt vào cạnh tam giác) và tiền đề giải quyết vấn đề có thể (trực quan qua sự loại bỏ của giúp đỡ phù hợp).

Tiến trình

Thực hiện kỹ thuật này, người dạy và người học theo một trình tự các công việc sau:

- Vẽ tam giác ngược lớn trên giấy của bảng lật, lên bảng viết hay áp phích.
- Người dạy và người học tìm kiếm khái niệm chung (khái quát) cho tình huống có vấn đề hay tình huống xung đột và viết chúng vào trong tam giác.
- Vẽ thêm sự giúp đỡ vào tam giác ngược; sự giúp đỡ đại diện cho nguyên nhân, những nguyên nhân đối với vấn đề là chắc chắn.
- Người học sinh gọi tên những điều kiện hay nguyên nhân để xuất hiện tình huống có vấn đề hay tình huống xung đột và viết những khái niệm phù hợp ở sự giúp đỡ vào tam giác ngược.
- Cuối cùng phải tìm được những khả năng, như người ta có thể giải quyết vấn đề đã gọi tên trong tam giác. Người ta ghi lại những đề nghị phù hợp ở mỗi mũi tên giúp đỡ thích hợp.

Khả năng vận dụng

- Khám phá hiểu biết trước của người học (mở đầu)
- Kích thích sự tìm kiếm sáng tạo theo khả năng giải quyết vấn đề

- Tóm tắt mối liên hệ phát triển (giai đoạn kết thúc).

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Hội thảo hay khóa học
- Số lượng tham gia: Bất kỳ
- Phòng học: Từ 6 người
- Thời gian: 30- 45 phút
- Phương tiện: Báo tường hay bảng viết hoặc bảng lật,... bút

Hướng dẫn cho giáo viên

Kĩ thuật tam giác phù hợp nhất khi chủ đề mới, rộng và khi mở đầu được trình bày khái quát như: vấn đề đưa vào trong chủ đề, nguyên nhân của nó cũng như chiến lược giải quyết vấn đề có thể đề tự trình bày đồng thời. [14, tr.34-35]

1.2.2.8. Kỹ thuật trò chơi quyết định

Mô tả khái quát

Người học trong buổi học nên được mang lại qua trò chơi quyết định (trò chơi đen trắng) để liên hệ tình thế trong khuôn khổ của nhóm đối với luận điểm khiêu khích hay báo cáo khiêu khích và để phản ánh quan điểm của họ.

Tiến trình

- *Bước 1:* chuẩn bị
 - + Treo những áp phích với những hàng chữ “tôi đồng ý” và “tôi không đồng ý” ở hai vị trí đối diện nhau.
 - + Đề nghị người học tập trung trong phòng giữa các áp phích.
- *Bước 2:* tiến hành
 - + Đọc trước luận điểm khiêu khích hay báo cáo do người dẫn chương trình hay người học.
 - + Yêu cầu người học đi đến áp phích thích hợp phù hợp với ý kiến của họ và đứng ở đó.
 - + Người học đi trở về trung tâm sau thời gian nghỉ giải lao ngắn và quá trình có thể được lặp lại với luận điểm mới.
 - + Trong giai đoạn phản ánh kế tiếp có thể về những nguyên nhân để liên quan đến tình thế xác định hay để được thảo luận về những quan điểm thay thế.

Khả năng vận dụng

Kỹ thuật này áp dụng để:

- Đồng ý về một đề tài/ chủ đề
- Thúc đẩy cho suy nghĩ tiếp tục, phê bình
- Dẫn đến những quan điểm khác nhau.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Bất kỳ
- Số lượng tham gia: Bất kỳ
- Phòng học: Đủ lớn cho tất cả có thể sắp xếp; không gian tự do di chuyển.

- Thời gian: 5- 10 phút
- Phương tiện: 2 áp phích, các thẻ kỹ năng với luận điểm hay báo cáo

Hướng dẫn cho giáo viên

- Những áp phích phải đặt xa phù hợp với kích cỡ nhóm đối diện nhau (tối thiểu là 5 m) và không gian tự do di chuyển giữa các vị trí.
 - Người tham gia không đương đầu với quá nhiều luận điểm (tối đa là 5 luận điểm).
 - Những quan điểm thì nên thay thế bằng những kích thích và có khả năng đại diện để trò chơi sẽ không buồn tẻ.
 - Đủ thời gian cho người tham gia tự quyết định.
 - Những luận điểm cá nhân phải được trình bày rõ ràng và chõi chậy.
 - Ở sử dụng ngẫu nhiên của kỹ thuật có thể được loại bỏ để trực quan hóa luận điểm.
- [14, tr.36-37]

1.2.2.9. Kỹ thuật trò chơi đóng vai

Mô tả khái quát

Người tham đảm nhận các vai xác định trong khuôn khổ một tình huống có chủ đích ở trò chơi đóng vai và đại diện quyền lợi đã liên quan với vai trong trò chơi. Trò chơi đóng vai nên đem đến trước cho tất cả, sau đó đến với cá nhân nếu mục tiêu đặt chính yếu là để hỗ trợ sẵn sàng phối hợp, có khả năng dẫn dắt, khả năng giao tiếp và khả năng giải quyết vấn đề.

Tiến trình

- **Chuẩn bị:**
 - + Thiết kế kịch bản kết quả: Ai tự gặp gỡ khi nào, ở đâu, tại sao, bao lâu?
 - + Tập hợp thông tin mỗi vai: Ví dụ tính chất, năng lực, chức năng xã hội, nguồn gốc xuất thân, tuổi, giới tính.
 - + Quyết định sự phân vai: Qua ngẫu nhiên, lựa chọn của người tham gia hay quyết định của người quản trò.
 - + Nhận vai trong làm việc nhóm.
- **Thực hiện:**
 - + Xác định trò chơi đóng vai nên được kết thúc như thế nào, chẳng hạn: tiến trình của thời gian, đạt được điểm mấu chốt hoạt động của trò chơi sẵn có hay quyết định của người quản trò.
 - + Thực hiện trò chơi đóng vai không có sự can thiệp từ bên ngoài.
 - + Dẫn dắt rời bỏ trò chơi mô phỏng trong hiện thực
- **Đánh giá:**
 - + Khởi xướng đánh giá theo mục đích của trò chơi: Qua thảo luận tự do về chủ đề, phản ánh cảm nhận vai trò hay phát triển của thay đổi thái độ.

Khả năng vận dụng

Kỹ thuật này thích hợp trong các trường hợp:

- Sau giai đoạn làm quen (người tham gia nên tin tưởng lẫn nhau)

- Chuẩn đoán và giải quyết sung đột xã hội và vấn đề xã hội.
- Khi cần được luyện tập thái độ mới.
- Kiểm tra lại kết quả học tập.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Hội thảo hay khóa học
- Số lượng tham gia: 30 đến 40 người
- Phòng học: Ghế di chuyển được
- Thời gian: Theo kịch bản của trò chơi đóng vai.
- Phương tiện: Máy quay Video, đạo cụ cho trò chơi.

Hướng dẫn cho giáo viên

- Ép buộc không một ai đóng vai trái với ý muốn của mình.
- Nếu có thể giảm bớt mở đầu trò chơi bằng đạo cụ.
- Đánh dấu rõ ràng lúc kết thúc của trò chơi đóng vai.
- Cho phép dời bỏ trò chơi. [14, tr.86-87]

1.2.2.10. Sơ đồ khái niệm

Mô tả khái quát

Các lĩnh vực hiểu biết nên được trình bày hệ thống trong hình thức của mạng khái niệm ở sơ đồ khái niệm, trong đó ý nghĩa của các khái niệm riêng lẻ và mối quan hệ của chúng được mô tả hỗ trợ và được tượng trưng tương xứng. Loại của những mối quan hệ khái niệm sẽ đảm bảo qua vị trí của các khái niệm trong mạng (sắp xếp trên, dưới, hệ thống phân cấp...); Trực quan hóa rõ ràng và hỗ trợ sự hiểu khái niệm của các lĩnh vực hiểu biết đã trình bày. Kết quả của hệ thống hóa khái niệm (sơ đồ khái niệm được tạo ra) thể hiện như là một cấu trúc tổ chức kiến thức khái niệm, ở trong đó các thành tố hiểu biết riêng (các quy luật, khái niệm, nguyên tắc, yếu tố cô lập, sự kiện, đối tượng, sự vật cụ thể - thực nghiệm) được liên kết lẫn nhau và với nhau đầy ý nghĩa.

Tiến trình

Bước 1: Khám phá

- Lĩnh vực hiểu biết có thể được thể hiện qua những khái niệm nào?

Bước 2: Hình thành sơ đồ khái niệm

- Viết những khái niệm đã tìm thấy vào thẻ kỹ năng và sắp xếp theo mức độ khái quát của chúng: Đầu tiên lập danh sách khái niệm và các nguyên tắc chung, sau đó đến các khái niệm đặc biệt, khái niệm có phạm vi hẹp hơn và các nguyên tắc và cuối cùng là các yếu tố cô lập, sự kiện và sự vật cụ thể - thực nghiệm.

- Cấu trúc sơ đồ khái niệm phù hợp theo trật tự đã tìm được, ở đó, người ta sắp xếp thứ tự thẻ kỹ năng trên áp phích hay bảng ghim/bảng ni. Người ta bắt đầu từ trên với khái niệm chung và sau đó tự trình bày trên áp phích hay bảng ghim/bảng ni xuống dưới đến khái niệm đặc biệt, yếu tố, sự kiện...

- Liên kết các khái niệm với nhau bằng các đường thẳng, ở đó loại quan hệ được giải thích bằng các động từ, câu ngắn gọn hay biểu tượng (mối quan hệ khái niệm, quan hệ nhân quả, quan hệ thời gian...)

- Những đường thẳng liên kết với các mũi tên thể hiện các mối quan hệ dẫn hướng (một hay hai mặt), những đường thẳng không liên kết với mũi tên thể hiện những mối liên hệ không dẫn hướng.

- Một sơ đồ khái niệm tạm thời được vẽ ra, nếu các khái niệm có mối quan hệ mật thiết được sắp xếp theo thứ tự cùng nhau trong một không gian hẹp.

- Điều chỉnh nhiều lần dự thảo phiên bản đầu tiên của sơ đồ khái niệm, ví dụ loại bỏ những khái niệm không cần thiết, thêm mới vào những khái niệm đã bị quên, sắp xếp trật tự mới các khái niệm, tìm kiếm những động từ tương thích hay những câu ngắn cho đường thẳng liên kết...

Khả năng vận dụng

Kỹ thuật này phù hợp trong các trường hợp:

- Chuẩn bị cho kỳ thi.
- Kiểm tra lại hiểu biết hay không hiểu biết hoặc hiểu về khái niệm của người học.
- Mở đầu trong lãnh vực hiểu biết mới để khám phá hiểu biết trước của người học.
- Tóm tắt từ trường hợp được trình bày phương tiện thuyết trình của giảng viên, sinh viên thuyết trình, bài khóa.
- Giúp đỡ định hướng bài thuyết trình và hỗ trợ lắng nghe.
- Hỗ trợ việc học cá nhân (như là tóm tắt, tài liệu phát tay trong hình thức của sơ đồ khái niệm từ giảng viên, sơ đồ khái niệm này được niêm yết cho sinh viên từ khi bắt đầu đến lúc kết thúc của sự trình bày.

Điều kiện thực hiện

- Loại hình tổ chức học tập: Hội thảo/thảo luận
- Số lượng tham gia: Bất kỳ
- Phòng học: Bất kỳ
- Thời gian: Tùy theo hiểu biết trước, phạm vi của hiểu biết đã trình bày và kinh nghiệm với sơ đồ khái niệm
- Phương tiện: Bảng viết, bảng lật, giấy hay bảng ghi, ghim; bảng ni và viết phù hợp

Hướng dẫn cho giáo viên

- Giáo viên nên tạo sơ đồ khái niệm trong giai đoạn thực hiện để tự chắc chắn hiểu khái niệm trọng tâm và để làm rõ sự giảm lược lí luận của lĩnh vực hiểu biết.

- Sơ đồ khái niệm có thể thỏa mãn các chức năng của sự tạo điều kiện hiểu biết, chức năng chuẩn đoán hay đánh giá và chức năng kích thích.

- Con đường để miêu tả ở cấu trúc hóa từ sơ đồ tư duy phụ thuộc vào những mục tiêu gây động cơ, chức năng lí luận dạy học, vào lĩnh vực hiểu biết, vào giai đoạn học tập (động cơ hay mở đầu; tổ chức, thực hiện...; kết thúc). [14, tr.26-27]

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Người nghiên cứu đã khái lược cơ sở lí luận về kĩ thuật dạy học trên thế giới và ở Việt Nam như đã chỉ ra những gì thế giới đã và đang làm. Đặc biệt tình hình nghiên cứu về kĩ thuật dạy học ở nước ta và việc triển khai vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong thời gian gần đây. Từ đó đã khẳng định chưa có ai nghiên cứu việc vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM. Trong đề tài nghiên cứu này, khái niệm kĩ thuật dạy học tích cực được hiểu: Kĩ thuật dạy học tích cực là kĩ thuật dạy học tạo hứng thú và phát huy tính tự giác, độc lập cho học sinh trong quá trình dạy học nhằm kích thích tìm tòi sự sáng tạo và chủ động cộng tác làm việc của người học. Bên cạnh đó, 10 kĩ thuật dạy học đã được dịch từ tài liệu Tiếng Đức nhằm làm phong phú hơn về các kĩ thuật dạy học.

Trên cơ sở miêu tả đầy đủ về mô tả khái quát, tiến trình thực hiện, khả năng thực hiện, điều kiện thực hiện và hướng dẫn cho giáo viên của 10 kĩ thuật dạy học: **Kĩ thuật mô phỏng từ các tình huống dạy và học, kĩ thuật tia chớp, kĩ thuật bào chữa thần kỳ, kĩ thuật cấu trúc hóa hoạt động, kĩ thuật dừng thuyết trình, kĩ thuật “ồ bi”, kĩ thuật trò chơi quyết định, kĩ thuật tam giác, kĩ thuật đóng vai và sơ đồ khái niệm.** Giảng viên có cơ sở khoa học để lựa chọn các kĩ thuật dạy học có nét riêng biệt phù hợp cho truyền thụ một nội dung nhất định. Mỗi môn học hay học phần đều có những nội dung đặc thù riêng. Vì thế, người nghiên cứu đồng thời dựa trên cơ sở lí luận của 9 kĩ thuật dạy học (kĩ thuật động não, kĩ thuật 635, kĩ thuật đặt câu hỏi, thông tin phản hồi, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật “bể cá”, kĩ thuật điểm yếu hay điểm khó hiểu, kĩ thuật kim tự tháp và sơ đồ tư duy) và quy trình tổ chức dạy học theo kĩ thuật dạy học tích cực đã đề xuất trong đề tài: ***“Dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực môn Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh”*** năm 2013 để làm cơ sở cho vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực phù hợp trong dạy học môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

Nhằm tạo điều kiện cho SV học môn Lí luận dạy học có năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá nhân, đề tài này chỉ dùng vận dụng 10 trong 19 kĩ thuật dạy học tích cực phù hợp cho dạy học môn này ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

CHƯƠNG 2: VẬN DỤNG DẠY HỌC THEO KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC MÔN LÝ LUẬN DẠY HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Cơ sở để vận dụng dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực

Việc vận dụng dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực được dựa trên nhiều cơ sở để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, dưới đây là những cơ sở chính:

- Một là chủ trương, chính sách của nhà trường

Các chủ trương chính sách thể hiện tính chiến lược đến năm 2020 là mục tiêu tổng quát:

“+ Là một trong top 10 trường đại học hàng đầu của Việt Nam theo các tiêu chí đánh giá chất lượng của Nhà nước, ngang tầm với các trường đại học uy tín thuộc khu vực và quốc tế.

+ Là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực theo hướng nghề nghiệp - ứng dụng, trong đó một số lĩnh vực đào tạo theo hướng nghiên cứu - phát triển.

+ Xây dựng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM thành Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật trọng điểm quốc gia, đóng vai trò nòng cốt trong đào tạo giáo viên kỹ thuật phục vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; góp phần thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của đất nước.

+ Chương trình đào tạo có tính thích ứng cao, bằng cấp của Trường được công nhận một cách rộng rãi trong khu vực và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội, có việc làm phù hợp và phát huy được năng lực một cách tối đa để cống hiến cho xã hội, hội nhập quốc tế.

+ Nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ gắn với đào tạo và chuyển giao công nghệ, khẳng định thương hiệu Nhà trường trên thị trường khoa học công nghệ về lĩnh vực khoa học kỹ thuật công nghệ và khoa học giáo dục nghề nghiệp.

+ Tạo được ảnh hưởng tích cực đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt đối với khu vực phía Nam.

+ Hợp tác toàn diện với doanh nghiệp, mở rộng phục vụ cộng đồng.

+ Triển khai ứng dụng các kỹ thuật quản lý, quản trị đại học tiên tiến, chú trọng thực hiện đầy đủ các mục tiêu chiến lược của HEEAP và hội nhập quốc tế.”

- Hai là chương trình đào tạo

Nhằm thực hiện chủ trương của nhà trường từ khóa tuyển sinh 2012 áp dụng đào tạo theo chương trình đào tạo 150TC. Ngay từ những năm đầu của thế kỉ XXI, Bộ môn Phương pháp giảng dạy đã xây dựng chương trình môn học dựa trên chương trình đào tạo này và được phát triển và thông qua Viện Sư phạm Kỹ thuật vào năm 2014. Chương trình này được biên soạn do sự đóng góp của các thành viên tham gia giảng dạy của Viện theo định hướng tiếp cận CDIO của Trường Đại học Sư Phạm kỹ thuật TP. HCM.

- **Ba là đội ngũ giảng viên**

Tham gia giảng dạy môn Lí luận dạy học 100% giảng viên từ thạc sĩ, trong đó có 33.3% là phó giáo sư. Các giảng viên tham gia giảng dạy là những thầy cô giáo đã được đào tạo từ các trường sư phạm và sư phạm kĩ thuật có uy tín trong và ngoài nước.

- **Bốn là sinh viên**

Sinh viên là người học đã tự nguyện đăng kí học các ngành sư phạm, do đó các em luôn có tâm huyết để trở thành giáo viên trong tương lai.

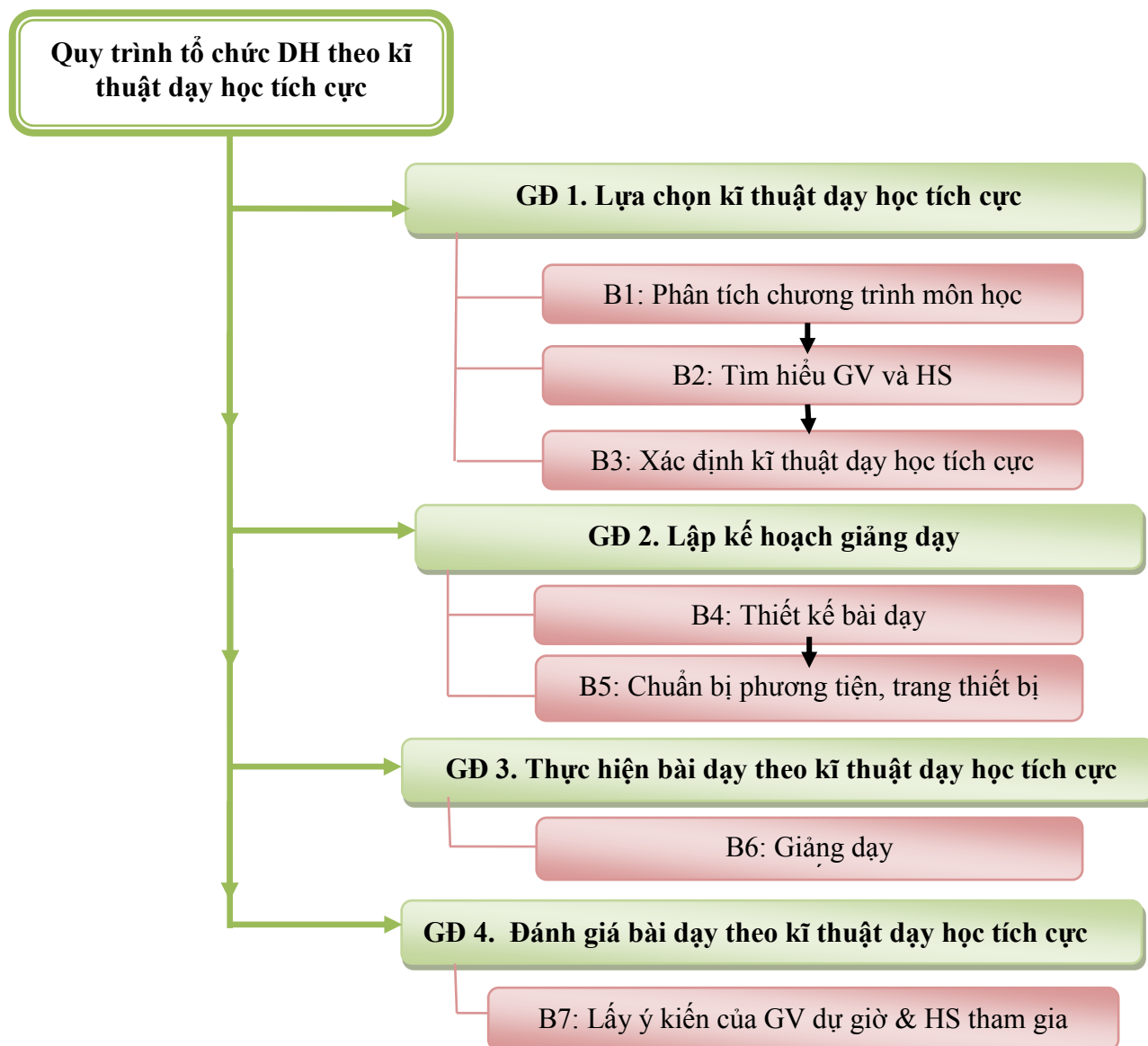
- **Năm là cơ sở vật chất**

Trường có cơ sở vật chất khá tốt phục vụ cho công tác đào tạo giáo viên kĩ thuật. Đặc biệt, Viện Sư phạm Kỹ thuật có các phòng học lí thuyết khang trang và có các xưởng phục vụ cho đào tạo giáo viên kĩ thuật ngành điện và cơ khí đầy đủ trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và sư phạm.

2.2. Tổ chức vận dụng dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực

2.2.1. Quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực

Dựa trên kết quả nghiên cứu đề tài cấp trường năm 2013, đã đề xuất quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực gồm 4 giai đoạn và 7 bước theo trình tự sau:



Hình 2.1: Quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực [5, tr. 49]

2.2.2. Tiến hành tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực

2.2.2.1. Giai đoạn 1: Lựa chọn kỹ thuật dạy học tích cực

Trong quá trình dạy học, các thành tố cơ bản là mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, giáo viên và học sinh luôn có mối quan hệ mật thiết và sự tác động qua lại với nhau. Vì thế, để lựa chọn kỹ thuật dạy học tích cực cho một môn học hay một modun cần phải dựa theo:

- Mục tiêu dạy học;
- Nội dung dạy học;

- Phương pháp dạy học;
- Phương tiện dạy học;
- Giáo viên và
- Học sinh.

Trong các thành tố này thì phương pháp dạy học có ý nghĩa đặc biệt, chi phối trực tiếp đến quyết định lựa chọn kỹ thuật dạy học. Do đó, để lựa chọn kỹ thuật dạy học tích cực cho môn Lí luận dạy học, cần tìm hiểu đầy đủ 6 thành tố, đặc biệt phải xác định các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với môn học này. Vì vậy, thực hiện giai đoạn này theo trình tự các bước sau:

Bước 1: Phân tích chương trình môn học

Qua đề cương chi tiết chương trình môn Lí luận dạy học (Phụ lục 3) chỉ ra rằng:

- *Mục tiêu dạy học:*

+ G1: Có kiến thức về lí luận dạy học như: quá trình dạy học, mục tiêu và nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, và phương pháp kiểm tra đánh giá.

+ G2:

Khả năng tư duy hệ thống các vấn đề liên quan đến dạy học như: sơ đồ các thành tố cấu trúc quá trình dạy học, phân loại phương pháp dạy học, phương tiện, phương pháp kiểm tra đánh giá.

Có thái độ làm việc tích cực, lòng yêu nghề.

+ G3: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp.

+ G4: Thiết lập được mục tiêu dạy học.

- *Nội dung dạy học*

Môn Lí luận dạy học được phân chia thành 5 chương: Quá trình dạy học, Mục tiêu và nội dung dạy học, Phương tiện dạy học, Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá.

- *Phương pháp dạy học*

Môn học này vận dụng các phương pháp dạy học như phương pháp thuyết trình, phương pháp trình bày trực quan, phương pháp đàm thoại, phương pháp thảo luận, phương pháp làm việc nhóm, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.

- *Phương tiện dạy học*

Phương tiện dạy học chủ yếu là tài liệu bài giảng Lý luận dạy học do Nguyễn Văn Tuấn chủ biên, phần mềm PowerPoint, máy chiếu, màn chiếu, tranh ảnh minh họa, bảng phân kết hợp với từ tính, nam châm, giấy...

Bước 2: Tìm hiểu giáo viên và học sinh.

Trong 4 học kì trở lại đây, do số lượng sinh viên đăng kí học ngành sư phạm giảm, nên chỉ có 2 giáo viên tham gia giảng dạy thường xuyên là cô Võ Thị Ngọc Lan và cô Đỗ Thị Mỹ Trang. Sinh viên chủ yếu thuộc khối sư phạm, ngoài ra có một số ít học trả nợ (các em có mã số sinh viên trước 12...) Với những sinh viên học trả nợ thì ít tham gia

vào giờ trên lớp, nên kết quả học tập thấp. Các em nghỉ học nhiều, nên việc thực hiện các kĩ thuật dạy học tích cực gặp nhiều khó khăn.

Bước 3: Xác định kĩ thuật dạy học tích cực

Trên cơ sở của mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học môn Lí luận dạy học, đồng thời dựa trên yếu tố giáo viên và học sinh. Đặc biệt trên cơ sở của phương pháp dạy học môn Lí luận dạy học là: Phương pháp thuyết trình (do giáo viên và sinh viên), phương pháp trình bày trực quan, phương pháp đàm thoại, phương pháp thảo luận, phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp đọc tài liệu. Người nghiên cứu đã xác định các kĩ thuật dạy học phù hợp cho từng chương của môn này qua bảng 2.1.

Bảng 2.1. Tổng hợp và hệ thống các chương, nội dung trọng tâm, phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực môn Lí luận dạy học

STT	Chương	Nội dung trọng tâm	Phương pháp dạy học phù hợp	Kĩ thuật dạy học tích cực
01	Quá trình dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát chung về quá trình dạy học - Thành tố cấu trúc và bản chất của QTDH - Nhiệm vụ - Các khâu và động lực của QTDH - Nguyên tắc dạy học 	Phương pháp thuyết trình, phương pháp trình bày trực quan, phương pháp thảo luận, Phương pháp đàm thoại, phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học cộng tác	Kĩ thuật động não, kĩ thuật tia chớp, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật sơ đồ khái niệm, kĩ “ồ bi”, kĩ thuật “bể cá”, kĩ thuật dừng thuyết trình, kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật sơ đồ tư duy
02	Mục tiêu và nội dung dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu dạy học - Nội dung dạy học 	Phương pháp thuyết trình, phương pháp trình bày trực quan, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp đàm thoại, phương pháp luyện tập	Kĩ thuật động não, kĩ thuật dừng thuyết trình, kĩ thuật đặt câu hỏi

03	Phương tiện dạy học		Phương pháp thuyết trình, phương pháp trình bày trực quan, phương pháp đàm thoại.	Kỹ thuật dùng thuyết trình, kỹ thuật đặt câu hỏi
04	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học		Phương pháp thuyết trình (do SV), phương pháp trình bày trực quan, phương pháp thảo luận, phương pháp đàm thoại, phương pháp đọc tài liệu	Kỹ thuật sơ đồ khái niệm, kỹ thuật dùng thuyết trình, kỹ thuật sơ đồ tư duy, kỹ thuật trò chơi đóng vai
05	Kiểm tra - đánh giá		Phương pháp thuyết trình (do SV), phương pháp trình bày trực quan, phương pháp thảo luận, phương pháp đàm thoại, phương pháp đọc tài liệu.	Kỹ thuật sơ đồ tư duy, kỹ thuật dùng thuyết trình

Từ bảng này cho thấy các kỹ thuật dạy học tích cực có khả năng vận dụng cho Môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh là: ***Kỹ thuật động não, kỹ thuật tia chớp, kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật sơ đồ khái niệm, kỹ “ổ bi”, kỹ thuật “bể cá”, kỹ thuật dùng thuyết trình, kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật sơ đồ tư duy và kỹ thuật trò chơi đóng vai.***

2.2.2.2. Giai đoạn 2: Lập kế hoạch giảng dạy

Bước 4: Thiết kế bài dạy

Bài dạy được thiết kế theo dạy học định hướng năng lực luôn được thiết kế định hướng từ mục tiêu bài học đến các năng lực hoạt động cụ thể, bài dạy có sự phối hợp của các phương pháp và các kỹ thuật dạy học. Theo nội dung trình bày trong tài liệu bài giảng Lý luận dạy học của TS. Nguyễn Văn Tuấn [13] kết hợp với đề cương chi tiết của môn này, người nghiên cứu soạn về Tiến trình bày dạy trong kế hoạch bài dạy chương 1: Quá trình dạy học và chương 4: Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo năng lực môn Lý luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁO ÁN LÝ THUYẾT

Tên bài: Chương 1: Quá trình dạy học

Giáo án số: 1; Số tiết dạy: 08

Thực hiện: 04 tuần

...

Tiến trình bài dạy

Bảng 2.2. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ nhất (tuần đầu)

Thời gian (phút)	Mục tiêu dạy học	Nội dung dạy học	Phương pháp dạy học		Năng lực hoạt động
			Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	
LẦN LÊN LỚP THỨ NHẤT (ngày 19.1 - 24.1.2015)					
20		1) Giới thiệu môn học về đề cương chi tiết học phần: MT; ND; PP dạy học; PP đánh giá.	Phương pháp thuyết trình: kỹ thuật dùng thuyết trình kết hợp (+) Phương pháp đàm thoại: kỹ thuật đặt câu hỏi (+) Phương pháp trình bày trực quan (+) Dạy học nêu và giải quyết vấn đề (+) Phương pháp thảo luận		
			- Giới thiệu tên môn học - Đặt câu hỏi: Em đã biết hay tìm hiểu gì về môn LLDH? - Lắng nghe, nhận xét - Nêu vấn đề: vì sao người giáo viên trong tương lai cần học môn này? - Gọi ý thông qua	- Lắng nghe - Trả lời - Ghi nhận - Lắng nghe, suy nghĩ giải quyết vấn đề.	

30	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được đối tượng, nhiệm vụ và quá trình dạy học - Có tinh thần cầu tiến và trách nhiệm trong công việc, phát triển tình cảm yêu 	2) Đối tượng NC và nhiệm vụ của lí luận dạy học	<p>giới thiệu đề cương chi tiết môn LLDH.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu file đề cương chi tiết học phần Lí luận dạy học - Giới thiệu mô tả học phần - Giải thích về mục tiêu và các chuẩn đầu ra - Giới thiệu tài liệu học tập - Giải thích về cách đánh giá quá trình và cuối kỳ - Giới thiệu về chương trình học trong 16 tuần - Chia sẻ phương pháp học đối với học phần 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát - Lắng nghe và ghi chép - Tự tìm thấy lời giải cho mình - Quan sát và lắng nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chuyên môn - Năng lực phương pháp - Năng lực xã hội - Năng lực cá nhân
35	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được đối tượng, nhiệm vụ và quá trình dạy học - Có tinh thần cầu tiến và trách nhiệm trong công việc, phát triển tình cảm yêu 		<ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu slide 2 về hình phạm vi đối tượng nghiên cứu - Để lộ từng câu hỏi của lí luận dạy học - Yêu cầu SV trao đổi với bạn bên cạnh về các đối tượng liên quan đến LLDH trong 5 phút - Mời SV trả lời theo tinh thần xung phong 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận đôi bạn - Trình bày ý kiến, SV khác lắng nghe và bổ sung nếu cần 	

	nghề GV	3) Khái niệm chung về QTDH	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét và để lộ đáp án trên slide 2 - Trình chiếu slide 3 và giải thích sơ đồ mối liên hệ giữa nhiệm vụ của LLDH đại cương và LLDH chuyên biệt - Đưa ví dụ thực tiễn những gì diễn ra từ đầu buổi học - Đặt câu hỏi: GV vào lớp giới thiệu về thành tích hay đời tư của mình có phải đang diễn ra quá trình dạy học không? Vì sao? - Lắng nghe và đánh giá - Đưa ra khái niệm quá trình dạy học và giải thích các từ khóa: chuỗi liên tiếp hành động dạy học, đan xen và tương tác, nhiệm vụ dạy học - Giải thích các dấu hiệu của QTDH - Cho ví dụ về hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của SV, yêu cầu SV trình bày khái quát các hoạt động đó. - Gọi SV trả lời - Lắng nghe, nhận xét và nhắc lại khái 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, lắng nghe và ghi chép - Suy nghĩ - Lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời - Trả lời - Lắng nghe và ghi chép - Lắng nghe và suy nghĩ - Trả lời 	
--	---------	----------------------------	---	--	--

			niệm hoạt động dạy và hoạt động học - Trình bày 3 quan điểm về quá trình dạy học	- Lắng nghe, ghi chép	
--	--	--	---	-----------------------	--

Bảng 2. 3. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ hai (tuần 2)

Thời gian (phút)	Mục tiêu dạy học	Nội dung dạy học	Phương pháp dạy học		Năng lực hoạt động
			Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	
LẦN LÊN LỚP THỨ HAI (ngày 26.1 - 31.1.2015)					
20	- Phân tích và giải thích sơ đồ thành tố cấu trúc quá trình dạy học	4) Thành tố cấu trúc của QTDH	Phương pháp thuyết trình: kỹ thuật dùng thuyết trình kết hợp (+) Phương pháp cộng tác: kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật sơ đồ tư duy		- Năng lực chuyên môn - Năng lực phương pháp - Năng lực xã hội - Năng lực cá nhân
			- Trình bày và chiếu slide 4 về cấu trúc các thành tố của QTDH - Giải thích mối liên hệ của các thành tố MTDH, NDDH, PPDH và PTDH trong hoạt động dạy học; mối liên hệ giữa nhu cầu XH, hoạt động học, kết quả và đánh giá dạy học với sự tác động của môi trường KT-XH-VH-KH	- Quan sát, lắng nghe - Quan sát, lắng nghe, ghi chép	
60	- Trình bày và giải thích được bản	5) Bản chất của QTDH	- Trình bày khái quát về tên của 7 yếu tố thể hiện bản chất của	- Lắng nghe	

	<p>chất của quá trình dạy học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần cầu tiến và trách nhiệm trong công việc, phát triển tình cảm yêu nghề GV - Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả - Có khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng 		<p>QTDH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu về cách thức làm việc nhóm theo mảnh ghép cho 3 bản chất đầu theo trình tự trong tài liệu - Trình bày và ghi bảng khái quát về kỹ thuật mảnh ghép - Nêu nhiệm vụ thảo luận: Làm sáng tỏ bản chất của QTDH là một bộ phận của QTSP tổng thể, là một quá trình nhân thức và là một quá trình tâm lí - Hướng dẫn SV thảo luận theo kỹ thuật mảnh ghép: + Chia sinh viên thành nhóm với 3 thành viên (nhóm chuyên sâu) và đếm nhóm theo thứ tự 1, 2, ... với nhiệm vụ: Giải thích từng bản chất của QTDH + Yêu cầu các nhóm 1, 5, 9, 13 tìm hiểu và giải thích BC1; các 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và quan sát - Nêu thắc mắc (nếu có) - Lắng nghe và ghi chép <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành “nhóm chuyên sâu”, làm việc nhóm trong 25 phút 	
--	---	--	--	--	--

		<p>nhóm 2, 6, 10, 14 tìm hiểu và giải thích BC2... + Yêu cầu hình thành nhóm (nhóm mảnh ghép) và thảo luận làm sáng tỏ 3 bản chất của QTDH.</p> <p>- Gọi đại diện SV trình bày kết quả thảo luận.</p> <p>- Lắng nghe, nhận xét</p> <p>- Nêu nhiệm vụ làm việc nhóm khái quát 4 bản chất còn lại theo sơ đồ tư duy</p> <p>- Khái quát về kỹ thuật sơ đồ tư duy, minh họa trên bảng</p> <p>- Yêu cầu thành lập nhóm ngẫu nhiên (3 SV/nhóm)</p> <p>- Quan sát các nhóm</p> <p>- Gọi đại diện</p>	<p>- Hình thành “nhóm mảnh ghép”, làm việc trong 15 phút</p> <p>- Trình bày kết quả làm việc nhóm trước lớp</p> <p>- Tóm tắt kết quả qua bài thuyết trình của các nhóm và từ nhận xét của GV</p> <p>- Lắng nghe và ghi chép nhiệm vụ học tập</p> <p>- Hình thành nhóm</p> <p>- Thảo luận nhóm và vẽ sơ đồ tư duy về 4 bản chất của QTDH trong 15 phút</p> <p>- Gắn sơ đồ tư</p>	
--	--	--	---	--

			nhóm trình kết quả - Quan sát, lắng nghe, nhận xét kết quả - Tổng kết 7 bản chất của QTDH	duy của nhóm lên bảng và trình bày. - Lắng nghe, ghi chép	
--	--	--	---	--	--

Bảng 2.4. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ ba (tuần 3)

Thời gian (phút)	Mục tiêu dạy học	Nội dung dạy học	Phương pháp dạy học		Năng lực hoạt động
			Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	
LẦN LÊN LỚP THỨ BA (ngày 2.2- 7.2.2015)					
40	- Giải thích 3 nhiệm vụ dạy học. - Giải thích mối quan hệ của 3 nhiệm vụ dạy học.	6) Nhiệm vụ dạy học 6.1) Giáo dục học sinh 6.2) Phát triển học sinh 6.3) Giáo dục học sinh	Phương pháp thuyết trình: kỹ thuật dùng thuyết trình kết hợp (+) phương pháp cộng tác: kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật sơ đồ khái niệm	- Lắng nghe - Hình thành “nhóm chuyên sâu”, làm việc nhóm trong 20 phút	- Năng lực chuyên môn - Năng lực phương pháp - Năng lực xã hội - Năng lực cá nhân
			- Nêu tầm quan trọng của việc phân tích 3 nhiệm vụ dạy học - Nêu nhiệm vụ thảo luận: Giải thích mối quan hệ của 3 nhiệm vụ dạy học - Hướng dẫn SV thảo luận theo kỹ thuật mảnh ghép: + Chia sinh viên thành nhóm với 3 thành viên (nhóm chuyên sâu) và đếm nhóm theo thứ tự 1, 2, ... + Yêu cầu các nhóm 1, 5, 9, 13 tìm hiểu và giải		

			<p>thích NV1; các nhóm 2, 6, 10, 14 tìm hiểu và giải thích NV2...</p> <p>+ Yêu cầu hình thành nhóm (nhóm mảnh ghép) và thảo luận về mối liên hệ giữa 3 nhiệm vụ dạy học.</p> <p>- Gọi đại diện SV trình bày kết quả thảo luận.</p> <p>- Lắng nghe, quan sát và nhận xét</p> <p>- Quan sát</p>	<p>Hình thành “nhóm mảnh ghép”, làm việc trong 15 phút</p> <p>- Trình bày kết quả làm việc nhóm trước lớp: giảng giải và sắp xếp các khái niệm đặc trưng của 3 nhiệm vụ trong mối quan hệ trên bảng phân</p> <p>- Tóm tắt kết quả qua bài thuyết trình của các nhóm và từ nhận xét của GV</p>	
15	<p>- Trình bày và giải thích được 4 khâu của quá trình dạy học</p>	<p>7) Logic các khâu và động lực của quá trình dạy học.</p> <p>7.1) Logic các khâu của quá trình dạy học</p> <p>- Gây động cơ, chuẩn bị</p>	<p>Phương pháp trình bày trực quan + Phương pháp đàm thoại: kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật thông tin phản hồi</p> <p>- Trình chiếu sơ đồ về các khâu của QTDH</p> <p>- Đặt câu hỏi: Vì sao quá trình dạy học</p>	<p>- Quan sát</p> <p>- Lắng nghe và tìm</p>	<p>Năng lực chuyên môn</p> <p>Năng lực phương</p>

		<p>tâm lí, ý thức cho việc học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức giải quyết các nhiệm vụ nhận thức - Củng cố, hoàn thiện, vận dụng tri thức, kĩ năng, kĩ xảo - Kiểm tra, đánh giá tri thức, kĩ năng, kĩ xảo 	<p>phải tiến hành theo trình tự như trong sơ đồ này?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi SV trả lời - Lắng nghe, nhận xét 	<p>lời giải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời - Ghi nhận 	<p>pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực cá nhân
25	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được khái niệm động lực của quá trình dạy học - Cho 3 ví dụ về cách tạo động cơ học tập 	<p>7.2) Động lực của quá trình dạy học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Điều kiện để mâu thuẫn trở thành động lực của quá trình dạy học - Nội động cơ học tập - Ngoại động cơ học tập 	<p>Phương pháp thuyết trình: kĩ thuật dùng thuyết trình + Dạy học nêu và giải quyết vấn đề: Kĩ thuật công não, kĩ thuật tia chớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ví dụ về động lực, diễn giải và trình bày khái niệm - Đặt vấn đề: Động lực của QTDH là những yếu tố thúc đẩy QTDH hay thúc đẩy HS tiến hành hoạt động nhận thức. Vậy động lực này chỉ có được khi nào? - Hướng dẫn kĩ thuật công não - Cử thư ký viết ý kiến của SV lên bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi nhận - Lắng nghe, tạo trạng thái tâm lí có nhu cầu giải quyết: mẫu thuẫn nhận thức, tìm câu trả lời - Nêu ý kiến và không phê phán ý kiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chuyên môn - Năng lực phương pháp - Năng lực cá nhân - Năng lực xã hội

			<ul style="list-style-type: none"> - Đặt vấn đề: Mâu thuẫn chỉ trở thành động lực mới khi nào? - Lắng nghe, nhận xét và hoàn thiện câu trả lời. - Đặt câu hỏi: Động cơ học tập là gì? - Gọi SV trả lời - Lắng nghe, nhận xét - Yêu cầu SV làm việc nhóm (3 SV/nhóm) cho ví dụ về cách tạo động cơ học tập và cho biết đó là loại động cơ học tập nào? - Yêu cầu nhóm trình bày kết quả - Lắng nghe và điều chỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> của bạn - Lắng nghe, tạo TH có vấn đề - Trình bày kết quả đã giải quyết - Lắng nghe - Trả lời - Lắng nghe, ghi nhận - Trả lời - Ghi nhận - Hình thành nhóm và tìm ví dụ - Trình bày ví dụ (KQ nhóm) - Ghi nhận 	
--	--	--	--	--	--

Bảng 2.5. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ tư (tuần 4)

Thời gian (phút)	Mục tiêu dạy học	Nội dung dạy học	Phương pháp dạy học		Năng lực hoạt động
			Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	
LẦN LÊN LỚP THỨ TƯ (ngày 2.3 - 7.3.2015)					
80	- Trình bày và giải thích được khái niệm nguyên	8) Nguyên tắc dạy học 8.1) Khái niệm	Phương pháp thuyết trình: kỹ thuật dùng thuyết trình + Dạy học cộng tác: kỹ thuật “bể cá” và “ổ bĩ”		Năng lực chuyên môn
			- Nêu ví dụ về nguyên tắc trong sinh	Lắng nghe	

<p>tắc dạy học</p> <p>- Trình bày và giải thích được 7 nguyên tắc dạy học</p>	<p>8.2) Các nguyên tắc dạy học</p> <p>- NT 1: Đảm bảo tính thống nhất giữa giáo dục tư tưởng, giáo dục khoa học và giáo dục nghề nghiệp</p> <p>- NT 2: Đảm bảo thống nhất giữa lí luận và thực tiễn</p> <p>- NT 3: Đảm bảo thống nhất giữa dạy và học</p> <p>- NT 4: Đảm bảo tính thống nhất giữa cụ thể và trừu tượng</p> <p>- NT 5: Đảm bảo tri thức vững vàng và tư duy mềm dẻo</p> <p>- NT 6: Đảm bảo thống nhất giữa vừa sức chung và vừa sức riêng</p>	<p>hoạt và dẫn dắt SV vào khái niệm nguyên tắc dạy học</p> <p>- Giải thích từ khóa</p> <p>- Nêu nhiệm vụ thảo luận 1: Phân biệt giữa nguyên tắc 2, nguyên tắc 4 và giữa nguyên tắc 6 nguyên tắc 7.</p> <p>- Yêu cầu SV thực hiện thảo luận theo kĩ thuật “bể cá”</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên hình thành 2 vòng tròn lớn và nhỏ.</p> <p>- Lựa chọn 7 sinh viên “cá” và yêu cầu ngồi ở các ghế vòng trong.</p> <p>- Yêu cầu các SV vòng trong cử 1 trưởng nhóm và tiến hành thảo luận</p>	<p>Lắng nghe</p> <p>Sắp xếp ghế tối đa: vòng trong 8 và vòng ngoài 35 ghế</p> <p>Lắng nghe</p> <p>Ngồi đúng vị trí như đã phân công.</p> <p>Thảo luận: SV vòng trong đưa ra ý kiến, SV vòng ngoài lắng nghe và tham gia thảo luận với SV vòng trong khi được cho phép của trưởng nhóm</p>	<p>Năng lực phương pháp</p> <p>Năng lực xã hội</p> <p>Năng lực cá nhân</p>
---	--	---	---	--

		<p>NT 7: Đảm bảo thống nhất giữa cá nhân và tập thể</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu dừng thảo luận và chỉ định 1 SV ở vòng ngoài trình bày kết quả ghi nhận từ thảo luận. - Nhận xét - Gọi SV thứ 2 ở vòng ngoài. - Nhận xét và có thể gọi tiếp tục (nếu thấy cần thiết) - Nêu nhiệm vụ thảo luận 2: Giải thích 3 nguyên tắc còn lại - Yêu cầu thảo luận theo kỹ thuật “ô bi” và hướng dẫn hình thành 2 vòng tròn với số lượng SV mỗi vòng bằng nhau. - Yêu cầu SV ngồi vào ghế đối diện nhau ở 2 vòng - Yêu cầu SV thảo luận 	<p>ngồi ở chiếc ghế trống và rời khỏi sau khi góp ý. Trả lời và lắng nghe</p> <p>Ghi nhận Trả lời và lắng nghe</p> <p>Ghi nhận</p> <p>Lắng nghe</p> <p>Sắp xếp ghế ngồi theo 2 vòng tròn đồng tâm tối đa mỗi vòng là 15 ghế</p> <p>Ngồi đối diện nhau theo yêu cầu</p> <p>Trao đổi ý kiến với</p>	
--	--	---	---	---	--

			<p>từng cặp về NT1, sau 5 phút yêu cầu SV vòng ngoài di chuyển bỏ qua 3 bạn theo chiều kim đồng hồ, tiếp tục thảo luận với bạn mới. Yêu cầu tiếp tục dừng di chuyển ít nhất là sau 3 lần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đôi bạn dừng thảo luận và gọi bất kỳ SV giải thích về NT 1 - Lắng nghe và nhận xét kết quả - Tổ chức theo kĩ thuật “ổ bi” cho NT 3 và 5 với thời gian mỗi cặp thảo luận 3 phút và 3 lần đổi bạn. - Nhận xét và nhận mạnh về nội dung cơ bản, vận dụng 	<p>nhau theo đôi bạn, sau 5 phút lại thay đôi bạn thảo luận</p> <p>Lắng nghe và trả lời</p> <p>Ghi nhận kết quả</p> <p>Tiếp tục thảo luận</p> <p>Lắng nghe và ghi nhận</p>	
--	--	--	--	--	--

			của từng nguyên tắc dạy học.		
--	--	--	------------------------------------	--	--

Tên bài: Chương 4: **Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

Giáo án số: 4; Số tiết dạy: 08

Thực hiện: 04 tuần

Thực hiện: 04 tuần

...

Tiến trình bài dạy

Bảng 2.6. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ mười (tuần 10)

Thời gian (phút)	Mục tiêu dạy học	Nội dung dạy học	Phương pháp dạy học		Năng lực hoạt động
			Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	
LẦN LÊN LỚP THỨ 10 (ngày 13.4 – 18.4.2015)					
80	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm PPDH - Phân loại được PPD - Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả - Có khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng 	<p>Chương 4: Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học</p> <p>1. Đại cương về PPDH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Phân loại <p>- Cơ sở lựa chọn pp</p> <p>- Quan điểm về PPDH.</p>	<p>Phương pháp thuyết trình: kỹ thuật dùng thuyết trình kết hợp (+)</p> <p>Phương pháp thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái quát về các khái niệm: Phương pháp, phương pháp dạy học - Trình chiếu và giải thích slide 1 về 4 cách phân loại PPDH - Yêu cầu hình thành đôi bạn và nêu nhiệm vụ thảo luận: Giải thích sơ đồ hệ thống phương pháp dạy học trang 51 trong tài liệu - Gọi SV trình bày kết quả thảo luận - Lắng nghe, gọi nhóm khác bổ sung hay đánh giá. - Tóm tắt sơ đồ 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, theo dõi theo tài liệu, làm dấu hay ghi chép - Quan sát, lắng nghe và ghi chép - Hình thành cặp đôi và trao đổi ý kiến. - Trình bày trước lớp, lắng nghe (SV còn lại) - Lắng nghe, ghi chép 	<ul style="list-style-type: none"> Năng lực chuyên môn Năng lực phương pháp Năng lực xã hội Năng lực cá nhân

Bảng 2.7. Mô tả tiến trình bài dạy trong tuần lên lớp thứ mười một (tuần 11)

Thời gian (phút)	Mục tiêu dạy học	Nội dung dạy học	Phương pháp dạy học		Năng lực hoạt động
			Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	
LÀN LÊN LỚP THỨ 11 (ngày 20.4 – 25.4.2015)					
45	- Trình bày và giải thích được PP thuyết trình, PP diễn trình về Khái niệm, mục đích sư phạm, phân loại, ưu và nhược điểm, cách vận dụng - Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả - Có khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng	Chương 4: Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học 2. Phương pháp thuyết trình	Phương pháp thuyết trình (SV thuyết trình): kỹ thuật dùng thuyết trình kết hợp (+) Phương pháp thảo luận: kỹ thuật trò chơi đóng vai		
			- Hướng dẫn cách báo cáo và cách đánh giá kết quả nhóm và cá nhân theo các tiêu chí cho SV - Gọi nhóm báo cáo về phương pháp thuyết trình lên chuẩn bị - Giao cho nhóm báo cáo đóng vai trò người giáo viên - Quan sát và lắng nghe, ghi nhận những nội dung thiếu chính xác hay còn thiếu - Lắng nghe và đưa ra nhận xét theo các tiêu chí đánh giá và nhấn mạnh nội dung	- Lắng nghe - Nhóm báo cáo chuẩn bị - Trình bày nội dung đã chuẩn bị của nhóm với tất cả thành viên trong nhóm - Ghi nhận ý kiến đóng góp hay câu hỏi làm sáng tỏ nội dung từ SV trong lớp - Trả lời câu hỏi - Lắng nghe, ghi chép	

35		<p>3. Phương pháp diễn trình</p>	<p>trọng tâm của PP thuyết trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu ý những thiếu sót trong cách phối hợp làm việc nhóm khi báo cáo (nếu có) - Gọi nhóm báo cáo về phương pháp diễn trình lên chuẩn bị - Lưu ý nhóm báo cáo sắp xếp chỗ ngồi cho các SV trước khi nhóm làm mẫu - Giao cho nhóm báo cáo đóng vai trò người giáo viên - Quan sát và lắng nghe, ghi nhận những nội dung thiếu chính xác hay còn thiếu <p>- Lắng nghe và đưa ra nhận xét theo các tiêu chí đánh giá và nhấn mạnh nội dung trọng tâm của PP thuyết trình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm báo cáo chuẩn bị - Lắng nghe - Trình bày nội dung, sắp xếp chỗ cho SV và làm mẫu 1 ví dụ thuộc chuyên ngành của nhóm, phối hợp tất cả thành viên trong nhóm - Ghi nhận ý kiến đóng góp hay câu hỏi làm sáng tỏ nội dung từ SV trong lớp - Trả lời câu hỏi - Lắng nghe, ghi chép 	
----	--	----------------------------------	--	---	--

			- Lưu ý những thiếu sót trong cách phối hợp làm việc nhóm khi báo cáo (nếu có)		
--	--	--	--	--	--

Bước 5: Chuẩn bị phương tiện và trang thiết bị

Các phương tiện giảng dạy cho môn học này bao gồm:

- Tài liệu bài giảng Lý luận dạy học của tác giả Nguyễn Văn Tuấn; Giáo trình môn Phương pháp dạy học do Nguyễn Văn Tuấn chủ biên; Tài liệu Lý luận dạy học của Nguyễn Văn Hộ; Tài liệu Kỹ năng dạy học của tác giả Võ Thị Ngọc Lan; Tài liệu Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập của Dương Thiệu Tống. Tài liệu trên Internet.
- Bài giảng điện tử bằng phần mềm Powerpoint.
- Giấy khổ A₄ dùng trong thảo luận nhóm.

2.2.2.3. Giai đoạn 3: Thực hiện bài dạy theo kỹ thuật dạy học tích cực

Bước 6: Giảng dạy

Thực hiện giảng dạy tại lớp theo các giáo án đã thiết kế và các phương tiện chuẩn bị ở bước 4 và 5.

2.2.2.4. Giai đoạn 4: Đánh giá bài dạy

Bước 7: Lấy ý kiến của giáo viên dự giờ và sinh viên tham gia

Việc thu thập ý kiến của giáo viên dự giờ qua phiếu đánh giá bài dạy và ý kiến của sinh viên tham gia qua phiếu quan sát. Người nghiên cứu đã soạn phiếu đánh giá bài dạy và phiếu quan sát, hai phiếu này tập trung vào việc vận dụng 13 kỹ thuật dạy học đã được xác định từ bước 3.

- ✓ Phiếu đánh giá bài dạy:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI DẠY

Họ và tên giáo viên giảng dạy: GVC. TS. Võ Thị Ngọc Lan

Môn học: Lý luận dạy học

Sĩ số: **Số SV có mặt:**

Phòng học:

Tiết giảng dạy:

Người dự giờ:

NHỮNG KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐƯỢC GIÁO VIÊN SỬ DỤNG

Kỹ thuật dạy học	Phương pháp dạy học					Nhận xét
	Thuyết	Đàm	Thảo	Giải	Dạy học	

	<i>trình/ TB trực quan</i>	<i>thoại</i>	<i>luận</i>	<i>quyết vấn đề</i>	<i>cộng tác</i>	
KT Công não (Brainstorming)						
KT 635 (Brainwriting)						
KT đặt câu hỏi						
KT thông tin phản hồi						
KT mảnh ghép						
KT “Bể cá”						
KT Tia chớp						
KT Sơ đồ tư duy						
KT ổ bi						
KT 3 lần 3						
KT dừng thuyết trình						
KT sơ đồ khái niệm						
KT điểm yếu hay điểm khó hiểu						
KT khác:						
.....						

NHỮNG BIỂU HIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA SINH VIÊN

STT	Những biểu hiện	Không (Số lượng SV)	Có (Số lượng SV)	Nhận xét
1	Đi muộn			
2	Chăm chú nghe giảng			
3	Làm việc riêng trong lớp			
4	Ghi chép			
5	Phát biểu ý kiến			
6	Tham gia thảo luận			
7	Đặt câu hỏi nội dung còn thắc mắc			
8	Tóm tắt được nội dung vừa thảo luận			
9	Đọc bài trước khi đến lớp			
10	Làm bài tập về nhà			
11	Ra vào lớp trong giờ học			
12	Nói chuyện riêng			
13	Trả lời đúng câu hỏi			

ĐÁNH GIÁ VỀ BÀI DẠY

- Mục tiêu dạy học: Đạt Không đạt
- Nội dung: Theo kế hoạch trong đề cương:

Thông theo kế hoạch trong đề cương:

- Phương pháp dạy học: Phù hợp Không phù hợp
- Vận dụng các kĩ thuật dạy học:

Kĩ thuật dạy học	Biểu hiện của sinh viên trong khi vận dụng kĩ thuật dạy học							
	<i>Tích cực</i>	<i>Không tích cực</i>	<i>Sôi nổi</i>	<i>Buồn tẻ</i>	Có ý kiến	Không ý kiến	Tự giác	Chây lười
KT Công não (Brainstorming)								
KT 635 (Brainwriting)								
KT đặt câu hỏi								
KT thông tin phản hồi								
KT mảnh ghép								
KT “Bể cá”								
KT Tia chớp								
KT Sơ đồ tư duy								
KT ổ bi								
KT 3 lần 3								
KT dùng thuyết trình								
KT sơ đồ khái niệm								
KT điểm yếu hay điểm khó hiểu								
KT khác:								
.....								

✓ Phiếu quan sát:

PHIẾU QUAN SÁT VẬN DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

Phần thủ tục:

Họ và tên giáo viên giảng dạy: GVC. TS. Võ Thị Ngọc Lan

Môn học: Lí luận dạy học

Sĩ số: **Số SV có mặt:**

Địa điểm quan sát: Phòng học Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

Ngày giờ quan sát:

Người quan sát:

Phần nội dung:

1. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC ĐƯỢC GIÁO VIÊN SỬ DỤNG

Kỹ thuật dạy học	Phương pháp dạy học					Nhận xét
	<i>Thuyết trình/ TB trực quan</i>	<i>Đàm thoại</i>	<i>Thảo luận</i>	<i>Giải quyết vấn đề</i>	<i>Dạy học cộng tác</i>	
KT Công não (Brainstorming)						
KT 635 (Brainwriting)						
KT đặt câu hỏi						
KT thông tin phản hồi						
KT mảnh ghép						
KT “Bể cá”						
KT Tia chớp						
KT Sơ đồ tư duy						
KT ô bi						
KT 3 lần 3						
KT dừng thuyết trình						
KT sơ đồ khái niệm						
KT điểm yếu/y điểm khó hiểu						
KT khác:						
.....						

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Dựa theo các chủ trương, chính sách của nhà trường đến năm 2020 là một trong top 10 trường đại học hàng đầu của Việt Nam theo tiêu chí đánh giá chất lượng của nhà nước, là một trường đa ngành, đa lĩnh vực đào tạo theo hướng nghề nghiệp - ứng dụng, và trở thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật trọng điểm quốc gia... Đồng thời qua phân tích các yếu tố: chương trình đào tạo, đội ngũ giáo viên với 100% là thạc sĩ và 33,3% là phó giáo sư, sinh viên là những người tự nguyện đăng kí học các ngành sư phạm và cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy môn Lí luận dạy học, người nghiên cứu khẳng định có đủ điều kiện để vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn học này.

Việc tổ chức dạy học theo kĩ thuật dạy học tích cực với trình tự 4 giai đoạn và 7 bước là khá thuận lợi. Sau giai đoạn 2: Lập kế hoạch giảng dạy, với kết quả là 6 phần minh họa cho “Tiến trình bài dạy” đã thiết kế hoạt động dạy và học của giảng viên chi phối và chỉ đạo hoạt động học của SV qua 10 kĩ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy môn Lí luận dạy học. Từ minh họa 6 phần “Tiến trình bài dạy” trong 6 lần lên lớp này đã xác định rõ các phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học tích cực tương thích với từng nội dung cụ thể của môn học. Mỗi hoạt động dạy của giảng viên đều có những hoạt động học đan xen và thống nhất của SV, điều này đã chỉ rõ cách thức thực hiện các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực khi phối hợp hay kết hợp với nhau trong từng buổi học, tiết học. Các phương pháp dạy học được kết hợp trong dạy học môn Lí luận dạy học bao gồm: Phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại, phương pháp cộng tác, phương pháp trình bày trực quan, dạy học nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận, phương pháp đọc tài liệu. Đồng thời, các kĩ thuật dạy học tích cực cũng được phối hợp như là dừng thuyết trình, đặt câu hỏi, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, sơ đồ khái niệm, công não, tia chớp, “bể cá”, “ô bi” và trò chơi đóng vai. Qua đó khẳng định các phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học đã xác định ở Bảng 2.1 có khả năng vận dụng cho môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh cao.

Tuy chưa thực hiện ở giai đoạn 3 và 4, nhưng những gì đã xác định và chuẩn bị công cụ đánh giá cho việc thực nghiệm sư phạm đã minh chứng rằng việc vận dụng dạy học bằng kĩ thuật dạy học tích cực theo quy trình tổ chức dạy học kĩ thuật dạy học tích cực là trong tầm tay của giảng viên.

CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm

Tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm đánh giá tính khả thi của việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, đồng thời kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu: “Nếu vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực theo qui trình 4 giai đoạn thì sinh viên tích cực học tập và kết quả học tập của sinh viên ở môn Lí luận dạy học cao hơn.”

3.2. Nhiệm vụ của thực nghiệm sư phạm

- Tổ chức dạy học môn Lí luận dạy học theo các kỹ thuật dạy học tích cực trong các tuần 3, 4, 10 và 11.
- Xác định động cơ học tập và tính tích cực học tập của sinh viên trong khi học môn Lí luận dạy học.
- Đánh giá bài dạy qua Phiếu đánh giá bài dạy về biểu hiện trong khi vận dụng KTDH và những biểu hiện hoạt động của sinh viên từ trợ giảng và qua Phiếu quan sát vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực từ SV.
- Xử lý số liệu qua kết quả kiểm tra quá trình và cuối kỳ.

3.3. Đối tượng thực nghiệm sư phạm

Đối tượng thực nghiệm sư phạm sinh viên học môn Lí luận dạy học trong học kì II năm học 2014 -2015.

Nhóm đối chứng : Nhóm 05 (41 SV trên danh sách, thực tế học 38 SV) do giảng viên Đỗ Thị Mỹ Trang đảm trách.

Nhóm thực nghiệm: Nhóm 01 (37 SV trên danh sách, thực tế học 34 SV), 02 (38 SV trên danh sách, thực tế học 33 SV), 03 (55 SV trên danh sách, thực tế học 50 SV) và 04 (32 SV trên danh sách, thực tế học 31 SV) do giảng viên Võ Thị Ngọc Lan phụ trách.

Từ sự phân công ngẫu nhiên của phòng đào tạo, trong khi thực nghiệm được tiến hành trên cả 4 nhóm do người nghiên cứu được phân công, mặc dù số lượng không được bằng nhau, nhưng gần tương đương nhau (ngoại trừ nhóm 3). Như vậy, càng có cơ hội để đánh giá tính khả thi khi vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực theo quy trình tổ chức 4 giai đoạn đã xác định ở chương 2.

3.4. Tiến trình thực nghiệm sư phạm

Theo trình tự 4 giai đoạn của quy trình tổ chức dạy học như đã phân tích ở chương 2. Người nghiên cứu tiến hành giảng dạy các bài học trong tuần 3, 4, 10 và tuần 11 đúng như kế hoạch trong tiến trình bài dạy đã thiết kế. Trong khi tổ chức thực nghiệm, giảng viên tổ chức lớp học theo các kỹ thuật dạy học tích cực như trong kế hoạch giảng dạy và không tỏ ra có sự khác biệt gì trong quá trình dạy học. Các buổi học thứ 3 và thứ 4 còn gặp nhiều khó khăn như:

- SV chưa tập trung khi GV giải thích lí thuyết về kĩ thuật dạy học tích cực sẽ sử dụng. Vì thế, khi tổ chức nhóm thực hiện mất nhiều thời gian và GV phải giải thích lại;
- SV đi học chưa đầy đủ trong 2 lần sau tết Nguyên đán, nên các buổi tiếp theo GV cũng áp dụng các kĩ thuật vừa mới làm quen cũng chưa suôn sẻ.
- SV chưa chuẩn bị tinh thần chủ động làm việc nhóm với bạn khác, cũng như chưa thể hiện sự tích cực, chủ động và tự giác trong học tập, còn ỉ lại.
- Bàn ghế khó di chuyển ở phòng học khu B, điều kiện âm thanh còn hạn chế vì chỉ có 01 mic có dây, nên không thuận tiện di chuyển cho nhóm khi báo cáo kết quả cũng như thực hiện kĩ thuật bẻ cá.

Bài kiểm tra quá trình được tính điểm trung bình cộng của bài kiểm tra đề mở, điểm thuyết trình của nhóm và điểm chuyên cần. Bài kiểm tra cuối kì là đề thi mở chung cho tất cả 05 nhóm, do phòng đào tạo tổ chức thi.

3.5. Kết quả

Qua kiểm tra quá trình lần 1, với kết quả học tập chưa như mong đợi, có đến 12 % sinh viên có điểm dưới 5, người nghiên cứu đã tiến hành khảo sát để tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực từ sinh viên trong môn Lí luận dạy. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến việc vận dụng KTDHTC gồm 2 yếu tố từ phía sinh viên và yếu tố từ phía giáo viên. Người nghiên cứu chỉ tập trung tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng từ phía sinh viên. Trong suốt quá trình này, qua sự quan sát cũng như kết quả phân tích về ảnh hưởng từ phía sinh viên, ảnh hưởng lớn nhất đến vận dụng KHTDTC từ phía sinh viên được xác định là *động cơ học tập và tính tích cực học tập của sinh viên*.

Nhằm xác định chính xác về động cơ học tập và tính tích cực học tập của sinh viên trong học môn LLDH, người nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trong 50 SV thuộc 4 nhóm đang học trong học kỳ II năm học 2014 -2015. Những kết quả trình bày sau đây đã được đăng tải trong bài báo khoa học với tựa đề: “Một số yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp dạy học tích cực đối với môn lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh” trên Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 5 năm 2015. [5, tr.100-1005]

Một là, động cơ học tập của sinh viên

Từ câu hỏi 1 trong phiếu khảo sát (Phụ lục 1) cho thấy kết quả khảo sát động cơ học tập của sinh viên 4 nhóm xử lí và tổng hợp ở bảng 3.1.

Bảng 3.1. Động cơ học tập của sinh viên học môn LLDH ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

Thứ tự (TT)	Ý kiến của SV Các nhận định		Kết quả						Điểm trung bình (ĐTB)
			Đồng ý		Thần vận		Không đồng ý		
	TS	%	TS	%	TS	%			
1	Nhận	Học tốt môn này để làm hài lòng	28	56	0	0	22	44	2,01

	<i>thức</i>	cha mẹ/ thầy cô							
2	<i>về học</i>	Học tốt môn này để nhận được học bổng	24	48	0	0	26	52	1,96
3	<i>và môn LL DH</i>	<i>Học tốt môn này để nắm vững kiến thức cơ sở về sự phạm làm nền tảng cho việc học các môn SP sau</i>	47	94	0	0	3	6	2,46
4		Môn học này toàn lí thuyết, nhàm chán	15	30	0	0	35	70	1,60
5		Học môn này chỉ học cho qua	10	20	3	6	32	64	1,24
6		Môn học này là môn học phụ trong chuyên ngành đào tạo	10	20	1	2	34	68	1,36
7	<i>Cách thức</i>	Chỉ đăng ký môn học theo lịch học của lớp	17	34	0	0	33	66	1,68
8	<i>đăng ký</i>	Tìm hiểu về môn học trước khi đăng ký môn học này	27	54	0	0	23	46	2,08
9	<i>môn học</i>	Đăng ký theo bạn cùng lớp	24	48	0	0	26	52	1,96
10		<i>Xem lại các môn đã học và chưa học trước khi đăng ký môn học này trong sổ tay sinh viên</i>	30	60	1	2	19	38	2,22
11	<i>Hình thức học tập</i>	Tham gia học trên lớp chỉ mất thời gian	2	4	0	0	48	96	1,08
12		Môn học này chỉ cần chăm chỉ học tại nhà	5	10	2	4	43	86	1,24
13		<i>Phong cách và những thức hành động nhỏ của GV và SV trong các tình huống hành động nhỏ (KTDH) tạo hứng thú cho SV.</i>	44	88	0	0	6	12	2,76
14		<i>Tham gia học trên lớp không chỉ tiếp thu kiến thức môn LLDH mà còn tích lũy kinh nghiệm vận dụng KNDH</i>	49	98	0	0	1	2	2,96

$$1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$$

Xem xét về động cơ học tập của SV được dựa trên 3 yếu tố chính là nhận thức về học tập và môn LLDH, cách thức đăng ký môn học và hình thức học tập. Trong mỗi yếu tố đều đưa ra những nhận định để nhằm xác định về động cơ học tập được xuất phát từ chính SV hay từ bên ngoài tác động. Từ kết quả ở bảng 3.1 cho thấy **SV có nội động cơ học tập khá cao vì:**

- Ý kiến của các em nhận thức về học và môn này có đến 94% SV đã xác định học cho chính bản thân mình là để nắm vững kiến thức cơ sở về sự phạm làm nền tảng cho việc học các môn SP sau (ĐTB = 2,46). Hai yếu tố tạo động cơ học tập từ bên ngoài (TT 1 và 2) có số lượng SV đồng ý và không đồng ý ngang nhau (ĐTB = 2,01 và ĐTB = 1,96). Ba yếu tố thể hiện sự chán nản trong học tập hay định kiến về môn LLDH (TT 3, 4 và 5) bị nhiều SV phản đối ($1,24 \leq \text{ĐTB} \leq 1,60$).

- Thông qua cách thức đăng ký môn học, đã có đến 60% SV xem lại các môn đã học và chưa học trước khi đăng ký môn học này trong sổ tay sinh viên (ĐTB = 2,22). Bên cạnh đó SV còn tìm hiểu về môn học trước khi đăng ký môn học này với điểm trung bình khá cao 2,08. Hai yếu tố thể hiện sự tác động từ bên ngoài (TT 7 và 9) được SV đồng tình không cao ($1,68 \leq \text{ĐTB} \leq 1,96$).

- SV nhận thức được tầm quan trọng của việc học trên lớp có ý nghĩa không chỉ lĩnh hội tri thức mà học ngay kinh nghiệm về sự phạm từ người thầy, đặc biệt là những KTDH giáo viên vận dụng trên lớp ($2,76 \leq \text{ĐTB} \leq 2,96$).

Hai là, tính tích cực học tập của sinh viên

Trong giảng dạy môn Lí luận dạy học người nghiên cứu đã vận dụng thường xuyên nhất là các kĩ thuật dạy học tích cực: kĩ thuật động não, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật “ô bi”, kĩ thuật “bể cá”, kĩ thuật đặt câu hỏi và sơ đồ tư duy. Các kĩ thuật dạy học này được phối hợp thực hiện trong các phương pháp dạy học như phương pháp đàm thoại, phương pháp đặt và giải quyết vấn đề, phương pháp cộng tác và phương pháp đóng vai. Với những phương pháp dạy học và cụ thể là các kĩ thuật dạy học này giúp sinh viên tạo ra được tính tích cực học tập ở 3 mức độ từ thấp nhất là bắt chước, tiếp đến là tìm tòi và cao nhất là sáng tạo. Nhưng qua quan sát các giờ thực nghiệm vẫn thấy sinh viên ít tập trung hay làm việc riêng; trong hoạt động nhóm vẫn có khoảng thời gian “chết” và bầu không khí lớp học chưa sôi động. Bên cạnh đó, cũng còn một số ít SV vắng mặt. Nhằm tìm câu trả lời vì sao dẫn đến những hiện trạng này, qua khảo sát 50 SV những biểu hiện của mình trong khi học môn Lí luận dạy học. Từ câu 2 trong phiếu khảo sát (Phụ lục 1), kết quả khảo sát nhằm đánh giá mức độ tích cực học tập của SV đến việc vận dụng KNDHTC được phân tích và tổng hợp trong bảng 3.2.

Bảng 3.2. Đánh giá về mức độ ảnh hưởng tính tích cực học tập của SV đến việc vận dụng KTDHTC

TT	Các biểu hiện		Các mức độ*										ĐTB
			Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Ít khi		Không bao giờ		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Bắt chước	Ôn lại và làm bài tập theo GV hay bạn đã làm	0	0	10	20	36	72	4	8	0	0	3,01
2		Tham gia thảo luận trong nhóm, trình bày toàn bộ kiến thức có trong tài liệu	2	4	25	50	20	40	3	6	0	0	3,64
3		Đọc tài liệu hay thu thập theo yêu cầu của GV	5	10	23	46	17	34	5	10	0	0	3,56

4	Tìm tòi	Tham gia thảo luận trong nhóm, trình bày tóm lược/hệ thống kiến thức có trong tài liệu	8	<i>16</i>	15	<i>30</i>	24	<i>48</i>	2	<i>4</i>	1	<i>2</i>	2,54
5		Đọc thêm các tài liệu hay thông tin liên quan đến môn LLDH	6	<i>12</i>	24	<i>48</i>	14	<i>28</i>	6	<i>12</i>	0	<i>0</i>	3,6
6		Trao đổi thông tin với giáo viên trong và ngoài giờ học hay học hỏi kinh nghiệm của bạn bè	6	<i>12</i>	23	<i>46</i>	17	<i>34</i>	4	<i>8</i>	0	<i>0</i>	3,62
7		Quan sát hoạt động dạy của GV trong thực tiễn dạy học	1	<i>2</i>	4	<i>8</i>	26	<i>52</i>	16	<i>32</i>	0	<i>0</i>	2,62
8		Nghi ngờ kiến thức đến từ thầy cô, sách, giáo trình...	0	<i>0</i>	9	<i>18</i>	13	<i>26</i>	24	<i>48</i>	0	<i>0</i>	2,46
9		Không chấp nhận kiến thức khi chưa tìm hiểu và có chứng cứ rõ ràng	6	<i>12</i>	29	<i>56</i>	13	<i>26</i>	2	<i>4</i>	0	<i>0</i>	3,78
10		Sàng lọc những thông tin và tranh luận đối với các thông tin đã được nhiều bạn đồng ý	0	<i>0</i>	1	<i>2</i>	3	<i>6</i>	18	<i>36</i>	28	<i>56</i>	1,54
11	Sáng tạo	Tham gia thảo luận trong nhóm, lập luận và đưa ví dụ minh họa	3	<i>6</i>	14	<i>28</i>	17	<i>34</i>	16	<i>32</i>	0	<i>0</i>	3,28
12		Tự giải quyết vấn đề theo cách riêng của mình	3	<i>6</i>	18	<i>36</i>	19	<i>38</i>	10	<i>20</i>	0	<i>0</i>	3,28
13		Tự đặt câu hỏi vì sao...? Tạo sao...?... và tìm câu trả lời	8	<i>16</i>	13	<i>26</i>	20	<i>40</i>	9	<i>18</i>	0	<i>0</i>	3,2
14		Thiết kế bài thuyết trình cá nhân hay nhóm theo cách lập luận riêng	2	<i>4</i>	17	<i>34</i>	21	<i>42</i>	10	<i>20</i>	0	<i>0</i>	3,2

** Rất thường xuyên: lúc nào cũng thực hiện; thường xuyên: Thực hiện nhiều hiện không thực hiện; thỉnh thoảng: Không thực hiện chiếm phần lớn; ít thực hiện: có từ một đến vài lần thực hiện*

$$(1 \leq \text{ĐTB} \leq 5)$$

Số liệu tại bảng 3.2. cho thấy, **tính tích cực học tập chỉ ở mức trung bình** vì mức độ biểu hiện tính tích cực học tập của SV trong số được khảo sát từ bắt buộc, đến tìm tòi và sau cùng là sáng tạo với điểm trung bình tập trung phần lớn từ $2,46 \leq \text{ĐTB} \leq 3,64$. Riêng trong biểu hiện “*Không chấp nhận kiến thức khi chưa tìm hiểu và có chứng cứ rõ ràng*” có điểm trung bình cao nhất là 3,78. Ngược lại về biểu hiện “*Sàng lọc những thông tin và tranh luận đối với các thông tin đã được nhiều bạn đồng ý*” lại chỉ khiêm tốn với ĐTB chỉ là 1,54, có nghĩa là SV không thực hiện biểu hiện này một lần nào hoặc chỉ thực hiện một vài lần.

Qua phân tích về 2 yếu tố ảnh hưởng chính đến việc vận dụng KTDHTC là động cơ học tập và tính tích cực của SV trong học môn LLDH như trên. Ta có thể nhận định rằng đa số **sinh viên mới chỉ có động cơ học tập trong nhận thức**, xong trong thực tiễn các hoạt động thể hiện tính tích cực chưa bộc lộ động cơ học tập.

Do đó, để vận dụng được các kỹ thuật dạy học tích cực trong môn LLDH ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, trước tiên mỗi SV tự nhận thức và tạo được động cơ học tập, đặc biệt là nội động cơ học tập. Sau đó SV cần thể hiện hoạt động học tập khởi đầu là bắt buộc từ thầy, bạn bè trong việc thu nhận kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo. Có thực hiện như vậy một cách rất thường xuyên hay thường xuyên mới làm tiền đề cho SV thực hiện tìm tòi và tiến đến sáng tạo, tìm ra được những cái mới trên nền tảng của cái đã biết. Đây chính là 2 nhân tố quyết định đến việc vận dụng KTDHTC đạt được kết quả học như mong đợi. Đồng thời giáo viên vận dụng thường xuyên các KTHDTC trong sự kết hợp linh hoạt và phù hợp với nội dung dạy học trong từng chương cũng như đối tượng SV ở mỗi nhóm. Nhờ đó, SV có cơ hội hoạt động nhằm tính tích cực học tập.

Từ kết quả khảo sát, người nghiên cứu đã tác động đến sinh viên để tự các em tạo được động cơ như giao bài về nhà chuẩn bị theo nhóm và báo cáo trước lớp. Kết quả điểm kiểm tra quá trình của lần 2 tăng lên đáng kể. Dưới đây là kết quả điểm thi quá trình và thi cuối kỳ của lớp đối chứng (1 nhóm) ở bảng 3.3 và lớp thực nghiệm (04 nhóm) trong bảng 3.4.

Bảng 3.3. Mô tả, so sánh kết quả điểm thi quá trình và thi cuối kỳ ở lớp đối chứng

Số TT	Mã số SV	Họ và tên SV	Điểm thi			Điểm tổng kết		
			Quá trình (QT)	Cuối kỳ (CK)	So sánh ĐQT & CK	Tính theo điểm 10	Xếp loại	
01	13147084	Nguyễn Công Thành	7,3	7,3	=	7,3	K	
02	13950114	Phạm Tiến Sỹ	4,5	7,3	>	5,9	TB	
03	09913002	Nguyễn Hoài Sơn	6,5	5	<	5,8	TB	
04	10911005	Long Phú Quý	7,5	8,3	>	7,9	K	
05	10911047	Văn Đức Yên	Không tính					
06	11911040	Lương Văn Triêm	3	0		1,5	Không	

							tính
07	11941031	Nguyễn Văn Tiến	7,5	8,8	>	8,2	G
08	11943026	Trương Đình Ngân	6,5	6,3	<	6,4	TB
09	12110127	Nguyễn Ngọc Thảo	7,5	5,5	<	6,5	TB
10	12147038	Hồ Ngọc Vũ	8	7,8	<	7,9	K
11	12147286	Đỗ Nguyễn Hoàng Anh	8	6,5	<	7,3	K
12	12950001	Tạ Nguyễn Ngọc Anh	8,5	7	<	7,8	K
13	12950004	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	8,5	7	<	7,8	K
14	12950005	Nguyễn Thị Hoa	8	5,3	<	6,7	TB
15	12950027	Nguyễn Thị Phy Khanh	8	7	<	7,5	K
16	12950036	Mai Thị Thùy Linh	8,5	7	<	7,8	K
17	12950042	Phạm Duy Phương	5,5	3	<	4,3	Y
18	12950062	Ngô Nguyễn Diễm Phương	8	7,5	<	7,8	K
19	12950063	Đặng Thị Như Quỳnh	7	5,5	<	6,3	TB
20	12950067	Nguyễn Thanh Thảo	8,5	8	<	8,3	G
21	12950073	Nguyễn Thị Minh Xuân	7,5	6,8	<	7,2	K
22	12950102	Lê Phương Hào	7,5	5	<	6,3	TB
23	13110043	Lê Duy Nam	7,5	6,3	<	6,9	TB
24	13110103	Mai Hữu Nam	7,5	6,8	<	7,2	K
25	13110104	Nguyễn Kế Thân	7,5	5	<	6,3	TB
26	13110157	Trần Quốc Thiện	7	6,3	<	6,7	TB
27	13110158	Trương Phạm Trung Tín	6,5	7,3	>	6,9	TB
28	13141370	Phan Hồng Duy	5,5	5,5	=	5,5	TB
29	13143052	Hà Chí Hiếu	6	7	>	6,5	TB
30	13143113	Lê Văn Sanh	8,5	7,5	<	8	G
31	13143279	Nguyễn Văn Bình	8,5	7,5	<	8	G
32	13145022	Lưu Diệp Đăng Khoa	7,5	7,5	=	7,5	K
33	13145123	Nguyễn Anh Khoa	8	6,8	<	7,4	K
34	13145124	Nguyễn Trọng Nghĩa	7	6,8	<	6,9	TB
35	13145171	Nguyễn Thị Kim Phụng	8,5	7,3	<	7,9	K

36	13145194	Nguyễn Minh Thành	7,5	7,8	>	7,7	K	
37	13145235	Trần Quốc Thịnh	8	6,8	<	7,4	K	
38	13145256	Nguyễn Duy Tín	6,5	6,8	>	6,7	TB	
39	13145275	Nguyễn Phạm Hữu Tín	Không tính					
40	13145276	Lưu Phước Toàn	8,5	8,8	>	8,7	G	
41	13145279	Hoàng Văn Ba	9	7,5	<	8,3	G	
Tổng: SV = 38 Tổng điểm quá trình: 285,9 Tổng điểm cuối kỳ: 257,2 Điểm trung bình quá trình: ĐTBQT = 7,52 Điểm trung bình cuối kỳ: ĐTBCK = 6,64			Tổng =: 3 <: 27 >: 8	Tổng 7,89% 71,07% 21,04%	Tổng: G: 6 K: 16 TB: 15 Y: 1	Tổng: 15,98% 42,10% 39,40% 2,62%		

Bảng 3.4. Mô tả, so sánh kết quả điểm thi quá trình và thi cuối kỳ ở lớp thực nghiệm

Số TT	Mã số SV	Họ và tên SV	Điểm thi			Điểm tổng kết	
			QT	Cuối kỳ	So sánh ĐQT & CK	Tính theo điểm 10	Xếp loại
NHÓM 01 (34SV)							
01	05110027	Danh Quốc Dũng	2	5	>	3,5	Y
02	06102224	Danh Minh Đức	7,1	6	<	6,6	TB
03	06105029	Nguyễn Văn Đông	6,4	5,5	<	6	TB
04	10901032	Nguyễn Bảo Duy	6,3	8,5	>	7,4	K
05	10903032	Vũ Trung Kiên	5	7,8	>	6,4	TB
06	10911025	Trần Chí Hiếu	2	0		1	Không tính
07	10917005	Lê Điền Minh Trí	0	0		0	Không tính
08	12110042	Nguyễn Thái Hà	8	8	=	8	G
09	12145067	Nguyễn Minh Hoàng	6,3	6,8	>	6,6	TB
10	12146041	Hồ Thành Đình	8,4	8,5	>	8,5	G
11	12950013	Nguyễn Thị Bảo Dung	8	7	<	7,5	K
12	12950016	Trịnh Tiến Đạt	6,6	6,8	>	6,7	TB
13	12950020	Ngô Thị Thu Hà	8,4	6	<	7,2	K
14	12950022	Đỗ Thị Hạnh	7,8	7,5	<	7,7	K
15	12950029	Lê Thị Mỹ Huệ	0	0		0	Không

							tính
16	12950032	Đinh Thị Mỹ Huyền	8,3	8,8	>	8,6	G
17	12950034	Trương Thị Hương Huyền	7,7	7	<	7,4	K
18	12950038	Võ Thị Lâm	8,2	7	<	7,6	K
19	12950052	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	7,7	7	<	7,4	K
20	12950060	Phù Nguyễn Trường Phước	7,3	7,3	=	7,3	K
21	12950064	Võ Văn Quang	8,1	8,5	>	8,3	G
22	12950093	Ngô Quang Trí	6,3	7,8	>	7,1	K
23	13110004	Thạch Thanh Bình	8	6,5	<	7,3	K
24	13110037	Tsần Thị Thu Hà	7	6,8	<	6,9	TB
25	13110046	Đoàn Thị Kim Hằng	7,4	8,3	>	7,9	K
26	13110051	Bùi Tấn Hiền	7,5	8	>	7,8	K
27	13110111	Tạ Văn Ngọc	7,2	6,3	<	6,8	TB
28	13110197	Phạm Ngọc Hoàng Vinh	7,8	6,3	<	7,1	K
29	13110259	Từ Thị Xuân Hồng	8	8	=	8	G
30	13145001	Nguyễn Vạn An	7,3	8,3	>	7,8	K
31	13145008	Nguyễn Hoàng Anh	8,6	6	<	7,3	K
32	13145046	Nguyễn Duy Cường	7,5	6	<	6,8	TB
33	13145100	Ngô Xuân Hùng	7,1	8,8	>	8	G
34	13145213	Trần Văn Quý	7,1	6,5	<	6,8	TB
35	13145336	Nguyễn Thành Vực	7,1	6	<	6,6	TB
36	13147006	Võ Đại Cương	7,8	6	<	6,9	TB
37	13147033	Nguyễn Thị Bích Liên	7,4	5	<	6,2	TB
<p>Tổng: SV = 34 Tổng điểm quá trình: 247,2 Tổng điểm cuối kỳ: 238,6 Điểm trung bình quá trình: ĐTBQT = 7,27 Điểm trung bình cuối kỳ: ĐTBCK = 7,01</p>							
NHÓM 02 (33SV)							
38	10903052	Đàm Xuân Quang	Không tính				
39	10914057	Lê Quang Kiên	2	0		1	Không tính
40	11942014	Trần Kinh Kỳ	7	7	=	7	K
41	11949022	Nguyễn Văn Lâm	2,8	4,5	>	3,7	Y

42	12147016	Huỳnh Đăng Khoa	7,4	6,3	<	6,9	TB	
43	12149008	Trịnh Thanh Bình	8	6	<	7	K	
44	12149088	Võ Hữu Nhất	2,5	0		1,3	Không tính	
45	12950002	Nguyễn Hoàng Lan Anh	0	0		0	Không tính	
46	12950008	Nguyễn Minh Châu	6,8	3	<	4,9	Y	
47	12950021	Nguyễn Thanh Hà	7,2	7	<	7,1	K	
48	12950041	Lê Nguyễn Thùy Linh	6,8	7,3	>	7,1	K	
49	12950043	Ngô Thị Linh	9,1	7,3	<	8,2	G	
50	12950046	Trương Thị Mỹ Ly	6,7	8	>	7,4	K	
51	12950047	Lê Thị Huyền Mi	8,6	9,5	>	9,1	XS	
52	12950048	Nguyễn Phan Trà Mi	8,3	7,8	<	8,1	G	
53	12950057	Bùi Ngọc Quỳnh Nhi	8	7,8	<	7,9	K	
54	12950070	Đặng Ngọc Thanh	8	7,5	<	7,8	K	
55	12950071	Phạm Hoàng Thiên Thanh	8,5	8	<	8,3	G	
56	12950074	Phạm Nguyễn Trang Thảo	7,6	4,5	<	6,1	TB	
57	12950075	Nguyễn Thị Hồng Thắm	8,4	7,5	<	8	G	
58	12950076	Võ Khánh Thi	8,5	8,8	>	8,7	G	
59	12950077	Nguyễn Viết Duy Thông	7,2	7,5	>	7,4	K	
60	12950082	Nguyễn Hữu Anh Thư	7,7	8,5	>	8,1	G	
61	12950084	Hồ Hải Thượng	Không tính					
62	12950086	Nguyễn Đặng Minh Trang	8,9	6,5	<	7,7	K	
63	12950087	Nguyễn Phúc Thiên Trang	7,6	8	>	7,8	K	
64	12950089	Nguyễn Thùy Trang	7,6	6,8	<	7,2	K	
65	12950090	Võ Thị Kim Trang	7,8	8	>	7,9	K	
66	13104009	Lâm Hồng Dũng	9,2	8,3	<	8,8	G	
67	13104021	Lâm Xuân Hòa	7,4	5,5	<	6,5	TB	
68	13104035	Phạm Bá Phúc Lộc	7,4	8,8	>	8,1	G	
69	13104051	Nguyễn Công Thành	7,2	7	<	7,1	K	
70	13110139	Bùi Thế Tài	5,3	6,5	>	5,9	TB	
71	13110147	Trần Minh Tây	8,6	6,5	<	7,6	K	

72	13110164	Nguyễn Trung Thuật	8,9	8,3	<	8,6	G
73	13110195	Phan Quốc Việt	8,3	7,8	<	8,1	G
74	13145261	Nguyễn Văn Thông	7,8	6,3	<	7,1	K
75	13145499	Thạch Mạc Ly	6,7	6,8	>	6,8	TB
<p>Tổng: SV = 33 Tổng điểm quá trình: 251,3 Tổng điểm cuối kỳ: 234,9 Điểm trung bình quá trình: ĐTBQT = 7,6 Điểm trung bình cuối kỳ: ĐTBCK = 7,42</p>							
NHÓM 03 (50SV)							
76	09120037	Trần Thị Minh Hương	7,6	8	>	7,8	K
77	09902230	Lý Minh Tuấn	6,4	6	<	6,2	TB
78	10902025	Đỗ Quang Huy	0	0		0	Không tính
79	10903004	Trần Văn Khánh	1	0		0,5	Không tính
80	10903028	Đoàn Quang Hưng	6,2	5,3	<	5,8	TB
81	10903084	Đỗ Đình Hoàng	7,5	7,5	=	7,5	K
82	11904044	Lê Thành Nam	6,6	7,5	>	7,1	K
83	11942016	Nguyễn Hoàng Lâm	7,8	6,8	<	7,3	K
84	12143013	Trần Hữu Có	7,1	6	<	6,6	TB
85	12146035	Đinh Tiến Đạt	7,5	4,5	<	6	TB
86	12146046	Phan Văn Đước	7,8	5,5	<	6,7	TB
87	12146047	Lâm Hoàng Giang	7,3	7,5	>	7,4	K
88	12146093	Lương Thanh Liêm	7,3	6,8	<	7,1	K
89	12146125	Đỗ Phúc Nguyên	6,8	5,8	<	6,3	TB
90	12146156	Nguyễn Trọng Sơn	8,2	5	<	6,6	TB
91	12146173	Nguyễn Hữu Thao	6,8	6	<	6,4	TB
92	12146183	Võ Văn Minh Thiện	6,3	7	>	6,7	TB
93	12146232	Phạm Quốc Vinh	7,7	8,5	>	8,1	G
94	12147039	Nguyễn Thành Thọ	8,3	7,3	<	7,8	K
95	12147187	Huỳnh Trọng Khánh	8,2	8,3	>	8,3	G
96	12147196	Lư Chiêu Linh	8,5	7	<	7,8	K
97	12950014	Vương Thị Thùy Dung	7,7	5	<	6,4	TB
98	12950015	Trần Thị Mỹ Duyên	7,9	5	<	6,5	TB
99	12950017	Võ Thị Gái	8,4	7,5	<	8	G

100	12950018	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	8	8	=	8	G	
101	12950026	Nguyễn Thị Minh Hiếu	7,3	6,3	<	6,8	TB	
102	12950031	Phan Nguyễn Quang Huy	5,7	6,5	>	6,1	TB	
103	12950037	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	7,8	5,5	<	6,7	TB	
104	12950039	Bùi Khánh Linh	7,7	8,5	>	8,1	G	
105	12950040	Lê Hoài Mỹ Linh	9,2	7,5	<	8,4	G	
106	12950044	Nguyễn Khánh Linh	8,4	5,3	<	6,9	TB	
107	12950045	Phạm Minh Long	Không tính					
108	12950050	Nguyễn Tố Lê Thanh Nga	8	8	=	8	G	
109	12950066	Đông Thị Trúc Quyên	7,8	6,8	<	7,3	K	
110	12950069	Lê Minh Sơn	7,4	5	<	6,2	TB	
111	12950088	Nguyễn Thị Trang	8,1	8,5	>	8,3	G	
112	12950094	Huỳnh Lê Diễm Trinh	7,4	8	>	7,7	K	
113	12950095	Luân Đoàn Phương Trinh	7,2	7,5	>	7,4	K	
114	12950096	Mai Đào Thanh Trúc	7,2	7,5	>	7,4	K	
115	12950098	Dương Nguyễn Phương Uyên	8	9,5	>	8,8	G	
116	12950103	Lê Thị Hồng Xuyên	8,4	7,5	<	8	G	
117	13104006	Đỗ Quang Cường	8,6	6	<	7,3	K	
118	13104007	Lê Nguyễn Hoàng Diệu	0	0		0	Không tính	
119	13104008	Phạm Hoàng Diệu	7,6	7	<	7,3	K	
120	13104010	Nguyễn Ngọc Duy	8,5	8	<	8,3	G	
121	13104036	Nguyễn Thị My Ly	8,6	7	<	7,8	K	
122	13104060	Ngô Thanh Tiên	7,6	6,5	<	7,1	K	
123	13104064	Nguyễn Đức Toàn	7,6	6,5	<	7,1	K	
124	13104074	Nguyễn Minh Tuấn	7,5	6	<	6,8	TB	
125	13104076	Nguyễn Tấn Tùng	7,7	5	<	6,4	TB	
126	13110113	Nguyễn Văn Nhân	6,9	6,5	<	6,7	TB	
127	13141311	Nguyễn Công Thành	6,9	8	>	7,5	K	
128	13142196	Lâm Thái Nguyên	7,2	8,8	>	8	G	
129	13143330	Hoàng Văn Thế	0	0		0	Không tính	

130	13145330	Huỳnh Ngọc Vũ	7,6	7,5	<	7,6	K	
Tổng: SV = 50 Tổng điểm quá trình: 379,8 Tổng điểm cuối kỳ: 3425 Điểm trung bình quá trình: ĐTBQT = 7,59 Điểm trung bình cuối kỳ: ĐTBCK = 6,85								
NHÓM 04 (31SV)								
131	13149054	Đặng Huy Hoàng	8,1	8,5	>	8,3	G	
132	13950008	Hà Tiến Thùy Anh	8,2	6,8	<	7,5	K	
133	13950045	Nguyễn Hồng Linh	8,8	8,5	<	8,7	G	
134	06105068	Phạm Văn Long	6,5	5,5	<	6	TB	
135	10903009	Bùi Công Toàn	8,1	8	<	8,1	G	
136	10917013	Ngô Long Huy	7	6,8	<	6,9	TB	
137	11911006	Nguyễn Văn Hải	1	7	>	4	Y	
138	11911016	Lương Ngọc Phúc	1	0		0,5	Không tính	
139	11943001	Trịnh Công Chánh	Không tính					
140	11943003	Đỗ Ngọc Chương	7,5	7	<	7,3	K	
141	12110052	Nguyễn Hiệp	7,4	8	>	7,7	K	
142	12147045	Trần Huấn Toàn	8,2	9	>	8,6	G	
143	12147154	Nguyễn Thành Đạt	8	7,8	<	7,9	K	
144	12147191	Nguyễn Như Khuê	8,2	9,3	>	8,8	G	
145	12147199	Nguyễn Thành Long	7,1	7	<	7,1	K	
146	12147222	Lê Văn Nhựt	6,9	5	<	6	TB	
147	12147254	Nguyễn Mỹ Tho	7,5	7	<	7,3	K	
148	12950081	Đoàn Thị Thanh Thúy	7,2	7,5	>	7,4	K	
149	13142059	Võ Thành Đạt	7,8	7,5	<	7,7	K	
150	13143016	Hồ Văn Bắc	7,6	3,5	<	5,6	TB	
151	13143038	Nguyễn Việt Cường	8,6	6,5	<	7,6	K	
152	13143102	Mai Tấn Hậu	6,6	5,3	<	6	TB	
153	13143121	Nguyễn Văn Thành Hiếu	6,2	6,5	>	6,4	TB	
154	13143137	Bùi Phi Hùng	7,1	7	<	7,1	K	
155	13143172	Bùi Đăng Châu Kiếm	8	8,8	>	8,4	G	
156	13143256	Nguyễn Hồng Phúc	7,8	8	>	7,9	K	
157	13143353	Trần Duy Tin	6,5	8,3	>	7,4	K	
158	13143364	Nguyễn Văn Toàn	7,1	7	<	7,1	K	

159	13143381	Huỳnh Hoàng Tú	0	0		0	Không tính
160	13143398	Lê Đình Văn	6,2	7,8	>	7	K
161	13143406	Thạch Phú Vinh	9	9	=	9	XS
162	13145039	Vũ Bá Công	8,1	7	<	7,6	K
163	13145310	Lê Thanh Tú	7,8	7,8	=	7,8	K
164	13147084	Lâm Văn Vũ	8,3	8,8	>	8,6	G
Tổng: SV = 31 Tổng điểm quá trình: 228,4 Tổng điểm cuối kỳ: 227,5 Điểm trung bình quá trình: ĐTBQT = 7,37 Điểm trung bình cuối kỳ: ĐTBCK = 7,33							
KẾT QUẢ CHUNG CỦA 4 NHÓM THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM							
Tổng: SV= 148 Điểm tổng quá trình: 1106,7 Điểm tổng cuối kỳ: 1051,1 Điểm trung bình quá trình: ĐTBQT = 7,47 Điểm trung bình cuối kỳ: ĐTBCK = 7,10.			Tổng	Tổng		Tổng	Tổng
			=: 9	6,07%		XS: 2	1,45%
			<: 87	35,13%		G: 35	23,49%
			>: 52	58,80%		K: 65	43,91%
						TB: 42	24,36%
						Y: 4	2,79%

Từ kết quả trong 2 bảng này cho thấy, các nhóm sinh viên học theo các kỹ thuật dạy học tích cực có kết quả điểm quá trình và điểm thi thì xu hướng điểm thi cao hơn điểm quá trình của nhóm thực nghiệm cao hơn rất nhiều so với nhóm đối chứng: tỷ lệ sinh viên nhóm thực nghiệm có điểm thi cao hơn điểm quá trình là 58,80%, trong khi nhóm đối chứng chỉ có tỷ lệ là 21,04%. Bên cạnh đó, điểm trung bình quá trình của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm là tương đương nhau: $\overline{X_{QTD}} = 7,52$ và $\overline{X_{QTN}} = 7,47$ nhưng điểm trung bình tổng kết của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm có sự khác biệt rất xa: $\overline{X_{TKD}} = 6,64$ và $\overline{X_{TKTN}} = 7,10$. Điều này cần xem xét lại về việc kiểm tra và đánh giá cho điểm quá trình của nhóm đối chứng, đồng thời có thể kết luận kết quả học tập của sinh viên khi vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực tăng, mặc dù số điểm trung bình của lần thi cuối kì có giảm, nhưng sinh viên thuộc nhóm thực nghiệm vẫn đạt điểm trung bình ở điểm khá, trong khi nhóm đối chứng chỉ đạt điểm trung bình khá. So sánh các số liệu, cho thấy điểm dưới trung bình của nhóm thực nghiệm cao hơn nhưng không đáng kể (nhóm thực nghiệm là 2,79% và nhóm đối chứng là 2,62%) nhưng nhóm đối chứng không có sinh viên đạt điểm 9 trở lên; nhóm thực nghiệm có 67,40% điểm từ 7 đến 8,5 cao hơn so với nhóm đối chứng là 58,08%.

Qua đánh giá định lượng có thể kết luận rằng, vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực, kết quả học tập của sinh viên cao. Điều này chứng tỏ vận dụng các kỹ thuật dạy học theo quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực khả thi và có hiệu quả.

Để đánh giá hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên một cách khách quan cần dựa trên phiếu đánh giá bài dạy của giáo viên dự giờ, cụ thể là của trợ giảng là người tham gia với các lớp trong các buổi thực nghiệm. Kết quả đánh giá thể hiện trong phụ lục 3. Sau đây là những nhận định dựa trên số liệu ghi nhận của trợ giảng Thái Thị Tuyết Mơ:

🚩 Nhóm 01, sĩ số: 38, số SV tham gia thi cuối kỳ: 34

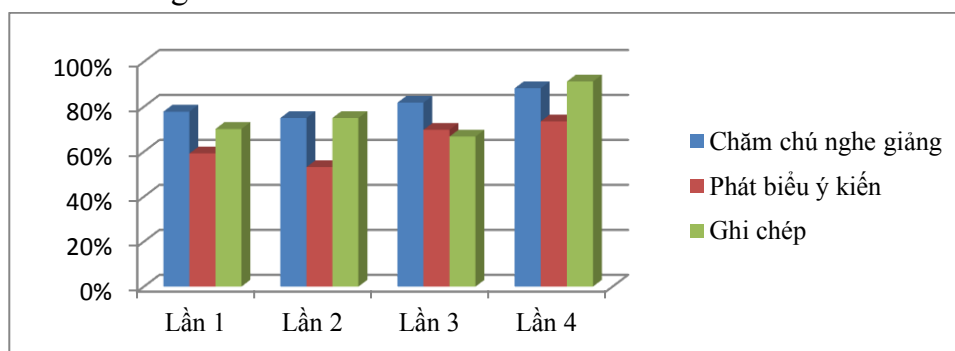
Dưới đây là tóm lược những biểu hiện hoạt động của sinh viên nhóm thể hiện về sự chuyên cần, tập trung và tích cực trong học tập.

Bảng 3. 5. Những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 01 qua 4 buổi (lần) học thực nghiệm

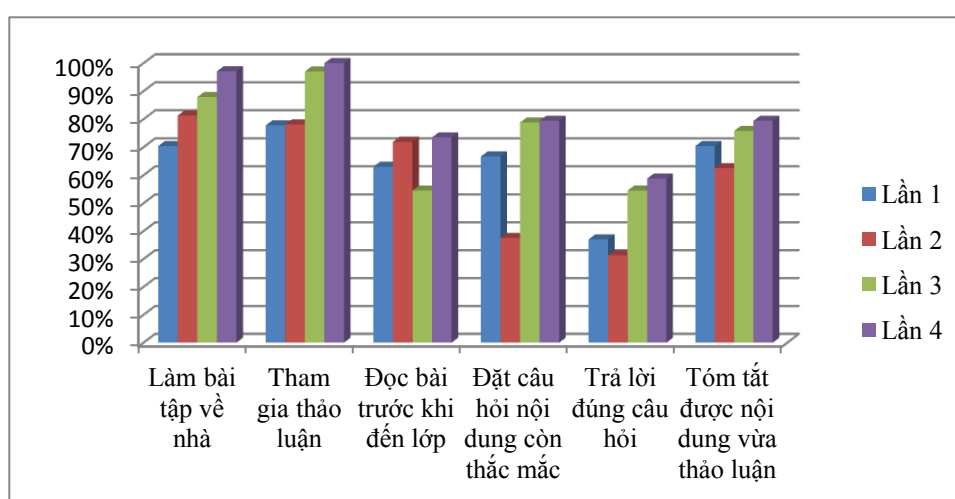
Những biểu hiện		Lần 1 (Tuần 3) Sĩ số:27		Lần 2 (Tuần 4) Sĩ số:32		Lần 3 (Tuần 10) Sĩ số: 33		Lần 4 (Tuần 11) Sĩ số: 34		
		Có	%	có	%	Có	%	có	%	
Chuyên cần	Đi muộn	5	18,5	4	12,5	0	0	0	0	
Tập trung	Chăm chú nghe giảng	21	77,8	24	75,0	27	81,8	30	88,2	
	Phát biểu ý kiến	16	59,2	17	53,1	23	69,7	25	73,5	
	Ghi chép	20	70,1	24	75,0	22	66,7	31	91,2	
Ít tập trung	Ra vào lớp trong giờ học	5	18,5	4	12,5	2	6,1	2	5,9	
	Nói chuyện riêng	6	22,2	6	18,8	4	12,1	2	5,9	
	Làm việc riêng trong lớp	20	74,1	3	9,8	6	18,2	2	5,9	
Tích cực	Bắt chước	Làm bài tập về nhà	19	70,4	26	81,3	29	87,9	33	97,1
		Tham gia thảo luận	21	77,8	25	78,1	32	97,0	34	100
		Đọc bài trước khi đến lớp	17	63,0	23	71,9	18	54,5	25	73,5
	Tìm tòi	Đặt câu hỏi nội dung còn thắc mắc	18	66,7	12	37,5	26	78,8	27	79,4
		Trả lời đúng câu hỏi	10	37,0	10	31,3	18	54,5	20	58,8
	Sáng tạo	Tóm tắt được nội dung vừa thảo luận	19	70,4	20	62,5	25	75,8	27	79,4

Từ số liệu chỉ ra trong bảng 3.5 cho thấy, SV đi học ngày một đông hơn và số SV đi học muộn giảm, không còn đi học trễ ở lần 3 và 4. Ngoại trừ lần thực nghiệm thứ 2, thì

mức độ tập trung, tính tích cực của SV trong thực nghiệm có khuynh hướng lần sau tăng hơn lần trước như trong hình 3.1.và hình 3.2.



Hình 3.1: Biểu đồ về sự tập trung của SV nhóm 01



Hình 3.2: Biểu đồ về tính tích cực của SV trong nhóm 01

🚩 Nhóm 02, sĩ số: , số SV tham gia thi cuối kỳ: 33

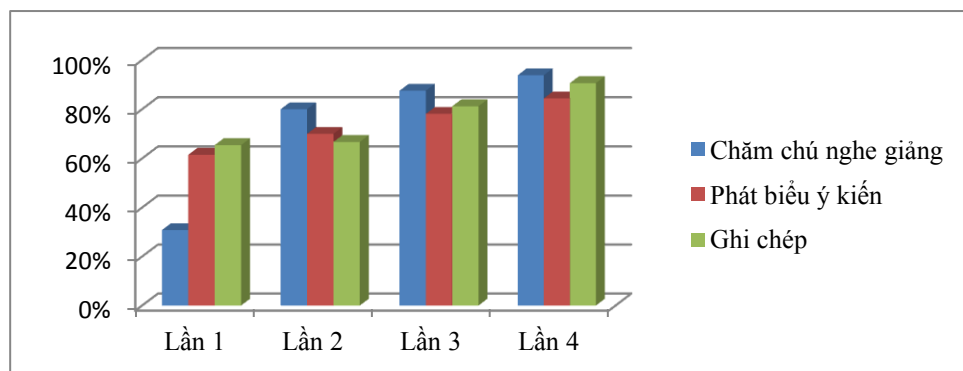
Từ các phiếu thu được ở phụ lục 3, những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 2 được khái lược qua bảng 3.6 .

Bảng 3.6. Những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 02 qua 4 buổi (lần) học thực nghiệm

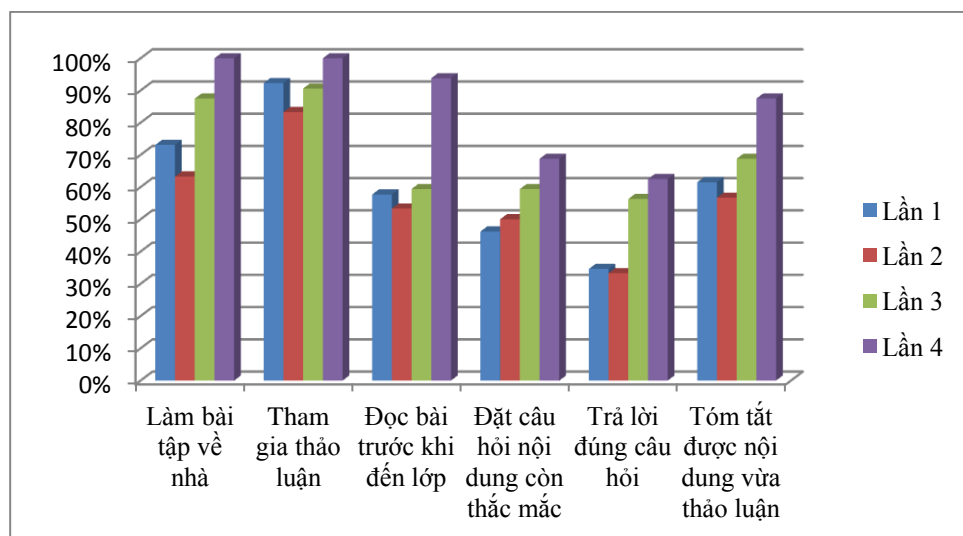
Những biểu hiện		Lần 1 (Tuần 3) Sĩ số: 26		Lần 2 (Tuần 4) Sĩ số: 30		Lần 3 (Tuần 10) Sĩ số:32		Lần 4 (Tuần 11) Sĩ số:32	
		có	%	có	%	có	%	có	%
Chuyên cần	Đi muộn	7	26,9	5	16,7	4	12,5	0	0
Tập trung	Chăm chú nghe giảng	8	30,8	24	80,0	28	87,5	30	93,8
	Phát biểu ý kiến	16	61,5	21	70,0	25	78,1	27	84,4
	Ghi chép	17	65,4	20	66,7	26	81,2	29	90,6
Ít tập trung	Ra vào lớp trong giờ	3	11,5	3	10,0	3	9,4	0	0

		học							
		Nói chuyện riêng	5	19,2	5	16,7	3	9,4	0
		Làm việc riêng trong lớp	20	76,9	7	23,3	4	12,5	6,3
Tích cực	Bắt chước	Làm bài tập về nhà	19	73,1	19	63,3	28	87,5	100
		Tham gia thảo luận	24	92,3	25	83,3	29	90,6	100
		Đọc bài trước khi đến lớp	15	57,7	16	53,3	19	59,4	93,8
	Tìm tòi	Đặt câu hỏi nội dung còn thắc mắc	12	46,2	15	50,0	19	59,4	68,8
		Trả lời đúng câu hỏi	9	34,6	10	33,3	18	56,3	62,5
	Sáng tạo	Tóm tắt được nội dung vừa thảo luận	16	61,5	17	56,7	22	68,8	87,5

Từ số liệu chỉ ra trong bảng 3.6. thể hiện rằng SV đi học ngày một đông hơn và số SV đi học muộn giảm, không còn đi học trễ ở lần 4. Mức độ tập trung và tính tích cực của SV trong thực nghiệm lần sau tăng hơn lần trước như mô tả trong hình 3.3 và hình 3.4 sau:



Hình 3.3: Biểu đồ về sự tập trung của SV nhóm 02



Hình 3.4: Biểu đồ về tính tích cực của SV trong nhóm 02

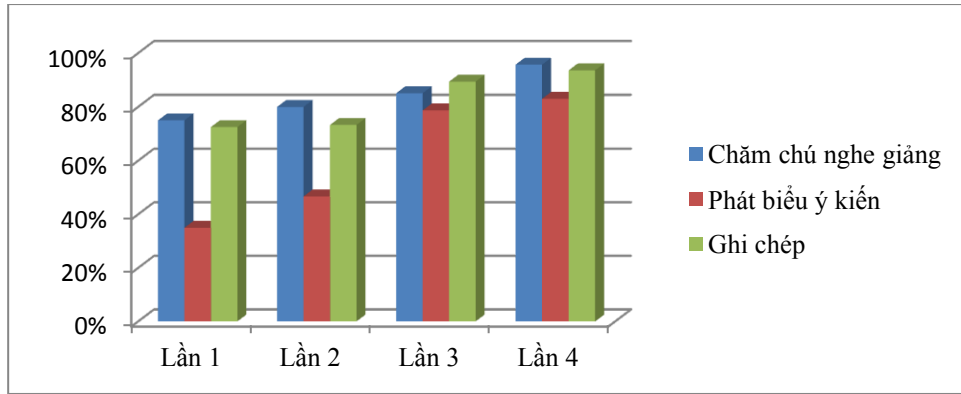
✚ **Nhóm 03, sĩ số: 58, số SV tham gia thi cuối kỳ: 50**

Mặc dù số lượng SV có đông hơn so với 3 nhóm khác, nhưng SV vẫn tham gia học tập khá đông đủ với 47 trong tổng số 50 ở 2 tuần 10 và 11. Bảng mô tả khái quát về sự chuyên cần, tập trung và tích cực của SV.

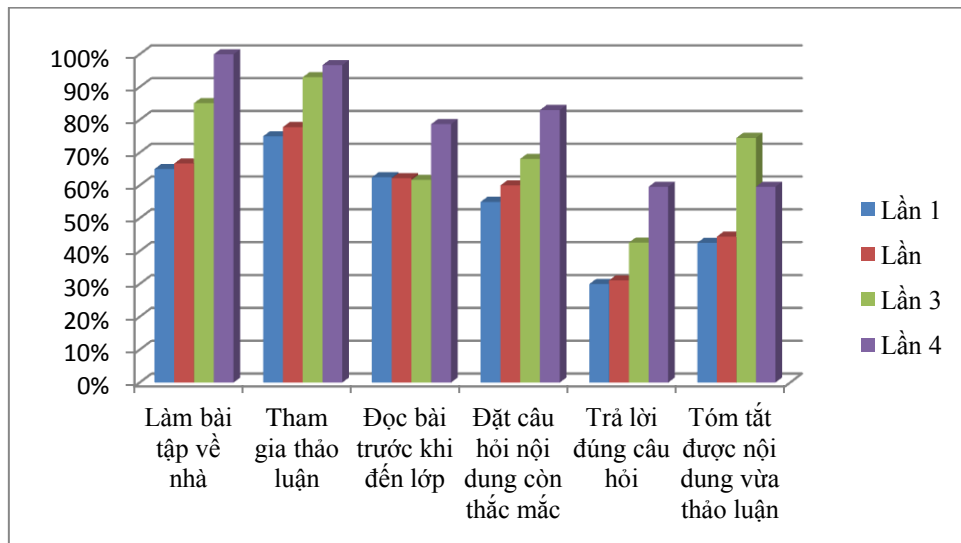
Bảng 3.7. Những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 03 qua 4 buổi (lần) học thực nghiệm

Những biểu hiện		Lần 1 (Tuần 3) Sĩ số: 40		Lần 2 (Tuần 4) Sĩ số: 45		Lần 3 (Tuần 10) Sĩ số: 47		Lần 4 (Tuần 11) Sĩ số: 47		
		có	%	có	%	có	%	có	%	
		Chuyên cần	Đi muộn	9	22,5	7	15,6	3	6,4	2
Tập trung	Chăm chú nghe giảng	30	75	36	80	40	85,1	45	95,7	
	Phát biểu ý kiến	14	35	21	46,7	37	78,7	39	83	
	Ghi chép	29	72,5	33	73,3	42	89,4	44	93,6	
Ít tập trung	Ra vào lớp trong giờ học	6	15	5	11,1	5	10,6	0	0	
	Nói chuyện riêng	9	22,5	7	15,6	6	12,8	3	6,4	
	Làm việc riêng trong lớp	10	25	9	20	8	17,0	4	8,5	
Tích cực	Bắt chước	Làm bài tập về nhà	26	65	30	66,7	40	85,1	47	100
		Tham gia thảo luận	30	75	35	77,8	44	93	45	96,7
		Đọc bài trước khi đến lớp	24	62,5	28	62,2	29	61,7	36	78,7
	Tìm tòi	Đặt câu hỏi nội dung còn thắc mắc	22	55	27	60	32	68,1	39	83
		Trả lời đúng câu hỏi	12	30	14	31,1	20	42,6	28	59,6
	Sáng tạo	Tóm tắt được nội dung vừa thảo luận	17	42,5	24	44,4	35	74,5	38	59,6

Kết quả đúc kết từ số liệu bảng 3.7 là SV đi học ngày một đông hơn và số SV đi học muộn giảm. Mức độ tập trung và tính tích cực của SV trong thực nghiệm lần sau tăng hơn lần trước. Hình 3.5 và 3.6 miêu tả cụ thể hơn về nhận định này.



Hình 3.5: Biểu đồ về sự tập trung của SV nhóm 03



Hình 3.6: Biểu đồ về tính tích cực của SV trong nhóm 03

✚ Nhóm 04, sĩ số: 32, số SV có trong danh sách thi cuối kỳ: 31

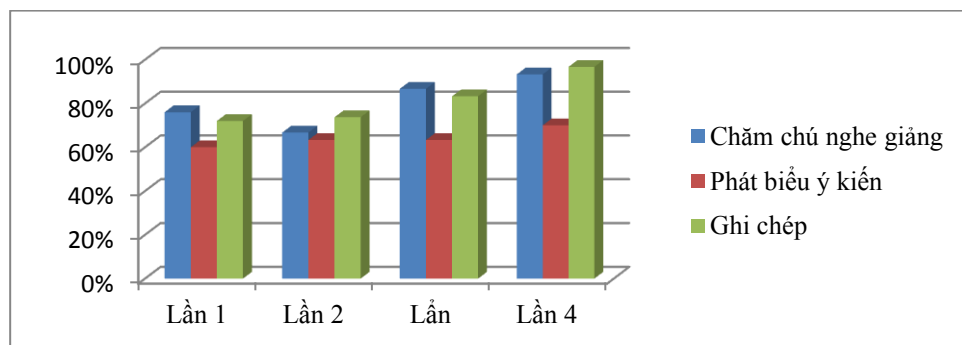
Là nhóm có điểm trung bình quá trình và điểm trung bình cuối kỳ gần như bằng nhau ($\overline{X_{QTD}} = 7,37$ và $\overline{X_{QTN}} = 7,33$), xong cũng có những biểu hiện và chuyên cần, sự tập trung và tính tích cực gần tương tự như nhóm 2 và 3. Điều này thể hiện rõ trong bảng 3.8.

Bảng 3. 8. Những biểu hiện hoạt động của SV nhóm 04 qua 4 buổi (lần) học thực nghiệm

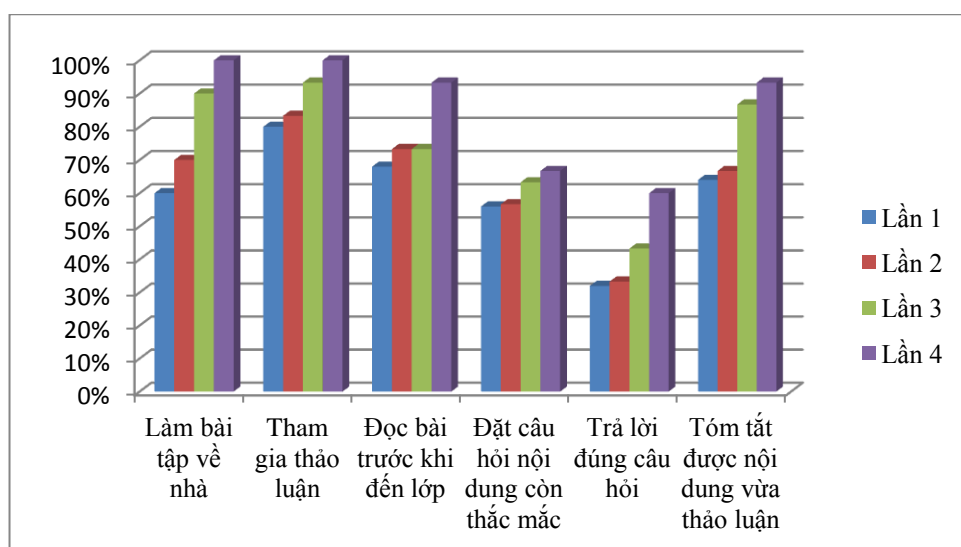
Những biểu hiện		Lần 1 (Tuần 3) Sĩ số: 25		Lần 2 (Tuần 4) Sĩ số: 30		Lần 3 (Tuần 10) Sĩ số:30		Lần 4 (Tuần 11) Sĩ số:30	
		có	%	có	%	Có	%	Có	%
Chuyên cần	Đi muộn	3	12	3	10	3	10	0	0
Tập trung	Chăm chú nghe giảng	19	76	20	66,7	26	86,7	28	93,3
	Phát biểu ý kiến	15	60	19	63,3	19	63,3	21	70
	Ghi chép	18	72	22	73,7	25	83,3	29	96,7

Ít tập trung	Ra vào lớp trong giờ học		2	8	2	6,7	2	6,7	0	0
	Nói chuyện riêng		6	24	5	16,7	6	20	1	3,3
	Làm việc riêng trong lớp		5	20	4	13,3	4	13,3	2	6,7
Tích cực	Bắt chước	Làm bài tập về nhà	15	60	21	70	27	90	30	100
		Tham gia thảo luận	20	80	25	83,3	28	93,3	30	100
		Đọc bài trước khi đến lớp	17	68	22	73,3	22	73,3	28	93,3
	Tìm tòi	Đặt câu hỏi nội dung còn thắc mắc	14	56	17	56,7	19	63,3	20	66,7
		Trả lời đúng câu hỏi	8	32	10	33,3	13	43,3	18	60
	Sáng tạo	Tóm tắt được nội dung vừa thảo luận	16	64	20	66,7	23	86,7	28	93,3

Bắt ngờ, kết quả như trong bảng 3.8 cho thấy SV tham gia học ngày một tăng về số lượng, đồng thời tăng cả về mức độ tập trung như hình lần tính tích cực như hình 3.7 và 3.8.



Hình 3.7: Biểu đồ về sự tập trung của SV nhóm 04



Hình 3.8: Biểu đồ về tính tích cực của SV trong nhóm 04

Qua 4 nhóm và 4 lần thực nghiệm sư phạm, có thể khẳng định rằng khi giáo viên vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực sinh viên thích thú trong giờ học, những biểu hiện làm việc riêng, nói chuyện, ra vào lớp trong giờ học được giảm nhiều. SV có sự chăm chú nghe giảng, tích cực ghi chép bài và tham gia phát biểu ý kiến ngày một nhiều trong các lần sau. Sinh viên tích cực trong học tập như tham gia các biểu hiện thể hiện sự bắt chước, tìm tòi cùng sáng tạo cũng tăng dần.

Từ ghi nhận của SV thông qua phiếu quan sát trong 04 nhóm thực nghiệm (phụ lục 4), đã chỉ ra:

- 60% SV đã xác định đúng các kỹ thuật và phương pháp dạy học được giáo viên sử dụng trong buổi giảng. Điều này cho thấy các em đã lĩnh hội được lí thuyết về 10 kỹ thuật dạy học tích cực, cũng như đã phân biệt được các kỹ thuật thuộc 5 phương pháp dạy học mà người nghiên cứu đã sử dụng.

- SV đã có những nhận xét về tình hình lớp học ở 4 tuần rằng các em còn lúng túng, bỡ ngỡ, chưa linh hoạt khi giáo viên vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực mới và SV tích cực, tập trung với các kỹ thuật đã được lặp lại. Điều này rất hiển nhiên và đã chứng tỏ rằng các em đã nỗ lực và tham gia cùng thực hiện các kỹ thuật dạy học tích cực.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua phân tích và xử lý kết quả khảo sát từ phía SV, kết quả điểm thi quá trình, điểm thi cuối kỳ và kết quả ghi nhận từ các Phiếu đánh giá bài dạy của trợ giảng và Phiếu quan sát của SV trong 4 lần thực nghiệm ở các tuần 3, 4 học ngay sau khi Tết và tuần 10, 11 cho thấy:

- Sau khi vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực đến tuần 6 thì **tính tích cực học tập chỉ ở mức trung bình**. Từ phân tích về 2 yếu tố ảnh hưởng chính đến việc vận dụng KTDHTC là động cơ học tập và tính tích cực của SV trong học môn LLDH như trên. Cho thấy đa số **sinh viên mới chỉ có động cơ học tập trong nhận thức**, xong trong thực tiễn các hoạt động thể hiện tính tích cực chưa bộc lộ động cơ học tập.

- Theo kết quả điểm thi quá trình và thi cuối kỳ của lớp đối chứng và lớp thực nghiệm trong 2 bảng 3.3. và 3.4 cho biết, các nhóm sinh viên học theo các kĩ thuật dạy học tích cực có kết quả điểm thi quá trình và điểm thi cuối kỳ có xu hướng điểm thi cuối kỳ cao hơn điểm thi quá trình của nhóm thực nghiệm và cao hơn rất nhiều so với nhóm đối chứng: tỷ lệ sinh viên nhóm thực nghiệm có điểm thi cuối kỳ cao hơn điểm quá trình là 58,80%, trong khi nhóm đối chứng chỉ có tỷ lệ là 21,04%. Bên cạnh đó, điểm trung bình thi quá trình của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm là tương đương nhau: $\overline{X_{QTB}} = 7,52$ và $\overline{X_{QTTN}} = 7,47$ nhưng điểm trung bình cuối kỳ của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm có sự khác biệt rất xa: $\overline{X_{TKD}} = 6,64$ và $\overline{X_{TKTN}} = 7,10$. Điều này có thể kết luận kết quả học tập của sinh viên khi vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực cao hơn. Đồng thời, theo đánh giá định lượng có thể kết luận rằng, vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực, kết quả học tập của sinh viên cao. Qua đó, chứng tỏ vận dụng các kĩ thuật dạy học theo quy trình tổ chức dạy học theo kĩ thuật dạy học tích cực khả thi và có hiệu quả.

- Sau 4 lần thực nghiệm sư phạm ở 4 nhóm, có thể khẳng định rằng khi giảng viên vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực sinh viên thích thú trong giờ học, những biểu hiện ít tập trung giảm nhiều. SV có sự chăm chú nghe giảng, tích cực ghi chép bài và tham gia phát biểu ý kiến ngày một nhiều trong các lần sau. Sinh viên tham gia các hoạt động học tập thể hiện qua các mức độ tích cực từ thấp đến cao: bắt chước, tìm tòi, sáng tạo cũng tăng dần. Việc vận dụng phối hợp kĩ thuật dạy học tích cực hợp lí cũng đóng góp một phần không nhỏ cho sự thành công này. Sau khi tổ chức giảng dạy môn Lí luận dạy học theo qui trình 4 giai đoạn theo 7 bước, người nghiên cứu nhận thấy rằng:

- + Giúp giáo viên định hướng hoạt động dạy và học rõ ràng và chính xác ngay từ khi lập kế hoạch giảng dạy cho từng buổi học.
- + Sinh viên đạt được mục tiêu, chuẩn đầu ra cũng như 4 năng lực về chuyên môn, phương pháp, xã hội và cá nhân, đồng thời họ thể hiện được tính tích cực trong học tập.

Như vậy giả thuyết nghiên cứu “Nếu vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực theo qui trình 4 giai đoạn thì sinh viên tích cực học tập và kết quả học tập của sinh viên ở môn Lí luận dạy học cao hơn” đã được chứng minh. Qua minh chứng đã có đầy đủ cơ sở để chấp nhận giả thuyết này.

Bên cạnh những thuận lợi khi tiến hành thực nghiệm sư phạm như: sĩ số các lớp/nhóm gần như tương đồng (ngoại trừ nhóm 3); có trợ giảng hỗ trợ và người nghiên cứu là giảng viên trực tiếp giảng dạy... Cũng còn có những khó khăn: một số sinh viên có quan niệm “học cho qua”, thể hiện rằng các em cố gắng đạt điểm thi quá trình rất cao (hơn 8 điểm) nhưng còn lơ là trong việc ôn thi nên có điểm khi thi cuối kỳ không tương xứng (hơn 6 điểm); Không phải SV cũng mong muốn mình trở thành chủ thể của quá trình dạy học: SV muốn giảng viên đưa ra thông tin hơn là phải tự thu thập thông tin dưới sự hướng dẫn của GV. ...

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực, cụ thể là GV và SV tác động, cách thức hành động trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học để phát huy tính tích cực ở người học là thiết thực đối với mỗi cấp học và bậc học. Đặc biệt càng có ý nghĩa trong đào tạo trình độ đại học. Vì thế, nhằm tìm câu trả lời cho các câu hỏi: Kỹ thuật dạy học tích cực là gì? Các kỹ thuật dạy học tích cực nào phù hợp trong dạy học môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM? Tổ chức vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực cho môn Lí luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM theo quy trình nào và cách tổ chức như thế nào được người nghiên cứu đặc biệt chú ý, quan tâm. Qua quá trình nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu được hoàn thành tốt và đem đến các kết quả trọng tâm là:

- **Thứ nhất**, hệ thống cơ sở lí luận về kỹ thuật dạy học tích cực như khái quát các nghiên cứu về kỹ thuật dạy học trong và ngoài nước; dịch từ tài liệu Tiếng Đức 10 kỹ thuật dạy học tích cực: Kỹ thuật mô phỏng từ các tình huống dạy và học, kỹ thuật tia chớp, kỹ thuật bảo chữa thần kỳ, kỹ thuật cấu trúc hóa hoạt động, kỹ thuật ngừng thuyết trình, kỹ thuật “ồ bi”, kỹ thuật tam giác, kỹ thuật trò chơi quyết định, kỹ thuật trò chơi đóng vai, kỹ thuật sơ đồ khái niệm; Xác định việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực môn Lí luận dạy học qua phối hợp của 10 kỹ thuật dạy học tích cực và quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực.
- **Thứ hai**, tổ chức dạy học môn Lí luận dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực với trình tự quy trình gồm 4 giai đoạn, giai đoạn 1: Lựa chọn kỹ thuật dạy học, trên cơ sở phân tích chương trình môn học theo trình tự: xuất phát từ mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, phương tiện dạy học. Kế tiếp là tìm hiểu GV và SV, sau cùng đã xác định được 10 kỹ thuật dạy học tích cực: **Kỹ thuật động não, kỹ thuật tia chớp, kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật sơ đồ khái niệm, sơ đồ tư duy, kỹ thuật “ồ bi”, kỹ thuật “bể cá”, kỹ thuật dừng thuyết trình, kỹ thuật đặt câu hỏi và kỹ thuật trò chơi đóng vai.** Ở giai đoạn 2: Lập kế hoạch giảng dạy, trong bước 4, người nghiên cứu đã soạn 6 phần “Tiến trình bài dạy” dùng cho 6 lần lên lớp nhằm định hướng kế hoạch giảng dạy của giảng viên theo 10 kỹ thuật dạy học tích cực đã xác định. Riêng trong giai đoạn 3: Thực hiện bài dạy theo kỹ thuật dạy học tích cực, gồm bước 6: Giảng dạy. Giai đoạn 4: Đánh giá bài dạy với bước cuối cùng là: Lấy ý kiến của giáo viên dự giờ và sinh viên tham gia chỉ mới chuẩn bị về lí thuyết, phần thực hiện thể hiện sau trong thực nghiệm sư phạm.
- **Thứ ba**, thực nghiệm sư phạm, dựa trên cơ sở đã tiến hành trong 2 giai đoạn 1 và 2, khi tiến hành thực nghiệm, người nghiên cứu đã giảng dạy thực sự theo đúng kế hoạch đã soạn trong 4 lần lên lớp. Bên cạnh đó, có sự chuẩn bị các công cụ đánh giá cho trợ giảng và SV thực hiện bước 7 trong quy trình tổ chức. Với cách làm

này đã thu được kết quả đáng khích lệ qua kết quả điểm thi quá trình và điểm thi cuối kỳ cao hơn nhóm đối chứng.

2. Tự đánh giá

Bên cạnh những kết quả trên, nếu có thêm các giảng viên tham dự đánh giá thì kết quả của đề tài sẽ có giá trị hơn.

3. Hướng phát triển của đề tài

Nhằm nhân rộng việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong các môn học đào tạo trình độ đại học và cao học. Người nghiên sẽ tiếp tục khảo sát về tình hình học tập ở các môn khác để có cơ sở vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực ở môn Xã hội học giáo dục, môn Lập kế hoạch dạy học...

Dựa trên 10 kỹ thuật dạy học tích cực được trình bày, nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu thêm các kỹ thuật dạy học tích cực khác và nghiên cứu nhằm vận dụng các kỹ thuật đó cho các môn học khác có nội dung phù hợp.

4. Khuyến nghị

Chất lượng đào tạo của một trường phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, phương pháp dạy học và được cụ thể qua kỹ thuật dạy học là một trong những yếu tố cần được coi trọng bậc nhất. Vì chính thông qua các tác động, cách thức hành động trong các tình huống hành động nhỏ của thầy và trò mà tạo cho SV có được động cơ học tập đúng đắn thú. Nhờ tạo được động cơ học tập này mà dần dần nội động cơ học tập được hình thành. Đây là tiền đề cho SV có hứng thú học tập và tính tích cực học tập. Để duy trì và tăng cao kết quả học tập cũng như tính tích cực học tập ở SV, đòi hỏi cần có sự chung tay góp sức từ nhà trường, giảng viên và sinh viên.

Đối với nhà trường

- Nhà trường nên khuyến khích các giảng viên tích cực vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như: Tạo điều kiện cho các giảng viên khác đến dự giờ, mời giảng viên báo cáo chia sẻ kinh nghiệm với các giảng viên trẻ.

- Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực về không gian, phương tiện âm thanh, mic không dây để tiện di chuyển trong lúc cần thiết, ...

Đối với giảng viên

- Thầy, cô giáo nên xác định rằng chỉ có thay đổi từng tác động, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ hay kỹ thuật dạy học mới thay đổi kết quả học tập của người học như mong đợi.

- Người thầy luôn tìm hiểu và vận dụng các kỹ thuật dạy học mới trong giảng dạy các môn do mình đảm trách.

- Thầy, cô giáo tạo điều kiện cho SV trở thành chủ thể của quá trình dạy học, nhằm phát huy tính tích cực, tự lực, chủ động và tư duy sáng tạo, tư duy hệ thống trong học tập.

Đối với sinh viên

- Sinh viên cần nhận thức theo quan điểm: học một hiểu mười hay một trăm, có nghĩa học một điều từ thầy để tự tìm tòi, sáng tạo thêm 10 hay 100 điều.
- Sinh viên tự mình tìm tòi và tích cực tham gia cùng GV khám phá và áp dụng các kĩ thuật dạy học tích cực trong từng tiết học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Diệp Phương Chi (2013), *Xây dựng giải pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học cho môn Lý luận dạy học, khoa Sư phạm kỹ thuật*, đề tài cấp trường, Trường Đại học sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh.
2. Diệp Phương Chi (2015), “Thực trạng sử dụng phương pháp dạy học trong môn Lý luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Tp. HCM* số 8(74).
3. Nguyễn Văn Cường và Bernd Meier (2012), *Lý luận dạy học hiện đại - Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học*, Potsdam - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Chính trị Quốc gia- Sự thật*, Hà Nội.
5. Võ Thị Ngọc Lan (2013), *Dạy học theo kỹ thuật dạy học tích cực môn Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh*, đề tài cấp trường, Trường Đại học sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
6. Võ Thị Ngọc Lan (2015), “Một số yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp dạy học tích cực đối với môn lý luận dạy học ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Tâm lý học xã hội*, số 5.
7. Luật Giáo dục (2005), NXB. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Diễm My và Lý Minh Tiên (2015), “Ứng dụng bản đồ tư duy trong dạy học học phần Tâm lý học đại cương cho sinh viên các khoa không chuyên ở Trường Đại học Sư phạm TP. HCM”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. HCM* số 3(68).
9. Bò Thị Hồng Thắm (2012), *Luận văn Thạc sĩ Tổ chức dạy học theo hướng tích cực hóa môn công nghệ 11 tại Trường THPT Bến Cát*, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM
10. Nguyễn Mai Thanh Thảo (2014), *Dạy học tích cực hóa môn Trang phục 2 tại Trường Đại học Công nghệ Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh*, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
11. Thủ tướng chính phủ, (2012), Quyết định phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”, số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012.
12. Vũ Hồng Tiến (2009), “Một số phương pháp dạy học tích cực” <http://www.donga.edu.vn/Baiviet/Dayhoc/tabid/466/cat/309/ArticleDetailId/1124/ArticleId/1122/Default.aspx>, download 3.2013
13. Nguyễn Văn Tuấn (2009), *Tài liệu bài giảng Lý luận dạy học*, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, TP.HCM.

TIẾNG ĐỨC

14. Josef, H. und andere (2000), *Besser Lehren – Praxisorientierte Anregungen und Hilfen für Lehrende in Hochschule und Weiterbildung, Heft 2 Methodensammlung*, Deutscher Studien Verlag, Weinheim.
15. Rohrbach, B. (1969), *Kreativ nach Regeln – Methode 635, eine neue Technik zum Lösen von Problemen*, Absatzwirtschaft 12, Heft 19.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC PHIẾU KHẢO SÁT

Chào các em!

Nhằm tìm hiểu những ảnh hưởng đến việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong môn LLDH còn hạn ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. Cô rất cần những thông tin từ các em. Những thông tin được các em cung cấp sẽ góp phần không nhỏ cho công việc nghiên cứu của cô. Xin cảm ơn!

Các em hãy đánh dấu X vào biết ý kiến đồng ý hay không đồng ý và các biểu hiện phù hợp trong 3 mức độ dưới đây.

1. Em có ý kiến như thế nào về những nhận định khi học môn Lí luận dạy học?

TT	Nhận định	Ý kiến của em		
		Đồng ý	Thần vãn	Không đồng ý
1	Học tốt môn này để làm hài lòng cha mẹ/ thầy cô			
2	Học tốt môn này để nhận được học bổng			
3	Học tốt môn này để nắm vững kiến thức cơ sở về sư phạm làm nền tảng cho việc học các môn SP sau			
4	Môn học này toàn lý thuyết, nhàm chán			
5	Học môn này chỉ học cho qua			
6	Môn học này là môn học phụ trong chuyên ngành đào tạo			
7	Chỉ đăng ký môn học theo lịch học của lớp			
8	Tìm hiểu về môn học trước khi đăng ký môn học này			
9	Đăng ký theo bạn cùng lớp			
10	Xem lại sổ tay sinh viên các môn đã học và chưa học trước khi đăng ký môn học này			
11	Tham gia học trên lớp chỉ mất thời gian			
12	Môn học này chỉ cần chăm chỉ học tại nhà			
13	Phong cách và những thức hành động nhỏ của GV và SV trong các tình huống hành động nhỏ (KTDH) tạo hứng thú cho SV.			
14	Tham gia học trên lớp không chỉ tiếp thu kiến thức môn LLDH mà còn tích lũy kinh nghiệm vận dụng KNDH			

2. Em cho biết những biểu hiện của mình trong khi học môn Lí luận dạy học theo các mức độ sau:

TT	Các biểu hiện	Các mức độ*				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Không bao giờ
1	Ôn lại và làm bài tập theo GV hay bạn đã làm					
2	Tham gia thảo luận trong nhóm, trình bày toàn bộ kiến thức có trong tài liệu					
3	Tham gia thảo luận trong nhóm, trình bày tóm lược/hệ thống kiến thức có trong tài liệu					
4	Tham gia thảo luận trong nhóm, lập luận và đưa ví dụ minh họa					
5	Đọc tài liệu hay thu thập theo yêu cầu của GV					
6	Tự giải quyết vấn đề theo cách riêng của mình					
7	Đọc thêm các tài liệu hay thông tin liên quan đến môn LLDH					
8	Trao đổi thông tin với giáo viên trong và ngoài giờ học hay học hỏi kinh nghiệm của bạn bè					
9	Quan sát hoạt động dạy của GV trong thực tiễn dạy học					
10	Nghi ngờ kiến thức đến từ thầy cô, sách, giáo trình...					
11	Sàng lọc những thông tin và tranh luận đối với các thông tin đã được nhiều bạn đồng ý					
12	Tự đặt câu hỏi vì sao...? Tạo sao...?... và tìm câu trả lời					

13	Không chấp nhận kiến thức khi chưa tìm hiểu và có chứng cứ rõ ràng					
14	Thiết kế bài thuyết trình cá nhân hay nhóm theo cách lập luận riêng					

*** Rất thường xuyên: lúc nào cũng thực hiện; thường xuyên: Thực hiện nhiều hiện không thực hiện; thỉnh thoảng: Không thực hiện chiếm phần lớn; ít thực hiện: có một vài lần thực hiện**

Để các em và cô cùng chia sẻ thông tin trong học tập, em có thể vui lòng cho biết những thông tin sau:

- Họ và tên:
- Nhóm/lớp:

Xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC 2: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN LÝ LUẬN DẠY HỌC

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
Trường ĐH SPKT. TP.HCM
VIỆN SPKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngành đào tạo: Sư phạm Kỹ thuật

Trình độ đào tạo: Đại học

Chương trình đào tạo: Sư phạm Kỹ thuật

Đề cương chi tiết học phần

1. **Tên học phần:** LÝ LUẬN DẠY HỌC **Mã HP:** DIDA 220190
DIDA 220190 – Lý luận dạy học – 2(2:0:4)

2. **Tên Tiếng Anh:** DIDACTICS

3. **Số tín chỉ:** 02, phân bố thời gian: (học kỳ 15 tuần) - 2(2:0:4)

4. **Các giảng viên phụ trách học phần**

1/ GV phụ trách chính: PGS. TS. Võ Thị Ngọc Lan

2/ Danh sách giảng viên cùng GD:

- PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn
- TS. Phan Long
- PGS. TS. Võ Thị Xuân
- ThS. Diệp Phương Chi
- ThS. Võ Đình Dương
- ThS. Đặng Thị Diệu Hiền
- ThS. Nguyễn Minh Khánh
- ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang

5. **Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học trước: Tâm lý học; Giáo dục học.

Môn học tiên quyết: Giáo dục học

6. **Mô tả tóm tắt học phần (Course Description)**

Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học như là quá trình dạy học, mục tiêu & nội dung dạy học, các vấn đề về phương pháp, phương tiện & kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học. Đây cũng là học phần nền tảng để giúp sinh viên có được kiến thức sư phạm và hình thành kỹ năng giảng dạy một cách vững chắc.

7. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) <i>(sau học phần này sinh viên có khả năng:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT
G1	Có kiến thức về lý luận dạy học như: quá trình dạy học, mục tiêu và nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, và phương pháp kiểm tra đánh giá	1.2; 1.3
G2	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tư duy hệ thống các vấn đề liên quan đến dạy học như: sơ đồ các thành tố cấu trúc quá trình dạy học, phân loại phương pháp dạy học, phương tiện, phương pháp kiểm tra đánh giá - Có thái độ làm việc tích cực, lòng yêu nghề 	2.1; 2.3; 2.4; 2.5
G3	Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp	3.1; 3.2
G4	Thiết lập được mục tiêu dạy học	4.2

8. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)</i>	Chuẩn đầu ra CDIO
G1	G1.1 Trình bày và giải thích được quá trình dạy học, nhiệm vụ dạy học, và nguyên tắc dạy học	1.2.2
	G1.2 Giải thích được chức năng, tính chất, cơ sở lựa chọn, nguyên tắc sử dụng, và các mức độ trực quan của PTDH	1.2.4
	G1.3 Trình bày được khái niệm, ưu nhược điểm, cách vận dụng của các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học	1.3.1
	G1.4 Định nghĩa nội dung dạy học; thành phần của nội dung và cơ sở lựa chọn	1.3.3
	G1.5 Trình bày và giải thích các tiêu chuẩn của bài kiểm tra, các nguyên tắc đánh giá và các phương pháp kiểm tra.	1.3.4

G2	G2.1	Phân tích và giải thích sơ đồ thành tố cấu trúc quá trình dạy học	2.1.3
	G2.2	Trình bày được các khâu của quá trình dạy học	2.3.1
	G2.3	Phân loại được mục tiêu DH, phương pháp DH, phương tiện DH, phương pháp kiểm tra đánh giá	2.3.3
	G2.4	Xác định các mức độ mục tiêu dạy học	2.3.3
	G2.5	Có tinh thần cầu tiến và trách nhiệm trong công việc, phát triển tình cảm yêu nghề GV	2.4.4; 2.5.1
G3	G3.1	Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả	3.1.1; 3.1.2; 3.1.3
	G3.2	Có khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng	3.2.4
G4	G4.1	Xác định được mục tiêu dạy học	4.2.1

9. Tài liệu học tập

– Giáo trình chính:

Nguyễn Văn Tuấn (chủ biên), *Lý luận dạy học*, Giáo trình Viện SPKT, Trường ĐH.SPKT.Tp Hồ Chí Minh.

– Tài liệu tham khảo:

1. PGS. TS. Nguyễn Văn Hộ (2002), *Lý luận dạy học*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
2. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB. Đại học Sư phạm. Tp.HCM.
3. Nguyễn Văn Tuấn (chủ biên) (2007), *Giáo trình Phương pháp giảng dạy*, Trường ĐH SPKT Tp.HCM.
4. Dương Thiệu Tống (2005), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập*, NXB. Khoa học xã hội, Tp.HCM.

10. Đánh giá sinh viên:

- Thang điểm: **10**

- Kế hoạch kiểm tra như sau:

- ❖ Kiểm tra quá trình tỷ lệ 50%
- ❖ Kiểm tra cuối kỳ tỷ lệ 50%

Hình thức KT quá trình	Nội dung	Thời điểm	Công cụ KT	Chuẩn đầu ra KT	Tỉ lệ (50%)
------------------------	----------	-----------	------------	-----------------	-------------

Kiểm tra, đánh giá quá trình (lần 1)					35%
Đề mở	Kiểm tra trong những nội dung sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm quá trình dạy học. 2. Hoạt động dạy và hoạt động học 3. Bản chất của quá trình dạy học. 4. Các khâu của quá trình dạy học. 5. Các thành phần cấu trúc cơ bản của quá trình dạy học. 6. Động lực của quá trình dạy học, nội động cơ học tập. 7. Nhiệm vụ dạy học. 8. Các nguyên tắc dạy học. 	Tuần 6	Bài tự luận	G1.1; G2.1; G2.2; G2.5; G3.2; G3.2	
	Kiểm tra, đánh giá quá trình (lần 2)				
Báo cáo	Các chủ đề báo cáo sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa PP, phân loại, quan điểm và cơ sở lựa chọn pp 2. Phương pháp thuyết trình: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng 3. Phương pháp diễn trình: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng 4. Phương pháp đàm thoại: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng 5. Phương pháp thảo luận: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng 6. Các giai đoạn hình thành kỹ năng và pp dạy thực hành: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng 7. Định nghĩa, mục đích, các tiêu chuẩn của bài kiểm tra và các nguyên tắc đánh giá 8. Phương pháp kiểm tra tự luận: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng 9. Phương pháp kiểm tra vấn đáp: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng 10. Phương pháp kiểm tra thực hành: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng 	Tuần 10 – Tuần 15	Bài thuyết trình kết quả làm việc nhóm/ cá nhân	G1.4; G2.4; G4.1; G1.2; G1.3 G3.	

	11. Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm: đn, ưu nhược điểm, cách vận dụng				
Điểm thưởng	SV học tập tích cực, chuyên cần, thể hiện được sự tiến bộ trong quá trình học	Tuần 1 – tuần 15	GV quan sát ghi nhận vào hồ sơ học tập sự tích cực, tiến bộ của SV Kết quả báo cáo của các nhóm đạt yêu cầu	G2.5	15%
Hình thức KT cuối kỳ	Nội dung	Thời điểm	Công cụ KT	Chuẩn đầu ra KT	Tỉ lệ (50%)
Kiểm tra cuối kỳ					
Đề mở	Nội dung bao quát tất cả các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học.	Theo kế hoạch đào tạo	Thi tự luận Thời gian làm bài 60 -90 phút.	G1.1; G1.3; G1.4; G1.5; G1.6; G2.2	

11. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần
-------------	-----------------	------------------------------

1	<p>Chương 1: Quá trình dạy học <i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp: (2/0/4)</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <p>5. Giới thiệu môn học về MT; ND; PP dạy học; PP đánh giá. 6. Đối tượng NC và nhiệm vụ của lý luận dạy học 7. Khái niệm về QTDH</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính</p> <p>+ <i>Thuyết trình</i> + <i>Đàm thoại</i></p>	G1.1; G2.5
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4) Tìm hiểu về một số quan niệm về quá trình dạy học</p>	G1.1; G2.5
2	<p>Chương 1: Quá trình dạy học (2 /0/4) <i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <p>8. Thành tố cấu trúc của QTDH 9. Bản chất của QTDH</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p>+ <i>Thuyết trình</i> + <i>Thảo luận</i></p>	G2.1; G2.5 G3.1; G3.2
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4) Giải thích các thành tố cấu trúc của QTDH</p>	G2.1
3	<p>Chương 1: Quá trình dạy học (2 /0/4) <i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <p>6. Nhiệm vụ của QTDH 2. Logic các khâu và động lực của QTDH</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p>+ <i>Thuyết trình</i> + <i>Thảo luận</i></p>	G1.1; G2.2; G2.5 G3.1; G3.2
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4) Tìm ví dụ minh họa cho các nhiệm vụ dạy học</p>	G1.1; G2.5

4	<p>Chương 1: Quá trình dạy học (2 /0/4)</p> <p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <p>3. Nguyên tắc dạy học.</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Thuyết trình</i> + <i>Thảo luận</i> 	<p>G1.1;</p> <p>G2.5</p> <p>G3.1;</p> <p>G3.2</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)</p> <p>Cho ví dụ về ứng dụng từng nguyên tắc dạy học</p>	<p>G1.1;</p> <p>G2.5</p>
5	<p>Chương 2: Mục tiêu và nội dung dạy học (NDDH) (2 /0/4)</p> <p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <p>Khái niệm, phân bậc mục tiêu, phân loại theo Bloom, yêu cầu diễn đạt mục tiêu. Cho ví dụ về mục tiêu dạy học</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Thuyết trình.</i> + <i>Đàm thoại, thảo luận</i> 	<p>G2.4;</p> <p>G2.5</p> <p>G4.1</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)</p> <p>Tìm mục tiêu dạy học của một bài học bất kỳ trong chuyên ngành</p>	<p>G4.1;</p> <p>G2.5</p>
6	<p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p><u>Kiểm tra giữa kỳ bằng hình thức thi tự luận</u></p> <p><i>(Nội dung kiểm tra theo bảng kế hoạch ở mục 10 của đề cương)</i></p>	
7	<p>Chương 2: Mục tiêu và nội dung dạy học (NDDH) (2 /0/4)</p> <p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV viết mục tiêu dạy học, cách nhận xét đánh giá về mục tiêu dạy học - Nội dung dạy học: Khái niệm, thành phần của NDDH, các yêu cầu về nội dung (cơ bản, hiện đại, thực tiễn). <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p>	<p>G1.4;</p> <p>G2.5</p> <p>G4.1;</p> <p>G3.1</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - GV thuyết trình - SV làm việc nhóm 	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)</p> <p>Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn và xây dựng nội dung dạy KT – Nghề</p>	<p>G1.4;</p> <p>G2.5</p>
8	<p>Chương 3: Phương tiện dạy học (2/0/4)</p> <p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các Nội Dung (ND) chính trên lớp:</p> <p>Khái niệm, chức năng, cơ sở lựa chọn, nguyên tắc sử dụng và tháp mức độ trực quan của phương tiện dạy học.</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p><i>Thuyết trình</i></p> <p><i>Đàm thoại</i></p> <p><i>Làm việc nhóm</i></p>	<p>G1.2;</p> <p>G2.5</p> <p>G3.1</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Phân loại, tính chất của phương tiện dạy học</p>	<p>G2.3;</p> <p>G2.5</p>
9	<p>Tổ chức, hướng dẫn SV chuẩn bị báo cáo và phản hồi kết quả đánh giá lần 1</p> <p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân chia lớp thành 11 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một chủ đề (theo chủ đề trình bày của mục 10 đề cương môn học) - GV hướng dẫn, giải thích công việc phải làm của từng nhóm - GV phản hồi kết quả đánh giá ở lần 1 <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p><i>Thuyết trình</i></p> <p><i>Đàm thoại</i></p>	<p>G3.1;</p> <p>G3.2;</p> <p>G2.5</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)</p> <p>Các nhóm chuẩn bị công việc được giao để tuần sau báo cáo</p>	<p>G3.1;</p> <p>G3.2</p>

10	<p>Chương 4: Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học (2/0/4)</p> <p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <p>Đại cương về PPDH: khái niệm, phân loại, cơ sở lựa chọn pp, quan điểm về pp dạy học.</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p><i>Thuyết trình</i></p> <p><i>SV báo cáo, thảo luận</i></p>	<p>G1.3;</p> <p>G2.3;</p> <p>G2.5</p> <p>G3.1;</p> <p>G3.2</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)</p> <p>Các kiểu dạy học</p>	G1.3
11	<p>Chương 4: Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học (2/0/4)</p> <p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <p>PP thuyết trình.</p> <p>PP diễn trình</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p><i>Thuyết trình</i></p> <p><i>Nhóm SV báo cáo, thảo luận</i></p>	<p>G1.3;</p> <p>G2.5</p> <p>G3.1;</p> <p>G3.2</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)</p> <p>Xem trước nội dung PP Đàm thoại và Thảo luận</p>	G1.3
12	<p>Chương 4: Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học (2/0/4)</p> <p><i>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</i></p> <p>PP đàm thoại</p> <p>PP thảo luận</p> <p>Các nội dung giảng dạy chính trên lớp:</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p><i>Thuyết trình</i></p> <p><i>Nhóm SV báo cáo, thảo luận</i></p>	<p>G1.3;</p> <p>G2.5</p> <p>G3.1;</p> <p>G3.2</p>

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4) Xem trước nội dung PP dạy thực hành	G1.3
13	Chương 4: Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học (2/0/4) A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp: Các nội dung giảng dạy chính trên lớp: Các giai đoạn hình thành kỹ năng PP dạy thực hành Tóm tắt các PPGD chính: <i>Thuyết trình</i> <i>Nhóm SV báo cáo, thảo luận</i>	G1.3; G2.5 G3.1; G3.2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4) Tìm hiểu các hình thức tổ chức dạy - học Hệ thống lại các phương pháp dạy học	G1.3; G2.5
	Chương 5: Kiểm tra đánh giá (2/0/4) A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp: Các Nội Dung (ND) chính trên lớp: + Đại cương về KTĐG: khái niệm, phân loại, chức năng, mục đích, tiêu chuẩn của bài kiểm tra, nguyên tắc kiểm tra đánh giá. + Phương pháp kiểm tra chủ quan: KT viết Tóm tắt các PPGD chính: <i>Thuyết trình</i> <i>Nhóm SV báo cáo, thảo luận</i>	G1.6; G2.3; G2.5; G3.1; G3.2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4) So sánh bản chất của nhóm KT chủ quan và KT khách quan.	G2.3; G2.5

15	<p>Chương 5: Kiểm tra, đánh giá (2/0/4)</p> <p>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</p> <p>Các Nội Dung (ND) chính trên lớp:</p> <p>+ Phương pháp kiểm tra chủ quan: vấn đáp, thực hành.</p> <p>+ Phương pháp kiểm tra khách quan: Trắc nghiệm</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p><i>Thuyết trình</i></p> <p><i>Nhóm SV báo cáo, thảo luận</i></p>	<p>G1.6;</p> <p>G2.5;</p> <p>G3.1;</p> <p>G3.2</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4)</p> <p>+ Tóm tắt các đặc điểm, ưu và nhược điểm, trường hợp vận dụng của các phương pháp kiểm tra.</p>	<p>G1.6;</p> <p>G2.5</p>
16 (dự trữ)	<p>Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp:</p> <p>Các Nội Dung (ND) chính trên lớp:</p> <p>Hệ thống lại toàn bộ nội dung giảng dạy của môn học</p> <p>Giải đáp thắc mắc cho SV</p> <p>Tóm tắt các PPGD chính:</p> <p><i>GV thuyết trình</i></p> <p><i>Phương pháp đàm thoại</i></p> <p><i>Thảo luận</i></p>	

14. Đạo đức khoa học: Thi tự luận với đề mở sinh viên không được sao chép. Nếu sao chép SV bị đánh giá 0 điểm (không điểm).

15. Ngày phê duyệt:

16. Cấp phê duyệt:

Viện trưởng

Trưởng TT đào tạo đại học

Nhóm biên soạn

17. Tiến trình cập nhật ĐCCT

Lần 1: Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 1: ngày/tháng/năm	(người cập nhật ký và ghi rõ họ tên) Trưởng TTĐT đại học:
Lần 2: Nội Dung Cập nhật ĐCCT lần 2: ngày/tháng/năm	(người cập nhật ký và ghi rõ họ tên) Trưởng TTĐT đại học:

PHỤ LỤC 3: MINH CHỨNG VỀ ĐÁNH GIÁ BÀI DẠY CỦA TRỢ GIẢNG

PHỤ LỤC 4: MINH CHỨNG VỀ KHẢO SÁT VÀ QUAN SÁT CỦA SV

PHỤ LỤC 5: BẢN SAO THUYẾT MINH ĐỀ TÀI

PHỤ LỤC 6: BẢN SAO BÀI BÁO KHOA HỌC

